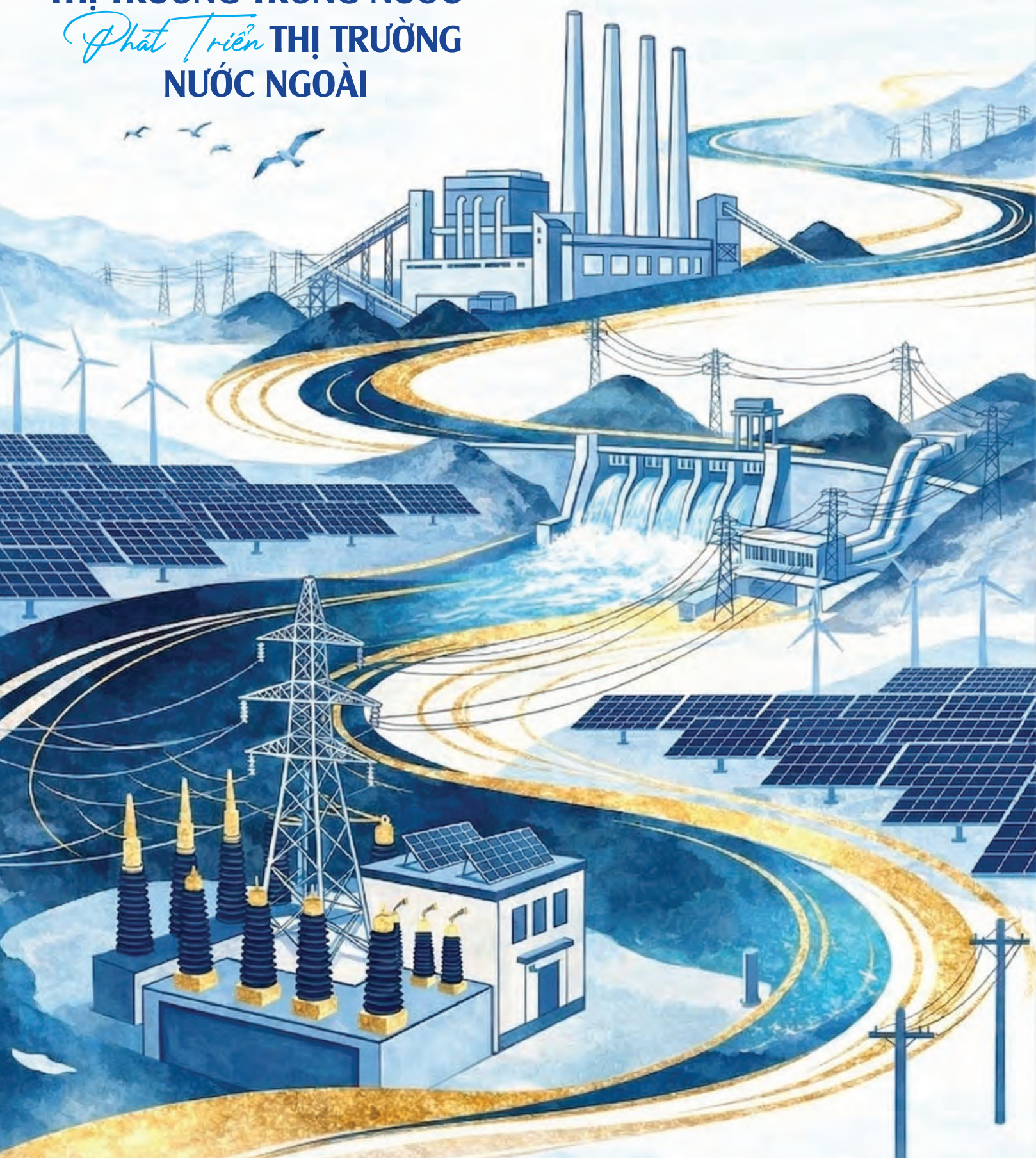
PECC2
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2025
www.pecc2.com

Củng Cố
THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC
Phát Triển THỊ TRƯỜNG NƯỚC NGOÀI



Nội Dung

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2025



01 THÔNG TIN CHUNG

10 Thông tin khái quát
12 Tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi
14 Quá trình hình thành và phát triển
16 Thành tựu tiêu biểu năm 2025
20 Lĩnh vực hoạt động, địa bàn kinh doanh
24 Mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức
26 Giới thiệu Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát
29 Giới thiệu Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng
32 Các công ty con và công ty liên kết
34 Định hướng phát triển
44 Các rủi ro

02 CÁC CON SỐ TÀI CHÍNH NỔI BẬT

48 Các con số tài chính nổi bật

03 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

52 Bối cảnh chung
54 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
62 Tổ chức và nhân sự
68 Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
72 Tình hình tài chính
74 Cơ cấu cổ đông

04 BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

78 Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
80 Đánh giá tình hình tài chính
82 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý
84 Kế hoạch phát triển trong tương lai
86 Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

05 ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

92 Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.
95 Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
96 Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

06 QUẢN TRỊ CÔNG TY

100 Hội đồng quản trị
108 Ban kiểm soát
111 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban TGĐ, và BKS
113 Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

07 BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

118 Chính sách phát triển bền vững ESG của PECC2
126 Kết quả thực hiện phát triển bên vững tại PECC2 năm 2025

08 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

156 Thông tin chung
158 Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
159 Báo cáo kiểm toán độc lập
160 Bảng cân đối kế toán hợp nhất
164 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
166 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
168 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất



DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT VÀ TỪ TIẾNG ANH

Công ty/PECC2 :	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2
ASEAN Corporate Governance Scorecard :	Thẻ điểm quản trị công ty ASEAN
BESS :	Hệ thống lưu trữ năng lượng bằng pin
BHTN:	Bảo hiểm thất nghiệp
BHXH :	Bảo hiểm xã hội
BIM :	Mô hình thông tin công trình
BKS :	Ban Kiểm soát
CBNV :	Cán bộ nhân viên
COD :	Ngày vận hành thương mại
CSR :	Báo cáo trách nhiệm xã hội doanh nghiệp
CTCP :	Công ty Cổ phần
ĐHĐCĐ TN :	Đại hội đồng cổ đông thường niên
DPPA :	Mua bán điện trực tiếp

DPPA Strategies for Net Zero :	Chiến lược Mua bán điện trực tiếp để không phát thải ròng
EPC :	Thiết kế, mua sắm và xây dựng
ERP :	Hệ thống phần mềm quản lý tổng thể doanh nghiệp
ESG :	Môi trường, xã hội và quản trị
EVN:	Tập đoàn Điện lực Việt Nam
GDP :	Tổng sản phẩm nội địa
GRI (Global Reporting Initiative) :	Tổ chức phi lợi nhuận quốc tế nhằm tạo ra các tiêu chuẩn báo cáo bền vững
HĐQT :	Hội đồng quản trị
HVDC :	Truyền tải điện năng cao áp một chiều
IFRS :	Bộ chuẩn mực kế toán quốc tế
ISO 14001 :	Tiêu chuẩn quốc tế dành cho Hệ thống quản lý môi trường
ISO 45001 :	Tiêu chuẩn quốc tế quy định các yêu cầu về hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp
ISO 9001 :	Tiêu chuẩn quốc tế về hệ thống quản lý chất lượng
LNG :	Khí thiên nhiên hóa lỏng
NLĐ :	Người lao động
OECD :	Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế
PECC2 Innovation Hub :	Tòa nhà hoạt động kinh doanh của PECC2
PESE :	Công ty TNHH Dịch vụ và Kỹ thuật Năng lượng PECC2
PSC :	Công ty TNHH Khảo sát và Xây dựng PECC2
PSuite :	Phần mềm quản lý năng lượng tái tạo do PECC2 phát triển
ROA :	Tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản
ROE :	Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu
ROS :	Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu
Scan to BIM :	Quét chuyển đổi dữ liệu sang mô hình thông tin công trình
TGĐ :	Tổng Giám đốc
TNHH :	Trách nhiệm hữu hạn
USAID :	Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa kỳ
VCCI :	Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam





Thông Điệp
CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý Cổ đông, Quý Khách hàng và Quý Đối tác,

Năm 2025, Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 (PECC2) tròn 40 năm hình thành và phát triển - một chặng đường đầy thử thách để tích lũy kinh nghiệm, khẳng định bản lĩnh nghề nghiệp và tiếp tục đồng hành cùng ngành điện lực quốc gia trước những thay đổi ngày càng sâu rộng. Trong năm kỷ niệm đặc biệt này, PECC2 còn được hoà chung trong một khí thế tái thiết đầy năng lượng của đất nước, sẵn sàng bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

Năm 2025 đã khép lại với những dấu ấn quan trọng trong hành trình phát triển của PECC2. Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu và khu vực có nhiều biến động, thị trường năng lượng chuyển dịch mạnh mẽ theo hướng xanh và bền vững, PECC2 đã chứng tỏ khả năng thích ứng linh hoạt, bản lĩnh vượt khó và tinh thần sáng tạo không ngừng. Dưới sự lãnh đạo sát sao của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc, sự nỗ lực đồng lòng của toàn thể người lao động, Công ty không chỉ hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kinh doanh trọng yếu mà còn thực hiện thành công việc tái cấu trúc tổ chức, mở ra một giai đoạn phát triển mới với mô hình vận hành tinh gọn, hiệu quả và hướng tới tăng trưởng bền vững.

PECC2 trân trọng tri ân sự tin tưởng của Quý Khách hàng, sự đồng hành của Quý Cổ đông, sự tín nhiệm của Quý Đối tác và sự gắn bó của Người lao động đối với quá trình phát triển của Công ty, và mong rằng sẽ tiếp tục nhận được sự tin yêu và ủng hộ của Quý vị trong công cuộc thực hiện mục tiêu từ nay đến 2030, với khát vọng không ngừng đưa PECC2 lên tầm cao mới của phát triển bền vững.

Kính chúc Quý vị sức khỏe, hạnh phúc, thành công và thịnh vượng!

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

NGUYỄN CHƠN HÙNG



01

THÔNG TIN CHUNG

10 Thông tin khái quát
12 Tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi
14 Quá trình hình thành và phát triển
16 Thành tựu tiêu biểu năm 2025
20 Lĩnh vực hoạt động, địa bàn kinh doanh
24 Mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức
26 Giới thiệu Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát
29 Giới thiệu Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng
32 Các công ty con và công ty liên kết
34 Định hướng phát triển
44 Các rủi ro

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2

Tên tiếng Anh	POWER ENGINEERING CONSULTING JOINT STOCK COMPANY 2
Tên viết tắt	PECC2
Giấy ĐKKD	0300420157 (Đăng ký lần đầu ngày 29/10/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 22 ngày 07/8/2025 tại Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM)
Địa chỉ trụ sở chính	32 Ngô Thời Nhiệm, Phường Xuân Hòa, TP. HCM, Việt Nam
Địa chỉ kinh doanh	45 Đường số 2, Phường Thủ Đức, TP. HCM, Việt Nam
Điện thoại	(84.28) 2221 6468
Fax	(84.28) 2221 0408
Email	info@pecc2.com
Website	www.pecc2.com
Mã chứng khoán	TV2

VỐN ĐIỀU LỆ (VNĐ)

675.261.650.000

VỐN CHỦ SỞ HỮU HỢP NHẤT TẠI NGÀY 31/12/2025

1.275.878.838.705

PECC2

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2



TẦM NHÌN, SỨ MỆNH, GIÁ TRỊ CỐT LÕI

TẦM NHÌN

PECC2 là doanh nghiệp công nghệ số trong lĩnh vực năng lượng, điều hành mọi hoạt động quản trị và hoạt động sản xuất kinh doanh trên nền tảng số tích hợp.

Tăng cường vị thế cạnh tranh dựa trên năng lực số, mang đến sự khác biệt cho các đối tác, khách hàng thông qua các trải nghiệm số và các sản phẩm, dịch vụ chất lượng cao, đa dạng, với nhiều giá trị gia tăng.

PECC2 là doanh nghiệp đứng trong 100 doanh nghiệp tiêu biểu hàng đầu Việt Nam, doanh thu đạt 10.000 tỷ đồng/năm.

SỨ MỆNH

Đảm bảo môi trường làm việc tin cậy, cộng tác và thấu cảm, vì hạnh phúc của mọi nhân sự PECC2.

Đồng hành cùng sự phát triển năng lượng Việt Nam, vì một hệ thống điện quốc gia thông minh và bền vững.

Hợp tác thực thi các dự án năng lượng trên nền tảng công nghệ số, vì một mạng lưới năng lượng ASEAN kết nối





QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

PECC2
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2





Bộ Điện lực điều động lực lượng kỹ sư và công nhân vào miền Nam để thiết kế xây dựng công trình Thủy điện Trị An – Công trình nguồn điện đầu tiên ở phía Nam từ ngày thống nhất đất nước.

1981



Công ty Khảo sát Thiết kế Điện 2 (PIDC2) ra đời, trực thuộc bộ Điện lực.

01/07/1985



Công ty được đổi tên thành Công ty Tư vấn Xây dựng Điện 2 (PECC2) theo Quyết định số 02/1999/QĐ-BCN của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp.

01/11/1999

Doanh thu PECC2 vượt mốc 1000 tỷ VNĐ.

2016



PECC2 đón nhận Huân chương Độc lập hạng 1.

2015



PECC2 chính thức niêm yết cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội.

13/10/2009

EVNPECC2

Công ty chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2, trong đó Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) nắm giữ 51,26% cổ phần.

01/11/2007



PECC2 khai trương Văn phòng Đại diện tại Myanmar.

18/05/2017



Chuyển sàn, chính thức niêm yết cổ phiếu PECC2 trên Sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

06/06/2019



Thành lập Trung tâm Năng lực số.

31/03/2021



Kỷ niệm 40 năm thành lập Công ty

07/2025



THÀNH TỰU TIÊU BIỂU 2025



Ký kết các hợp đồng kinh tế và hoàn thành các dự án tiêu biểu



1

Chính thức phát điện thương mại hai dự án trọng điểm: Nhà máy điện sinh khối Hậu Giang (20MW) và Nhà máy thủy điện Thác Bà 2 (18,9MW) trong tháng 04/2025.



2

Ký kết hợp đồng EPC dự án Nhà máy Nhiệt điện Ô Môn IV (1.155MW) ngày 06/06/2025; dự án được khởi công ngày 19/08/2025, là một trong 250 công trình tiêu biểu toàn quốc nhân dịp kỷ niệm 80 năm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2/9.



3

Đẩy mạnh mở rộng dịch vụ vận hành & bảo trì (O&M) ra thị trường quốc tế: Ký hợp đồng O&M trạm biến áp 500/110kV của Dự án điện gió Moonson 600MW tại Lào ngày 29/07/2025. Tiếp cận và triển khai dịch vụ O&M tại thị trường Philippines, khẳng định năng lực cạnh tranh quốc tế của PECC2 trong lĩnh vực dịch vụ kỹ thuật vận hành.



4

Ký kết hợp đồng tư vấn khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Nhà máy điện LNG Quảng Trạch III ngày 29/7/2025 và ký thỏa thuận nguyên tắc thực hiện dự án Nhà máy điện LNG Công Thanh ngày 19/8/2025.



5

Thực hiện tư vấn khảo sát, thiết kế nhiều công trình truyền tải điện chiến lược, có yêu cầu tiến độ đặc biệt theo chỉ đạo Tập đoàn Điện lực Việt Nam, như: Đường dây 500kV Vũng Áng - Trạm cắt Hòa Bình 2, Đường dây 500kV Yên Bái - Thái Nguyên, Đường dây 500kV Than Uyên - Yên Bái (theo Văn bản số 5781/EVN-KH+ĐTXD ngày 08/09/2025).



6

Đóng điện thành công công trình Cấp điện từ lưới điện quốc gia cho Đặc khu Côn Đảo ngày 02/09/2025, khánh thành chính thức ngày 19/12/2025.



7

Ký kết Hợp đồng EPC điện gió Tân Thuận - Giai đoạn 3 ngày 22/08/2025, dự án động thổ ngày 14/10/2025.



8

Ký kết hợp đồng EPC dự án Nhà máy điện sinh khối Yên Bái 1 (50MW) và Tuyên Quang (50MW) lần lượt vào các ngày 07/11/2025, ngày 02/12/2025 và động thổ đồng loạt vào ngày 19/12/2025.

Ký kết các thoả thuận hợp tác tiêu biểu



9

Ký kết Biên bản ghi nhớ (MoU) hợp tác với Rosatom (Nga) về Dự án Nhà máy điện hạt nhân Ninh Thuận 1 tại Diễn đàn Tuần lễ Nguyên tử Thế giới (Moscow) ngày 26/09/2025).



10

PECC2 và Solarvest, EVM, Chí Hùng (Adidas), Regina Miracle ký kết hợp tác chiến lược theo cơ chế DPPA.

THÀNH TỰU TIÊU BIỂU 2025 *(Tiếp theo)*

Hoàn thiện cơ cấu tổ chức



11

Hoàn thiện mô hình tổ chức công ty mẹ - công ty con, ngày 3/10/2025 đã chính thức ra mắt Công ty TNHH Khảo sát và Xây dựng PECC2 (PSC, thành lập ngày 6/8/2025) và Công ty TNHH Dịch vụ và Kỹ thuật Năng lượng PECC2 (PESE, thành lập ngày 30/9/2025).



12

Hoàn thiện cơ cấu tổ chức theo hướng tinh gọn và hiệu quả theo quyết định ngày 8/8/2025.

Các hoạt động tiêu biểu khác



13

PECC2 tổ chức thành công nhiều hội nghị, đại hội và hoạt động nội bộ quan trọng:

- Hội nghị Đại biểu Người lao động Công ty lần thứ 17 ngày 31/03/2025.
- Đại hội Đảng bộ Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 lần thứ XIII, nhiệm kỳ 2025 - 2030 ngày 16/06/2025 với tinh thần đoàn kết - dân chủ - kỷ cương - đổi mới - phát triển.
- Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 ngày 27/06/2025.
- Lễ mít tinh kỷ niệm 40 năm thành lập Công ty (1/7/1985 - 1/7/2025) ngày 04/07/2025, đánh dấu một chặng đường phát triển bền vững, không ngừng đổi mới và tiên phong trong lĩnh vực tư vấn xây dựng điện.
- Đại hội đại biểu Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 lần IX nhiệm kỳ 2025-2030 ngày 23/09/2025.
- Đại hội Công đoàn lần thứ XII, nhiệm kỳ 2025-2030 ngày 20/11/2025.



14

Tổ chức khóa đào tạo nội bộ đặc biệt để truyền cảm hứng với chủ đề "Kiến thức cơ bản về công nghệ Nhà máy Nhiệt điện" do Chủ tịch HĐQT chủ trì ngày 10/10/2025, góp phần lan tỏa văn hóa học tập và nâng cao kiến thức nền về công nghệ nhiệt điện cho cán bộ ngoài khối kỹ thuật.



15

Tổ chức các hội thảo chuyên đề, cập nhật xu hướng ngành năng lượng: Phát triển điện hạt nhân: Vai trò và lợi thế của PECC2 ngày 27/02/2025; DPPA Strategies for Net Zero ngày 13/05/2025.

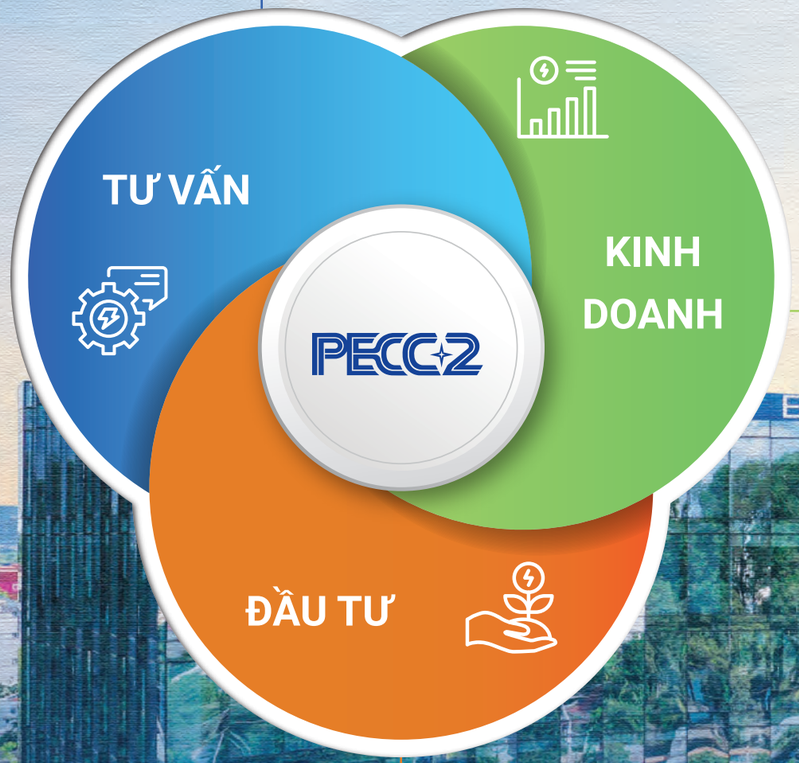


16

Tòa nhà PECC2 Innovation Hub được công nhận đạt chuẩn công trình xanh quốc tế EDGE Advanced và đạt Giải thưởng Hiệu quả năng lượng trong các công trình xây dựng năm 2025.



LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG, ĐỊA BÀN KINH DOANH



PECC2 TẬP TRUNG VÀO BA LĨNH VỰC KINH DOANH CỐT LÕI:

TƯ VẤN

Ngoài các công tác tư vấn truyền thống về hệ thống lưới điện, nguồn điện, bao gồm khảo sát, từ khâu lập qui hoạch, đề xuất dự án cho đến khi dự án đi vào vận hành, PECC2 không ngừng mở rộng dịch vụ trong các lĩnh vực tư vấn tiết kiệm năng lượng, năng lượng xanh và chuyển dịch năng lượng, đồng thời chủ động ứng dụng công nghệ năng lượng tái tạo như điện gió, điện mặt trời, sinh khối, hydro cũng như nghiên cứu và tiên phong tiếp cận công nghệ điện hạt nhân, góp phần thúc đẩy chuyển đổi năng lượng bền vững.

PECC2 mở rộng dịch vụ khảo sát sang các lĩnh vực khác nhằm đa dạng hóa doanh thu. Bên cạnh đó, Công ty cũng tập trung phát triển tư vấn đầu tư, quản lý dự án và tích hợp công nghệ số vào khảo sát, quan trắc, Scan to BIM, giúp tối ưu chi phí, nâng cao chất lượng công trình và gia tăng giá trị cho khách hàng.

PECC2 cũng chú trọng tối ưu nguồn lực, chuẩn hóa quy trình và ứng dụng công nghệ số nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và năng lực cạnh tranh.

KINH DOANH

PECC2 tập trung phát triển lĩnh vực tổng thầu EPC các dự án năng lượng, chế tạo thiết bị và cung cấp giải pháp kỹ thuật cho công trình năng lượng, đồng thời đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số nhằm tối ưu quy trình và kiểm soát rủi ro.

- ***Tổng thầu EPC:*** Khai thác cơ hội thị trường, tham gia đấu thầu trong và ngoài nước, đồng thời tăng cường quản lý rủi ro, ứng dụng công nghệ số và hợp đồng thông minh để nâng cao hiệu quả. Tiếp tục củng cố và phát triển năng lực quản lý dự án EPC, với trọng tâm là quản lý rủi ro, số hóa và tối ưu vận hành.
- ***Chế tạo thiết bị:*** Mở rộng sản xuất kết cấu thép, thiết bị phụ trợ, đồng thời triển khai ERP, BIM, chuyển đổi số và tăng cường hợp tác thương mại trong lĩnh vực thiết bị công nghiệp.
- ***Dịch vụ kỹ thuật nhà máy điện:*** Cung cấp giải pháp vận hành, bảo trì, tối ưu hóa công suất, xây dựng mô hình số, song sinh số và mở rộng cơ sở dữ liệu quản lý năng lượng.

ĐẦU TƯ

Ưu tiên đầu tư vào các dự án năng lượng sạch bao gồm thủy điện nhỏ, điện mặt trời, điện gió và điện sinh khối, nhằm góp phần thúc đẩy chuyển đổi năng lượng bền vững.

TƯ VẤN HƠN 100 DỰ ÁN NGUỒN ĐIỆN
>25.000 MW

QUẢN LÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY ĐIỆN
>4.800 MW

TƯ VẤN HƠN 150 TRẠM BIẾN ÁP
>28.000 MVA

TƯ VẤN DỰ ÁN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO
>5.000 MW

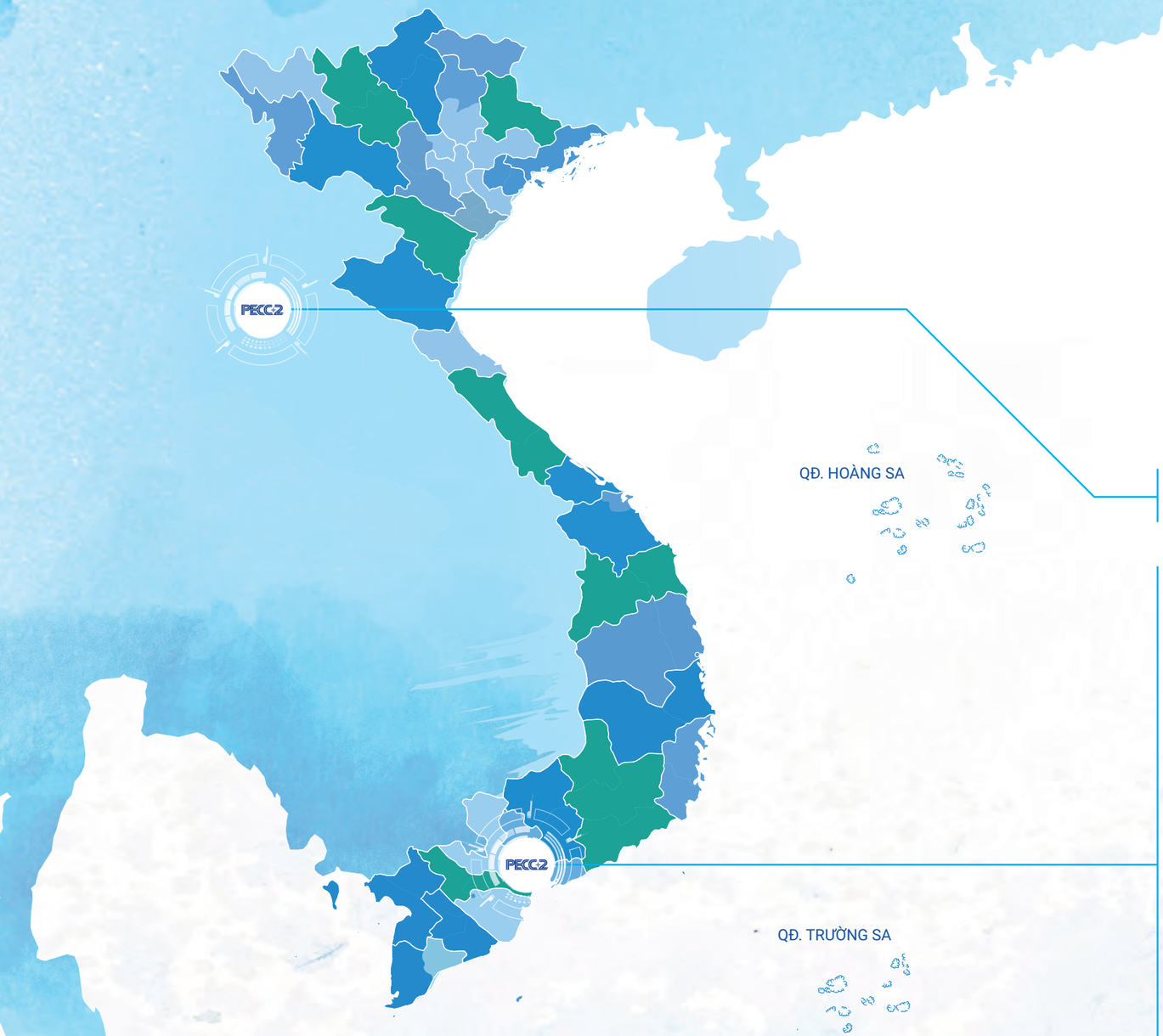
TƯ VẤN HƠN 450 DỰ ÁN ĐƯỜNG DÂY
>6.500 KM

PECC2 INNOVATION HUB
Số 45, Đường Số 2, P. Thủ Đức, TP. HCM
(028) 2221 6468
(028) 2221 0408
info@pecc2.com

CÔNG TY TNHH KHẢO SÁT & XÂY DỰNG PECC2
Số 45, Đường Dân Chủ, P. Thủ Đức, TP. HCM
Tel: (028) 2221 6468 (6105)
psc.@pecc2.com

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VÀ KỸ THUẬT NĂNG LƯỢNG PECC2
PECC2 Innovation Hub - Số 45, Đường số 2, P. Thủ Đức, TP. HCM
(+84) 789 863 866
bdd.pese@pecc2.com
Trung tâm Sản xuất Cơ khí: Đường số 6, KCN Long Khánh, Phường Bình Lộc, Tỉnh Đồng Nai

ĐỊA BÀN KINH DOANH



Mạng lưới kinh doanh của PECC2 bao phủ rộng khắp từ Bắc vào Nam với sự hoạt động hiệu quả, chất lượng của hệ thống các nhà máy và các đơn vị thành viên trong tất cả các lĩnh vực: Tư vấn xây dựng điện; tổng thầu EPC, chế tạo thiết bị và cung cấp giải pháp kỹ thuật cho công trình năng lượng; đầu tư vào các dự án năng lượng sạch bao gồm thủy điện nhỏ, điện mặt trời, điện gió và điện sinh khối.

PECC2 đã mở rộng hoạt động quản lý vận hành, tư vấn xây dựng điện, tổng thầu,... sang các thị trường Lào, Campuchia, Philippines...



VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI LÀO

Bản Thongtoum, quận Chanthabouly, thủ đô Vientiane, Lào.

TRỤ SỞ CHÍNH

32 Ngô Thời Nhiệm, Phường Xuân Hòa, TP. HCM, Việt Nam

ĐỊA CHỈ KINH DOANH

Tòa nhà PECC2 INNOVATION HUB 45 Đường Số 2, Phường Thủ Đức, TP. HCM, Việt Nam.

CÔNG TY TNHH KHẢO SÁT VÀ XÂY DỰNG PECC2

45 Dân Chủ, Phường Thủ Đức, TP. HCM, Việt Nam.

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VÀ KỸ THUẬT NĂNG LƯỢNG PECC2

Trụ sở chính: 45 Đường Số 2, Phường Thủ Đức, TP. HCM, Việt Nam.

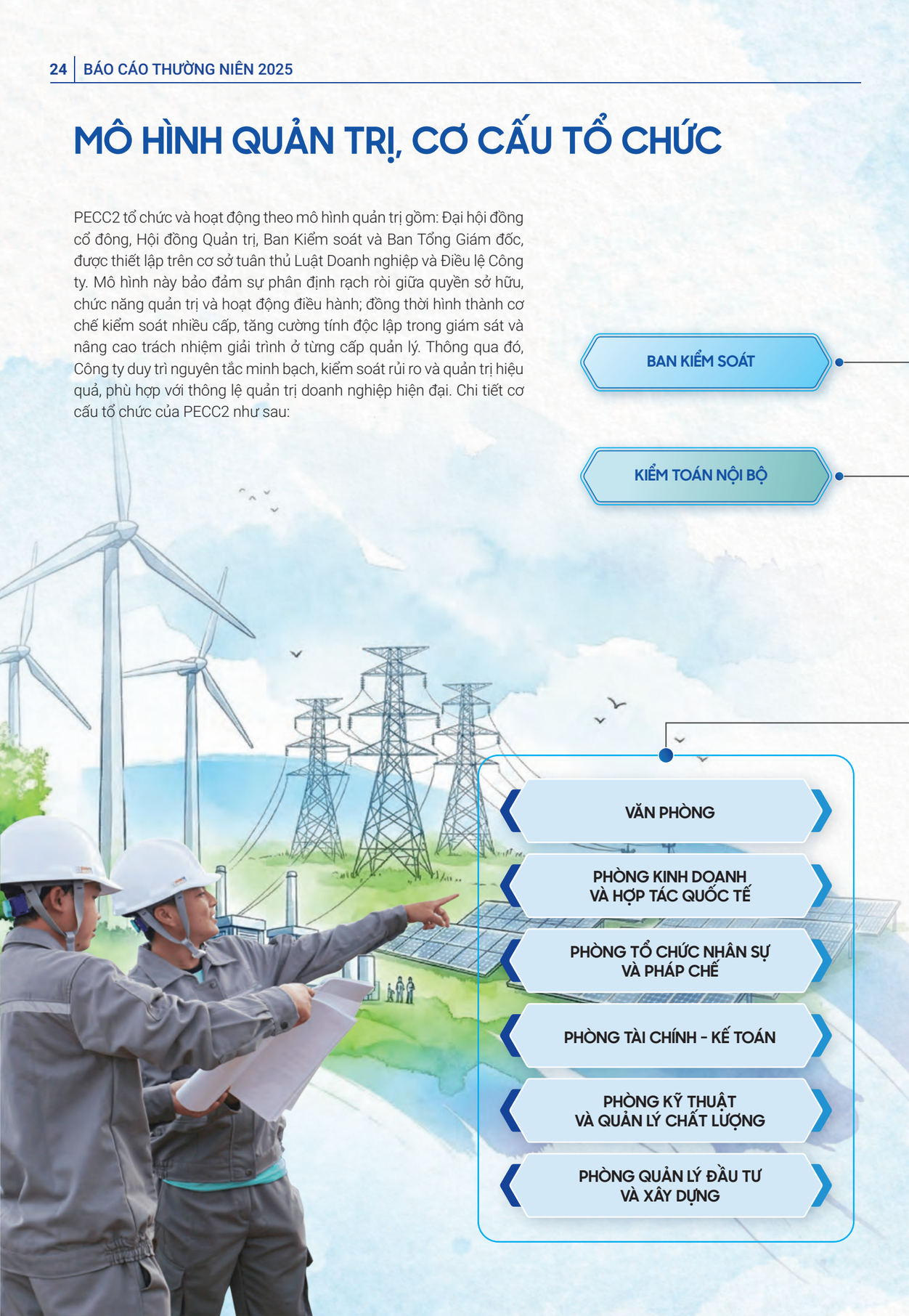
Nhà máy: Đường số 6, KCN Long Khánh, Xã Bình Lộc, TP. Long Khánh, Đồng Nai, Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN HÀNH VÀ BẢO TRÌ CẢNG PECC2

02 đường Mỹ Phú 2B, Phường Tân Mỹ, TP.HCM, Việt Nam

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, CƠ CẤU TỔ CHỨC

PECC2 tổ chức và hoạt động theo mô hình quản trị gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc, được thiết lập trên cơ sở tuân thủ Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Mô hình này bảo đảm sự phân định rạch ròi giữa quyền sở hữu, chức năng quản trị và hoạt động điều hành; đồng thời hình thành cơ chế kiểm soát nhiều cấp, tăng cường tính độc lập trong giám sát và nâng cao trách nhiệm giải trình ở từng cấp quản lý. Thông qua đó, Công ty duy trì nguyên tắc minh bạch, kiểm soát rủi ro và quản trị hiệu quả, phù hợp với thông lệ quản trị doanh nghiệp hiện đại. Chi tiết cơ cấu tổ chức của PECC2 như sau:





GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT



Ông **NGUYỄN CHƠN HÙNG**
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Tỷ lệ cá nhân sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,31%

Tỷ lệ đại diện sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 20,53%

Trình độ chuyên môn:

Kỹ sư Cơ khí, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

01/1996 – 05/2006: Kỹ sư Trung tâm Tư vấn Nhiệt điện và Điện hạt nhân, PECC2.

06/2006 – 06/2022: Lần lượt nắm giữ các chức vụ: Phó Trưởng phòng Thiết kế Nhiệt điện, Phó Giám đốc, Giám đốc Trung tâm Tư vấn Nhiệt điện và Điện hạt nhân; Phó Tổng Giám đốc, Thành viên Hội đồng quản trị PECC2, Giám đốc Trung tâm Quản lý dự án EPC, Tổng Giám đốc, Chủ tịch Hội đồng quản trị PECC2.

06/2022 – nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị PECC2.



Ông **VÕ VĂN BÌNH**
Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Tỷ lệ cá nhân sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,04%

Tỷ lệ đại diện sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 15,40%

Trình độ chuyên môn:

Kỹ sư Điện, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

11/2006 – 10/2011: Kỹ sư Trung tâm Tư vấn Nhiệt điện và Điện hạt nhân, PECC2.

10/2011 – 06/2022: Lần lượt nắm giữ các chức vụ: Phó Trưởng phòng Điện, Phó Giám đốc Trung tâm Tư vấn Nhiệt điện và Điện hạt nhân; Phó Giám đốc, Giám đốc Trung tâm Quản lý dự án EPC, Giám đốc Trung tâm Tư vấn Nhiệt điện và Điện hạt nhân, Giám đốc Chi nhánh Vận hành và Bảo trì Nhà máy điện, Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc PECC2.

06/2022 - nay: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc PECC2.



Bà **PHẠM LIÊN HẢI**
Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc

Tỷ lệ cá nhân sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,36%

Tỷ lệ đại diện sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 15,40%

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Ngữ văn Anh, Thạc sĩ Tài chính

Quá trình công tác:

05/2004 – 03/2010: Chuyên viên Phòng Tài chính – Kế toán, PECC2.

03/2010 – 04/2021: Lần lượt nắm giữ các chức vụ: Phó Trưởng phòng Tài chính – Kế toán PECC2, Phó Trưởng phòng Kế hoạch Tổng hợp thuộc Trung tâm Tư vấn Nhiệt điện và Điện hạt nhân, Phó Giám đốc Trung tâm Quản lý dự án EPC; Trợ lý Tổng Giám đốc; Phó Tổng Giám đốc PECC2.

04/2021 – nay: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc PECC2.



Ông **NGUYỄN MẠNH PHÁT**
Thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành

Tỷ lệ cá nhân sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư, Thạc sĩ Xây dựng, Thạc sĩ Phát triển và Đầu tư Tài chính

Quá trình công tác:

06/2009 – 07/2013: Kỹ sư Trung tâm Tư vấn Nhiệt điện và Điện hạt nhân, PECC2.

08/2013 – 04/2021: Lần lượt nắm giữ các chức vụ: Phó Trưởng phòng Xây dựng, Trưởng phòng Thiết kế EPC thuộc Trung tâm Tư vấn Nhiệt điện và Điện hạt nhân, Phó Giám đốc, Giám đốc Trung tâm Tư vấn Nhiệt điện và Điện hạt nhân, PECC2.

04/2021 – nay: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Trung tâm Tư vấn Nguồn điện, PECC2.



Ông **ĐINH QUANG TRI**
Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập

Tỷ lệ cá nhân sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

1982 – 1987: Công tác tại Viện quy hoạch và Thiết kế vĩ mô.

1988 – 1994: Công tác Tại Bộ Năng lượng.

1995 – 2019: Công tác tại Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

06/2022 – nay: Thành viên Hội đồng quản trị PECC2.

GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT *(Tiếp theo)*



Bà **NGUYỄN HỒNG KHANH**
Trưởng Ban Kiểm soát

Tỷ lệ cá nhân sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế Năng lượng
Quá trình công tác:
03/1992 – 03/2014: Chuyên viên chính tại Ban Kinh doanh - Tổng công ty Điện lực Miền Bắc.
04/2014 – 2019: Chuyên viên chính tại Ban Kiểm toán nội bộ và Giám sát tài chính – Tập đoàn Điện lực Việt Nam.
2019 – nay: Phó Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ và Giám sát tài chính – Tập đoàn Điện lực Việt Nam.
04/2021 – nay: Kiêm Trưởng Ban Kiểm soát PECC2.



Bà **TRẦN THỊ VIỆT HÀ**
Thành viên Ban Kiểm soát

Tỷ lệ cá nhân sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế
Quá trình công tác:
2008 – 10/2013: Trưởng Bộ phận Thu xếp Vốn – Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực.
11/2013 – 06/2025: Chuyên viên Ban Quản lý Đầu tư Vốn - Tập đoàn Điện lực Việt Nam.
06/2025 – nay: Chuyên viên Ban Tài chính Kế toán – Tập đoàn Điện lực Việt Nam.
06/2022 – nay: Kiêm Thành viên Ban Kiểm soát PECC2.



Bà **PHẠM THỊ LAN ANH**
Thành viên Ban Kiểm soát

Tỷ lệ cá nhân sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,02%
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán
Quá trình công tác:
11/1985 – 06/2022: Lần lượt trải qua các vị trí: Chuyên viên Phòng Tài chính Kế toán – PECC2, Chuyên viên Phòng Kế hoạch Tổng hợp – Trung tâm Tư vấn Nhiệt điện và Điện hạt nhân – PECC2, Chuyên viên Trung tâm Quản lý dự án EPC – PECC2.
07/2022 – nay: Kế toán trưởng tại CTCP Năng lượng Tái tạo Sơn Mỹ kiêm Thành viên Ban Kiểm soát – PECC2.

GIỚI THIỆU BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG



Ông **VÕ VĂN BÌNH**
Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Tỷ lệ cá nhân sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,04%
Tỷ lệ đại diện sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 15,40%
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác:
11/2006 – 10/2011: Kỹ sư Trung tâm Tư vấn Nhiệt điện và Điện hạt nhân, PECC2.
10/2011 – 06/2022: Lần lượt nắm giữ các chức vụ: Phó Trưởng phòng Điện, Phó Giám đốc Trung tâm Tư vấn Nhiệt điện và Điện hạt nhân, Phó Giám đốc, Giám đốc Trung tâm Quản lý dự án EPC, Giám đốc Trung tâm Tư vấn Nhiệt điện và Điện hạt nhân, Giám đốc Chi nhánh Vận hành và Bảo trì Nhà máy điện, Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc PECC2.
06/2022 – nay: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc PECC2.



Bà **PHẠM LIÊN HẢI**
Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc

Tỷ lệ cá nhân sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,36%
Tỷ lệ đại diện sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 15,40%
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Ngữ văn Anh, Thạc sĩ Tài chính
Quá trình công tác:
05/2004 – 03/2010: Chuyên viên Phòng Tài chính – Kế toán, PECC2.
03/2010 – 04/2021: Lần lượt nắm giữ các chức vụ: Phó Trưởng phòng Tài chính – Kế toán, Phó Trưởng phòng Kế hoạch Tổng hợp thuộc Trung tâm Tư vấn Nhiệt điện và Điện hạt nhân, Phó Giám đốc Trung tâm Quản lý dự án EPC, Trợ lý Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc PECC2.
04/2021 – nay: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc PECC2.



Ông **NGUYỄN HẢI PHÚ**
Phó Tổng Giám đốc

Tỷ lệ cá nhân sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,07%
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kỹ thuật Nhiệt, Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh
Quá trình công tác:
06/1999 – 11/2007: Kỹ sư Trung tâm Tư vấn Nhiệt điện và Điện hạt nhân, PECC2.
11/2007 – 12/2016: Lần lượt nắm giữ các chức vụ: Phó Trưởng phòng, Trưởng phòng Công nghệ, Phó Giám đốc, Giám đốc Trung tâm Tư vấn Nhiệt điện và Điện hạt nhân.
12/2016 – nay: Phó Tổng Giám đốc PECC2.

GIỚI THIỆU BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG *(Tiếp theo)*



Ông **NGUYỄN TRỌNG NAM**
Phó Tổng Giám đốc

Tỷ lệ cá nhân sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,07%
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện, Thạc sĩ Quản trị Doanh nghiệp
Quá trình công tác:
06/1990 – 02/1998: Kỹ sư Trung tâm Tư vấn Lưới điện – PECC2.
03/1998 – 05/2017: Lần lượt nắm giữ các chức vụ: Phó Trưởng phòng, Trưởng phòng Đường dây (nay là Trung tâm Tư vấn Lưới điện); Thành viên Hội đồng quản trị PECC2 kiêm Giám đốc Chi nhánh Cơ điện, Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Trung tâm Tư vấn Lưới điện.
12/2013 – nay: Phó Tổng Giám đốc PECC2.



Bà **BÙI THỊ NGỌC LÝ**
Kế toán Trưởng

Tỷ lệ cá nhân sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,04%
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác:
08/1997 – 08/2003: Chuyên viên Phòng Tài chính – Kế toán, PECC2.
08/2003 – 12/2016: Lần lượt nắm giữ các chức vụ: Phó Trưởng phòng Tài chính – Kế toán PECC2, Kế toán trưởng Chi nhánh Khảo sát và Xây dựng, Trưởng phòng Tài chính – Kế toán.
12/2016 – nay: Kế toán trưởng PECC2.



PECC2

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2



CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT

1. CÔNG TY CON

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN HÀNH VÀ BẢO TRÌ CẢNG PECC2

Địa chỉ
02 đường Mỹ Phú 2B, Phường Tân Mỹ, TP.HCM, Việt Nam

Lĩnh vực SXKD chính
Vận hành và bảo trì cảng

Vốn điều lệ
4.000.000.000 đồng

Vốn thực góp của PECC2 tại 31/12/2025
2.020.000.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu của PECC2: 50,5%

CÔNG TY TNHH KHẢO SÁT VÀ XÂY DỰNG PECC2

Địa chỉ
45 Dân Chủ, Phường Thủ Đức, TP.HCM, Việt Nam

Lĩnh vực SXKD chính
Khảo sát và xây dựng

Vốn điều lệ
20.620.000.000 đồng

Vốn thực góp của PECC2 tại 31/12/2025
20.620.000.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu của PECC2: 100%

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VÀ KỸ THUẬT NĂNG LƯỢNG PECC2

Địa chỉ
45 Dân Chủ, Phường Thủ Đức, TP.HCM, Việt Nam

Lĩnh vực SXKD chính
Vận hành và bảo trì nhà máy điện, sản xuất cơ khí ngành điện

Vốn điều lệ
69.000.000.000 đồng

Vốn thực góp của PECC2 tại 31/12/2025
69.000.000.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu của PECC2: 100%

2. CÔNG TY LIÊN KẾT

CTCP ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO CÀ MAU

Địa chỉ
HG1-23 Khu phố Thương mại và Trung tâm thương mại, Phường An Xuyên, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam

Lĩnh vực SXKD chính
Sản xuất kinh doanh điện năng

Vốn điều lệ
915.540.000.000 đồng

Vốn thực góp của PECC2 tại 31/12/2025
228.885.000.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu của PECC2: 25%



CTCP NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO SƠN MỸ

Địa chỉ
Thôn 1, Xã Sơn Mỹ, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

Lĩnh vực SXKD chính
Sản xuất kinh doanh điện năng

Vốn điều lệ
349.641.000.000 đồng

Vốn thực góp của PECC2 tại 31/12/2025
87.410.250.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu của PECC2: 25%



CTCP ĐẦU TƯ THỦY ĐIỆN THÁC BÀ 2

Địa chỉ
Thôn 1, xã Thác Bà, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

Lĩnh vực SXKD chính
Sản xuất kinh doanh điện năng

Vốn điều lệ
212.962.000.000 đồng

Vốn thực góp của PECC2 tại 31/12/2025
95.382.900.000 đồng

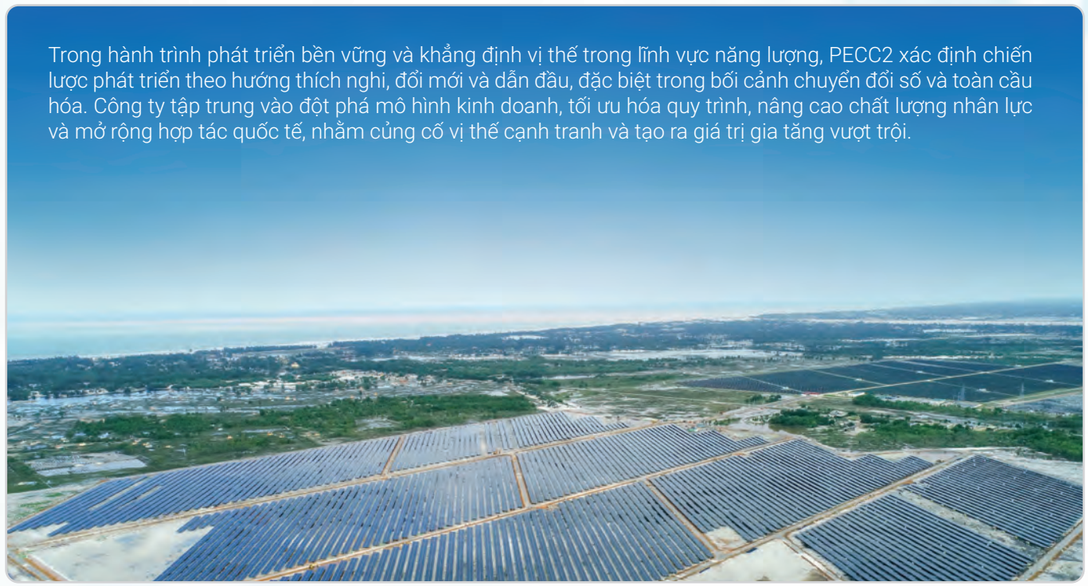
Tỷ lệ sở hữu của PECC2: 45%



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

Trong hành trình phát triển bền vững và khẳng định vị thế trong lĩnh vực năng lượng, PECC2 xác định chiến lược phát triển theo hướng thích nghi, đổi mới và dẫn đầu, đặc biệt trong bối cảnh chuyển đổi số và toàn cầu hóa. Công ty tập trung vào đột phá mô hình kinh doanh, tối ưu hóa quy trình, nâng cao chất lượng nhân lực và mở rộng hợp tác quốc tế, nhằm củng cố vị thế cạnh tranh và tạo ra giá trị gia tăng vượt trội.



CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU BAO GỒM:

1. Tập trung phát triển sáu lĩnh vực kinh doanh và ngành nghề chính: Tư vấn kỹ thuật và thiết kế; EPC; Dịch vụ khảo sát và xây dựng; Chế tạo thiết bị cơ – điện; Dịch vụ kỹ thuật cao cho các nhà máy điện; Đầu tư vào năng lượng tái tạo và năng lượng mới.

2. Phát triển PECC2 thành doanh nghiệp công nghệ số trong lĩnh vực năng lượng, ứng dụng công nghệ để đột phá mô hình kinh doanh, tối ưu hóa quy trình, tăng năng suất và lợi nhuận.

3. Đẩy mạnh đào tạo, huấn luyện, nghiên cứu khoa học ứng dụng và nghiên cứu ứng dụng công nghệ số đồng thời tập trung nâng cao năng lực nhân sự trong các mảng công nghệ mới hiện đại như BESS, Điện Hạt Nhân, HVDC, Thủy điện Tích năng nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực PECC2.

4. Củng cố vị thế cạnh tranh của PECC2 bằng cách tạo khác biệt, mang đến trải nghiệm số và cung cấp sản phẩm, dịch vụ chất lượng cao, đa dạng, với nhiều giá trị gia tăng.

5. Phát huy nội lực, kết hợp với mở rộng kết nối, hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước trong công nghệ số và các lĩnh vực năng lượng mới.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

A. ĐỔI MỚI CÔNG TÁC QUẢN TRỊ VÀ CỦNG CỐ NĂNG LỰC ĐƠN VỊ:



- Đổi mới văn hóa PECC2 phù hợp với tầm nhìn, sứ mệnh và hệ giá trị cốt lõi.
- Hoàn thiện các quy chế nội bộ, quy trình quản trị doanh nghiệp của PECC2. Phát triển và ứng dụng hệ thống trí tuệ doanh nghiệp BI trong PECC2. Tăng cường công tác quản trị nội bộ Công ty theo các bộ nguyên tắc theo thông lệ tốt nhất.
- Chuẩn hóa theo hướng tích hợp công nghệ số tất cả các quy trình nghiệp vụ, quy trình hoạt động sản xuất kinh doanh của PECC2.
- Áp dụng hệ thống chỉ số đo lường hiệu quả công việc (KPI), gắn lương, thưởng với hiệu quả công việc được giao.
- Củng cố năng lực nhân sự trong công tác quản trị chiến lược và quản trị danh mục đầu tư của Công ty.



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN *(Tiếp theo)*

Quản trị phát triển bền vững

Quản trị bền vững là được xác định là trọng tâm trong mọi hoạt động quản trị và vận hành của PECC2. Trên cơ sở tuân thủ các quy định của Pháp luật có liên quan kết hợp với các thông lệ tốt nhất về quản trị hướng tới các tiêu chuẩn quốc tế (OECD), PECC2 ngày càng hoàn thiện cơ cấu quản trị theo hướng chuyên nghiệp, minh bạch và hiệu quả, công bằng và bình đẳng, hài hòa được các mục tiêu phát triển và thể hiện trách nhiệm với xã hội và môi trường.



Mô hình Quản trị Công ty của PECC2 được thực hiện dựa trên sự kết hợp hài hòa giữa các yếu tố:

Nền tảng cơ cấu quản trị Công ty vững chắc	Cơ cấu quản trị của PECC2 có đầy đủ các chủ thể quản trị theo yêu cầu của một công ty niêm yết, bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc.
Phù hợp thông lệ và Pháp luật Việt Nam	PECC2 tuân thủ đầy đủ các quy định Pháp luật, khuôn khổ pháp lý của Việt Nam và các quy chế quản trị cho Công ty niêm yết.
PECC2 đang hướng tới áp dụng các chuẩn mực quốc tế	Nguyên tắc Quản trị Quốc tế của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), Thẻ điểm quản trị Công ty khu vực ASEAN và ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại vào quản trị Công ty.
Áp dụng thống nhất trong toàn Công ty	Áp dụng thống nhất các công cụ quản trị doanh nghiệp trong toàn Công ty.

Đào tạo phát triển nguồn nhân lực



1. Xây dựng kế hoạch chiến lược đào tạo phù hợp với chiến lược tái cấu trúc của PECC2.

2. Tăng cường các khóa đào tạo, huấn luyện, hội thảo về hệ giá trị cốt lõi và văn hóa mới của PECC2.

3. Chú trọng đào tạo để nâng cao năng lực số thông qua việc học hỏi, ứng dụng các công nghệ số: AI, BIM, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, internet vạn vật, học máy, học sâu, chuỗi khối v.v... PECC2 tổ chức sinh hoạt chuyên đề: ứng dụng trí tuệ nhân tạo (ai) nâng cao hiệu quả công việc và học hỏi, phát triển.

4. Đẩy mạnh các hình thức đào tạo đa dạng, đặc biệt chú trọng: đào tạo nội bộ, đào tạo trên hệ thống eLearning, áp dụng hiệu quả hình thức cố vấn nghề nghiệp, nhằm hình thành môi trường học hỏi thường xuyên và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.



Buổi sinh hoạt về chuyên đề "Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) nâng cao hiệu quả công việc và học hỏi, phát triển" thu hút đông đảo nhân sự tham gia.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN *(Tiếp theo)*

Phát triển khoa học và công nghệ



Tăng cường phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ của PECC2. Phát triển đội ngũ nghiên cứu nòng cốt và tiên phong trong lĩnh vực năng lượng.

Thúc đẩy hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước nghiên cứu ứng dụng các công nghệ số cốt lõi vào các hoạt động sản xuất kinh doanh, các dịch vụ cung cấp và các dự án của PECC2.

Hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước nghiên cứu ứng dụng các công nghệ năng lượng mới (năng lượng tái tạo, sinh khối, năng lượng hạt nhân tiên tiến) để phát triển các dự án năng lượng ở Việt Nam.

Xây dựng đội ngũ chuyên gia đào tạo chuyên sâu, chuyên ngành nhằm phát triển dịch vụ đào tạo để cung cấp cho các đối tác bên ngoài.



PECC2 tham gia Hội thảo Khoa học Quốc tế IEEE - AM 2025 (IEEE Asia Conference on Environment and Electrical Engineering).

B. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC CHIẾN LƯỢC KINH DOANH



PECC2 định hướng phát triển dựa trên ba lĩnh vực cốt lõi: Tư vấn, Kinh doanh và Đầu tư, trong đó Tư vấn đóng vai trò cốt lõi.

Định hướng chiến lược phát triển dựa trên 3 lĩnh vực chính

1	Khảo sát, Quy hoạch, Thiết kế, Giám sát và Quản lý xây dựng các dự án Nguồn và Lưới điện, Tư vấn chuyển đổi năng lượng và các Giải pháp công nghệ tiên tiến.
2	Nghiên cứu ứng dụng khoa học, công nghệ trong các lĩnh vực nguồn và lưới điện.
3	Tổng thầu EPC.
4	Thiết kế, chế tạo, kinh doanh máy móc, thiết bị công nghiệp, điện, hệ thống phụ trợ trong nhà máy điện và gia công chế tạo cơ khí cho các dự án năng lượng.
5	Quản lý và vận hành, Bảo trì các nhà máy điện; Quản lý và vận hành cảng, bốc dỡ than và các dịch vụ phụ trợ khác cho Nhà máy điện.
6	Kinh doanh điện năng.
7	Đầu tư vào các dự án năng lượng sạch như Thủy điện, Điện mặt trời, Điện gió và Điện sinh khối.

CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG) VÀ CHƯƠNG TRÌNH CHÍNH LIÊN QUAN ĐẾN NGẮN HẠN VÀ TRUNG HẠN CỦA CÔNG TY PHÙ HỢP VỚI CHIẾN LƯỢC ESG CỦA QUỐC GIA.

Công ty nhận thức rằng phát triển bền vững ESG giúp Công ty hiện thực hóa các lợi ích trong trung hạn và dài hạn:



Cải thiện hiệu quả hoạt động, hiệu suất làm việc của nhân viên; tiết giảm chi phí; tiết kiệm năng lượng và sử dụng hiệu quả năng lượng sạch.

Đáp ứng hài hòa các lợi ích của các bên liên quan: nhân viên, nhà đầu tư, nhà cung cấp, khách hàng, chính quyền, cộng đồng, xã hội, môi trường tự nhiên.

Nâng cao tính cạnh tranh, khai thác tiềm năng mở rộng thị trường nhờ tích hợp các khía cạnh ESG vào các sản phẩm, dịch vụ của Công ty.

Với tầm nhìn phát triển bền vững, Công ty đặt ra các cam kết thực hiện và các nguyên tắc thực hành cho từng khía cạnh môi trường, xã hội và quản trị, để từ đó triển khai thực hiện những hành động cụ thể hiện thực hóa các cam kết.

Thông qua chính sách ESG, PECC2 thể hiện sự cam kết thực hành kinh doanh có trách nhiệm và bền vững để phục vụ cho các mục tiêu phát triển bền vững trong trung hạn và dài hạn.

Cam kết về trách nhiệm môi trường



1. Tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường tại địa phương, vùng, lãnh thổ, quốc gia nơi Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh.
2. Sử dụng tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, giảm tiêu thụ năng lượng, quản lý chất thải, hướng tới kinh tế tuần hoàn và giảm phát thải khí nhà kính trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
3. Thúc đẩy thực thi các hoạt động sản xuất kinh doanh (khảo sát, thiết kế, mua sắm, chế tạo, thi công xây lắp, quản lý vận hành) bền vững để giảm thiểu các tác động môi trường.
4. Khuyến khích các đối tác, khách hàng cùng thực thi các giải pháp bảo vệ môi trường và cắt giảm phát thải khí nhà kính trong chuỗi cung ứng.



CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG) VÀ CHƯƠNG TRÌNH CHÍNH LIÊN QUAN ĐẾN NGẮN HẠN VÀ TRUNG HẠN CỦA CÔNG TY PHÙ HỢP VỚI CHIẾN LƯỢC ESG CỦA QUỐC GIA. *(Tiếp theo)*



Cam kết về trách nhiệm xã hội

Công ty chú trọng xây dựng các mối quan hệ bền vững với các bên liên quan, trao quyền cho người lao động, hỗ trợ các chương trình môi trường và xã hội, thông qua:

- Tạo dựng môi trường làm việc đa dạng, công bằng và dung hợp, nơi mọi người lao động được ghi nhận, đánh giá và tôn trọng.
- Củng cố môi trường làm việc đảm bảo sức khỏe, an toàn vệ sinh lao động và an toàn vệ sinh thực phẩm.
- Đảm bảo nguồn thu nhập, chế độ phúc lợi; hỗ trợ và tạo điều kiện học hỏi, phát triển nghề nghiệp thường xuyên cho người lao động.
- Thúc đẩy, củng cố mối quan hệ hợp tác với các khách hàng, nhà cung cấp có cam kết thực thi ESG.
- Tổ chức các chương trình, hoạt động gắn kết với các cộng đồng địa phương tại những nơi Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh.



Cam kết về quản trị

- Công ty đảm bảo sự giám sát chặt chẽ, minh bạch và quản trị rủi ro trong toàn Công ty.
- Duy trì thực thi quản trị doanh nghiệp hiệu quả thông qua trách nhiệm giải trình của các cấp lãnh đạo, quản lý và các chiến lược quản trị rủi ro chủ động.
- Duy trì các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, củng cố văn hóa danh dự và chính trực.
- Củng cố các mối quan hệ với các bên liên quan thông qua truyền thông minh bạch, gắn kết chủ động và phản hồi tích cực.
- Đảm bảo hài hòa giữa lợi nhuận mục tiêu và chi phí thực hiện ESG khi xây dựng các chiến lược kinh doanh.

11. CÁC RỦI RO

Quản trị rủi ro luôn được PECC2 xem là một cấu phần trọng yếu trong chiến lược phát triển và vận hành. Công ty xác định rằng việc chủ động nhận diện, phân tích và xử lý rủi ro là nền tảng để đạt được mục tiêu kinh doanh, bảo vệ lợi ích cổ đông và duy trì sự phát triển bền vững.





1. Xác định giới hạn rủi ro phù hợp với từng loại dự án và hoạt động.
2. Nhận diện rủi ro từ các yếu tố thị trường, pháp lý, tài chính, vận hành, công nghệ và môi trường – xã hội.
3. Đánh giá và định lượng rủi ro nhằm xác định mức độ tác động và khả năng xảy ra.
4. Xây dựng biện pháp ứng phó để giảm thiểu ảnh hưởng, bao gồm dự phòng tài chính, đa dạng hóa nguồn lực và tăng cường hợp tác.
5. Thực hiện kiểm soát rủi ro thông qua hệ thống kiểm soát nội bộ và các quy trình giám sát.
6. Giám sát và báo cáo định kỳ nhằm đảm bảo tính minh bạch và kịp thời điều chỉnh.

Quy trình này được áp dụng đồng bộ trong toàn Công ty, với sự phối hợp chặt chẽ giữa các phòng ban và Ban Kiểm soát nội bộ, đảm bảo mọi rủi ro được quản lý hiệu quả và phù hợp với định hướng phát triển dài hạn.



Trong năm 2025, hệ thống quản trị rủi ro của PECC2 tiếp tục được duy trì, triển khai rà soát, cập nhật và nâng cấp toàn diện để việc thực hiện quản lý rủi ro được hiệu quả, kịp thời nhất. Công ty thường xuyên theo dõi để phát hiện và đánh giá các rủi ro mới nổi có thể ảnh hưởng đến việc thực hiện kế hoạch, mục tiêu, chiến lược kinh doanh của PECC2. Trong đó, PECC2 đã đánh giá và nhận diện được các rủi ro trọng yếu trong năm và các giải pháp đi kèm như sau.

A. RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Biến động giá nguyên vật liệu, thiết bị nhập khẩu do chi phí logistics và căng thẳng thương mại quốc tế, áp lực cạnh tranh từ các đơn vị trong và ngoài nước.

Giải pháp hạn chế rủi ro



- Đa dạng hóa nguồn cung và thị trường: Tìm kiếm nhiều nhà cung cấp và thị trường khác nhau để giảm phụ thuộc vào một nguồn duy nhất.
- Theo dõi và dự báo thị trường: Sử dụng công nghệ và dữ liệu để phân tích và dự báo các xu hướng thị trường, từ đó đưa ra các quyết định chiến lược.
- Tăng cường nhận diện thương hiệu và truyền thông để khẳng định vị thế của PECC2 trong ngành.
- Tăng cường đào tạo nguồn nhân lực để cải thiện kỹ năng và hiệu suất làm việc.

B. RỦI RO PHÁP LÝ

Yêu cầu tuân thủ về môi trường và an toàn lao động ngày càng cao làm tăng chi phí và kéo dài thời gian thực hiện dự án.



Giải pháp hạn chế rủi ro

- Tăng cường tuân thủ pháp luật: Theo dõi và cập nhật các quy định pháp luật để đảm bảo tuân thủ và giảm thiểu rủi ro pháp lý.
- Tham gia các chương trình, khóa học cập nhật quy định mới và định kỳ tập huấn cho các cán bộ và công nhân viên ở từng bộ phận về những quy định pháp luật có liên quan.

C. RỦI RO TÀI CHÍNH

Sự biến động tỷ giá, lãi suất có thể làm tăng chi phí hoặc giảm lợi nhuận; Khả năng đáp ứng các nghĩa vụ tài chính trong ngắn hạn có thể gặp khó khăn nếu dòng tiền không được quản lý hiệu quả; Các khoản phải thu không được thanh toán đúng hạn hoặc tổn thất từ các khách hàng hoặc đối tác có thể gây áp lực lên tài chính công ty.

Giải pháp hạn chế rủi ro

- Áp dụng hợp đồng phòng ngừa tỷ giá hoặc lãi suất để giảm thiểu tác động của các biến động.
- Quản lý chặt chẽ các khoản phải thu để giảm thiểu rủi ro tín dụng.
- Lập kế hoạch dòng tiền chi tiết để đảm bảo khả năng thanh khoản.
- Tăng cường hiệu quả sử dụng vốn và giảm thiểu chi phí không cần thiết.



D. RỦI RO VẬN HÀNH

Khó khăn trong giải phóng mặt bằng, thủ tục phê duyệt dự án và thiếu hụt nhân lực chuyên ngành. Các sự cố kỹ thuật hoặc gián đoạn trong quá trình làm việc do các mối đe dọa an ninh mạng, vi phạm dữ liệu. Chi phí đầu tư cho chuyển đổi số cao, nguy cơ tấn công mạng vào hệ thống quản lý và dữ liệu.

Giải pháp hạn chế rủi ro

- Nâng cấp và áp dụng công nghệ tiên tiến để tăng hiệu quả và giảm rủi ro vận hành.
- Tăng cường đầu tư vào nghiên cứu phát triển để chủ động nắm bắt và ứng dụng các công nghệ mới.
- Cung cấp các chương trình đào tạo liên tục cho đội ngũ nhân viên để họ làm chủ các công nghệ mới.
- Áp dụng các biện pháp bảo mật mạnh mẽ, như mã hóa dữ liệu, sử dụng tường lửa, và triển khai các hệ thống phát hiện và ngăn chặn tấn công.



E. RỦI RO MÔI TRƯỜNG

Tác động của biến đổi khí hậu và sự chấp thuận của cộng đồng đối với các dự án năng lượng; Các quy định môi trường ngày càng nghiêm ngặt từ chính phủ và các tổ chức quốc tế; Sự khan hiếm tài nguyên như nước và năng lượng có thể làm tăng chi phí hoạt động và ảnh hưởng đến kế hoạch phát triển.

Giải pháp hạn chế rủi ro

- Sử dụng các công nghệ hiện đại để giảm phát thải và tối ưu hóa sử dụng tài nguyên.
- Thực hiện các dự án năng lượng tái tạo như năng lượng mặt trời và gió.
- Xây dựng các chiến lược dự phòng và kế hoạch ứng phó thiên tai để giảm thiểu thiệt hại.
- Đảm bảo công ty tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật và tiêu chuẩn quốc tế liên quan đến môi trường. Thường xuyên kiểm tra và đánh giá tác động môi trường từ các hoạt động của công ty.
- Đóng góp vào các hoạt động cộng đồng liên quan đến bảo vệ và khôi phục môi trường.



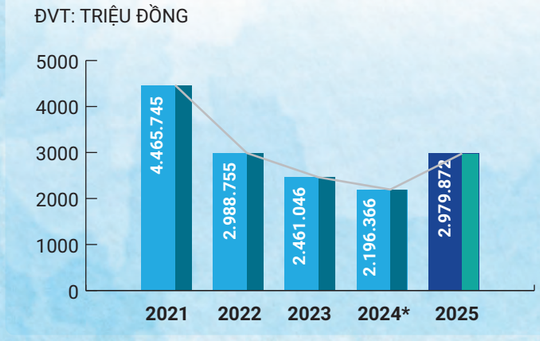
- Khuyến khích văn hóa doanh nghiệp với trọng tâm bảo vệ môi trường.

02
CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH NỔI BẬT

	Giá trị 2024*	Giá trị 2025	Chú thích
VỐN HÓA THỊ TRƯỜNG	**2.255.373.911.000**	**2.326.276.384.250**	Tăng 3,14% so với năm 2024
TỶ LỆ CỔ TỨC	**10% mệnh giá cổ phiếu**	**Dự kiến không thấp hơn 10% mệnh giá**	Theo NQĐHCĐTN 2025
DOANH THU THUẦN	**1.372.013.264.461**	**1.334.591.656.147**	Giảm 2,7% so với năm 2024
LỢI NHUẬN SAU THUẾ	**75.529.290.162**	**95.611.374.592**	Tăng 26,6% so với năm 2024
LỢI NHUẬN SAU THUẾ CỦA CÔNG TY MẸ	**75.529.290.162**	**94.635.699.467**	Tăng 25,3% so với năm 2024
LỢI NHUẬN SAU THUẾ CỦA CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT	-	**975.675.125**	

**: Số liệu năm 2024 đã được trình bày lại trên cơ sở hợp nhất*

TỔNG TÀI SẢN

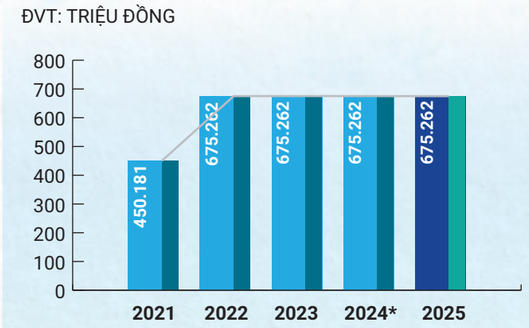


VỐN CHỦ SỞ HỮU

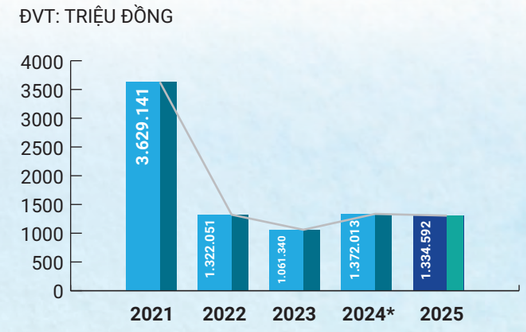


**: Số liệu năm 2024 đã được trình bày lại trên cơ sở hợp nhất*
***: Số liệu của Công ty mẹ*

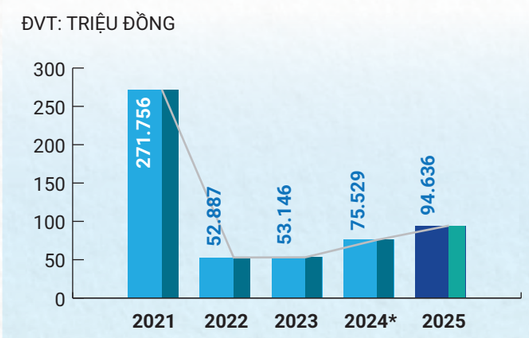
VỐN ĐIỀU LỆ



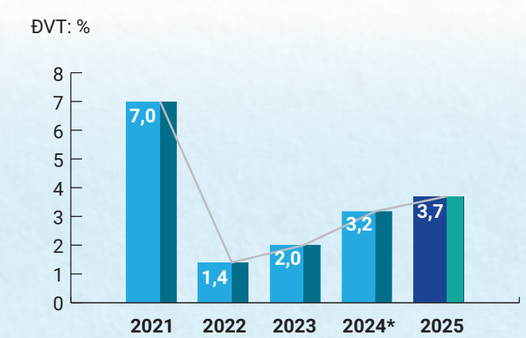
DOANH THU THUẦN



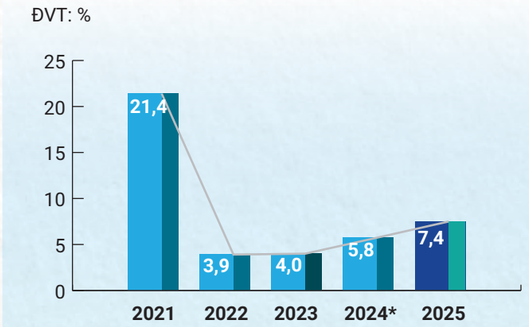
LỢI NHUẬN SAU THUẾ **



ROA



ROE



ROS



**: Số liệu năm 2024 đã được trình bày lại trên cơ sở hợp nhất*
***: Số liệu của Công ty mẹ*

03

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

52 Bối cảnh chung
54 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
62 Tổ chức và nhân sự
68 Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
72 Tình hình tài chính
74 Cơ cấu cổ đông



1. BỐI CẢNH CHUNG



Năm 2025, kinh tế Việt Nam tiếp tục đà phục hồi tích cực sau giai đoạn khó khăn. Tăng trưởng GDP cả năm ước đạt khoảng 8%, mức cao nhất trong vòng 5 năm trở lại đây, kéo theo nhu cầu năng lượng tăng khoảng 11,1%. Tuy nhiên, hệ thống năng lượng quốc gia vẫn đối mặt áp lực lớn về cân đối cung – cầu, hạ tầng lưới điện quá tải cục bộ và chi phí nhiên liệu đầu vào biến động mạnh, trong bối cảnh địa chính trị phức tạp và yêu cầu đảm bảo an ninh năng lượng, phát triển bền vững ngày càng gia tăng.

Trên bình diện quốc tế, thị trường năng lượng toàn cầu bước vào giai đoạn chuyển dịch mạnh mẽ sang năng lượng sạch. Theo Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA), tổng đầu tư năng lượng toàn cầu đạt khoảng 3,3 nghìn tỷ USD, trong đó 2,2 nghìn tỷ USD được dành cho năng lượng tái tạo, điện hạt nhân và lưu trữ, cho thấy xu hướng chuyển dịch cơ cấu nguồn cung rõ rệt. Cùng với đó, các công nghệ hỗ trợ như hệ thống lưu trữ (BESS), nhà máy điện ảo (VPP) và hệ thống điều khiển thông minh ngày càng phổ biến, góp phần nâng cao khả năng tích hợp và vận hành linh hoạt hệ thống điện.

Tuy nhiên, môi trường quốc tế vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro. Đặc biệt, xung đột giữa Israel và Iran trong tháng 6/2025 và leo thang trong tháng 3/2026 đã làm dấy lên lo ngại về gián đoạn chuỗi cung ứng năng lượng toàn cầu, nhất là tại Eo biển Hormuz, tuyến vận tải chiếm khoảng 20% lượng dầu thô lưu thông quốc tế. Cùng với đó, chính sách thương mại bảo hộ tiếp tục được một số nền kinh tế lớn như Hoa Kỳ duy trì, bao gồm các mức thuế bổ sung đối với hàng hoá chiến lược từ Trung Quốc và một số quốc gia khác trong đó có Việt Nam, ảnh hưởng đến giá cả nguyên vật liệu và môi trường đầu tư toàn cầu.

Tại Việt Nam, năm 2025 ghi nhận nhiều định hướng chính sách quan trọng, đặc biệt là Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã ban hành Nghị quyết 68-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân và Nghị quyết 79-NQ/TW về phát triển kinh tế nhà nước, tạo nền tảng chính sách thúc đẩy năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, trong đó có doanh nghiệp có vốn nhà nước chi phối.

Chính phủ đã phê duyệt Quy hoạch điện VIII điều chỉnh và Kế hoạch thực hiện quy hoạch, với mục tiêu hiện đại hoá hệ thống điện theo hướng xanh – sạch – bền vững, tăng tỷ trọng điện năng lượng tái tạo lên 30,9–39,2% vào năm 2030 và 67,5–71,5% vào năm 2050, đảm bảo thực hiện cam kết Net Zero. Bên cạnh đó, Quy hoạch cũng đặt mục tiêu nâng sản lượng điện thương phẩm lên 500–558 tỷ kWh vào năm 2030, và hơn 1.200 tỷ kWh vào năm 2050; công suất cực đại dự kiến đạt 90–100 GW vào năm 2030 và hơn 205–228 GW vào năm 2050. Tuy nhiên, tốc độ phát triển nhanh của các nguồn tái tạo đang gây áp lực lớn lên hạ tầng truyền tải, đặc biệt tại Nam Trung Bộ và Nam Bộ, nơi lưới điện khu vực chưa được đầu tư đồng bộ, dẫn đến tình trạng quá tải và nguy cơ thừa nguồn – thiếu lưới. Đồng thời, sự phụ thuộc vào LNG nhập khẩu cũng khiến hệ thống dễ tổn thương trước các biến động giá nhiên liệu và rủi ro cung ứng từ thị trường quốc tế.



Năm 2025, trong bối cảnh kinh tế trong nước tiếp tục phục hồi nhưng còn tiềm ẩn nhiều thách thức, cùng với diễn biến phức tạp trên thị trường năng lượng toàn cầu, Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 đã triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp quản trị, điều hành và tổ chức sản xuất kinh doanh. Phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo và tinh thần trách nhiệm của đội ngũ kỹ sư, người lao động trên toàn hệ thống, Công ty đã vượt qua nhiều khó khăn, ghi nhận nhiều kết quả đáng ghi nhận trên nhiều mặt hoạt động.



2. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm 2025, trong bối cảnh thị trường năng lượng và đầu tư xây dựng còn nhiều biến động, Công ty vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng ổn định và hoàn thành vượt kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đề ra.



TỔNG DOANH THU VÀ THU NHẬP HỢP NHẤT TOÀN CÔNG TY

đạt

1.403,95

tỷ đồng

SO VỚI KẾ HOẠCH

1.362,00

tỷ đồng

đạt **103,1%** kế hoạch

vượt **41,95** tỷ đồng

Kết quả này cho thấy sự nỗ lực lớn của tập thể PECC2 trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời khẳng định năng lực thích ứng linh hoạt của Công ty trước các thay đổi của thị trường.



Trong cơ cấu doanh thu:

1 Lĩnh vực tư vấn tiếp tục là trụ cột tăng trưởng

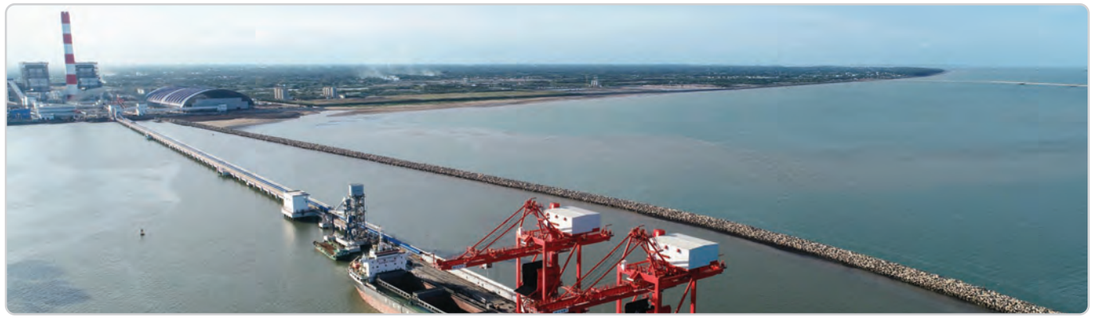
Doanh thu tư vấn hoàn thành đạt cao hơn rất nhiều so với kế hoạch được duyệt, cụ thể đạt 125% so với kế hoạch.

Kết quả này cho thấy năng lực chuyên môn và vị thế của Công ty trong lĩnh vực tư vấn điện lực tiếp tục được khẳng định thông qua việc tham gia nhiều dự án nguồn điện và lưới điện trọng điểm trong nước cũng như quốc tế.



2. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH *(Tiếp theo)*

2 Lĩnh vực kinh doanh và dịch vụ năng lượng tiếp tục được mở rộng



Doanh thu kinh doanh chưa hoàn thành so với kế hoạch đề ra do việc triển khai xây dựng của một số dự án có sự chậm trễ từ các nguyên nhân khách quan.





Tuy nhiên, trong năm Công ty vẫn ghi nhận nhiều dấu mốc quan trọng khi đã hoàn thành ký kết các Hợp đồng EPC cho các dự án mới tạo tiền đề quan trọng cho doanh thu của các năm tiếp theo như dự án nhà máy nhiệt điện khí Ô Môn IV, Dự án điện sinh khối Tuyên Quang và Yên Bái.

Các nguồn thu khác từ dịch vụ vận hành và bảo trì nhà máy điện, cảng biển, hoạt động đầu tư cũng ghi nhận những kết quả khả quan, góp phần đa dạng hóa nguồn thu và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.



Những yếu tố then chốt để thúc đẩy sản xuất kinh doanh

1. Năm 2025 đánh dấu bước chuyển quan trọng trong chiến lược phát triển của Công ty khi triển khai tái cấu trúc toàn diện bộ máy tổ chức, theo hướng tinh gọn, chuyên môn hóa và nâng cao tính tự chủ của các đơn vị.

2. Việc hình thành các công ty con độc lập sẽ giúp Công ty nâng cao tính linh hoạt trong quản trị; mở rộng khả năng tiếp cận các thị trường mới; tăng hiệu quả hoạt động kinh doanh theo từng lĩnh vực chuyên sâu và tạo nên động lực quan trọng trong sự đột phá về doanh thu và năng lực cạnh tranh của Công ty trong các năm tiếp theo.

3. Trong năm, Công ty đạt bước tiến lớn khi ký kết hợp đồng tư vấn quản lý dự án (PMC) cho dự án nhà máy điện tại Lào, đồng thời ký kết nhiều hợp đồng dịch vụ vận hành (O&M) cho các dự án điện gió, thủy điện tại thị trường nước ngoài. Đây là một kết quả rất đáng khích lệ cho những nỗ lực của tập thể PECC2.

4. Củng cố thị trường trong nước và phát triển thị trường nước ngoài.

5. Đặc biệt, Công ty đã chính thức chuyển đổi VPĐD tại Myanmar sang Văn phòng Đại diện tại Lào và thành lập Công ty PESE Lào tại Viêng Chăn, việc này đã đánh dấu bước phát triển chiến lược trong hoạt động mở rộng thị trường quốc tế và nâng cao vị thế thương hiệu PECC2 trong khu vực.



Những yếu tố then chốt để thúc đẩy sản xuất kinh doanh *(Tiếp theo)*

Mở rộng thị trường ra nước ngoài thông qua việc ký kết thành công các Hợp đồng O&M lớn, tiêu biểu như Hợp đồng O&M Nhà máy điện gió Monsoon (600MW) và Nhà máy điện gió Sanvan 1 tại Lào (300MW). Đồng thời, Công ty TNHH MTV PESE Lào được thành lập (do PESE sở hữu 100% vốn điều lệ) chính thức hoạt động từ ngày 27/10/2025, tạo nền tảng cho hoạt động phát triển dài hạn tại thị trường này.





Đặt dấu ấn tại Lào, mở rộng cho thị trường quốc tế

PESE góp phần đưa Nhà máy điện gió Savan 1 (Lào) vào vận hành thương mại

Tháng 12 năm 2025, PESE đã phối hợp cùng các bên liên quan hoàn thành thành công công tác đóng điện Nhà máy Điện gió Savan 1 tại tỉnh Savannakhet, CHDCND Lào, góp phần quan trọng giúp dự án đạt mốc vận hành thương mại (COD) đúng tiến độ.

Trong sự kiện này, PESE giữ vai trò đơn vị chủ trì thực hiện đóng điện lần đầu cho đường dây truyền tải 220 kV và trạm biến áp 220 kV, đảm bảo tuân thủ đầy đủ các yêu cầu về an toàn và kỹ thuật.



Nhà máy Điện gió Savan 1 tại tỉnh Savannakhet, CHDCND Lào

Những yếu tố then chốt để thúc đẩy sản xuất kinh doanh *(Tiếp theo)*

Nắm bắt Cơ hội từ Bùng nổ Năng lượng Tái tạo



Đóng Điện Thành Công Trạm Biến Áp 500kv Của Nhà Máy Điện Gió Monsoon – Lào



Mở rộng Dịch vụ O&M sang Lào



Trạm biến áp 110kV Nabong (Lào)



O&M hiệu quả – nền tảng thành công cho các dự án điện xuất khẩu từ Lào về Việt Nam

1

Hiệu quả của một dự án điện xuyên biên giới không chỉ được đo bằng công suất hay tổng mức đầu tư. Giá trị thật sự được chứng minh qua từng giờ khả dụng được duy trì, từng MWh được phát đúng cam kết và sự ổn định bền bỉ trong suốt vòng đời dự án.

2

Với các dự án tại Lào xuất khẩu điện về Việt Nam, nơi địa hình đồi núi phức tạp, hạ tầng còn hạn chế và các điều khoản về mua bán điện nghiêm ngặt, công tác quản lý và vận hành (O&M) trở thành "tuyến phòng thủ" trực tiếp bảo vệ dòng tiền và hiệu quả tài chính dài hạn cho các Khách hàng cũng như đáp ứng được nhu cầu điện năng tăng trưởng trong nước.

3

Dịch vụ O&M của PESE được xây dựng xoay quanh chính những thách thức nêu trên. PESE đã thành lập Công ty TNHH MTV PESE Lào, bố trí nhân sự O&M hoạt động 24/7 tại dự án và kết nối trực tiếp với đội ngũ chuyên gia kỹ thuật của PESE tại Việt Nam. Mô hình hỗ trợ hai lớp giúp phản ứng nhanh, xử lý sự cố kịp thời và tối ưu hiệu suất theo thời gian thực.

4

Hiện PESE đang tham gia O&M và hỗ trợ kỹ thuật cho các dự án xuất khẩu điện từ Lào về Việt Nam với tổng công suất 960 MW.



Nhà máy thủy điện Houay Lange – 60 MW

3. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



3.1 Danh sách Ban điều hành

STT	Thành viên Ban Điều hành	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần (*)	Tỷ lệ cổ phần đại diện vốn (**)
1	Ông Võ Văn Bình	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	0,04%	15,4%
2	Bà Phạm Liên Hải	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	0,36%	15,4%
3	Ông Nguyễn Trọng Nam	Phó Tổng Giám đốc	0,07%	-
4	Ông Nguyễn Hải Phú	Phó Tổng Giám đốc	0,07%	-
5	Bà Bùi Thị Ngọc Lý	Kế toán trưởng	0,04%	-

(*) Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết do Công ty phát hành.
(**) Tỷ lệ cổ phần đại diện vốn của Tập Đoàn Điện lực Việt Nam tại PECC2.

3.2 Những thay đổi trong ban điều hành

Trong năm 2025, PECC2 đã tiến hành bổ nhiệm lại:

Ông Nguyễn Hải Phú giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc từ ngày 23/12/2025 theo Quyết định số 1456/QĐ-PECC2 ngày 22/12/2025.

Bà Bùi Thị Ngọc Lý giữ chức vụ Kế toán trưởng từ ngày 23/12/2025 theo Quyết định số 1468/QĐ-PECC2 ngày 22/12/2025.

3.3 Tổng quan lực lượng lao động năm 2025



Trong bối cảnh ngành năng lượng liên tục biến động, PECC2 tự hào sở hữu lực lượng hơn 1.000 lao động trực tiếp, với thâm niên công tác bình quân trên 10 năm. Đây chính là đội ngũ nòng cốt đã và đang đóng góp tích cực cho sự phát triển Kinh tế – Xã hội của đất nước thông qua vai trò tư vấn, thiết kế, khảo sát, giám sát và thi công nhiều dự án điện trọng điểm.



Đội ngũ cán bộ, công nhân viên của PECC2 chủ yếu nằm trong độ tuổi từ 30 đến 50, đóng vai trò cầu nối giữa thế hệ trẻ và thế hệ đi trước. Họ không chỉ sở hữu nền tảng kinh nghiệm vững chắc và chuyên môn cao, mà còn thể hiện khả năng thích ứng nhanh với tiến trình chuyển đổi số và công nghệ mới. Sự kết hợp hài hòa giữa sức trẻ, tư duy linh hoạt và bản lĩnh nghề nghiệp đã giúp PECC2 duy trì sự ổn định và phát triển bền vững trong môi trường cạnh tranh đầy thách thức.



Trong định hướng tương lai, Ban Lãnh đạo công ty chú trọng xây dựng đội ngũ theo hướng tinh gọn nhưng hiệu quả, đa nhiệm nhưng chuyên sâu, đồng thời tạo điều kiện tối đa để mỗi cán bộ, nhân viên phát huy năng lực và tiềm năng của mình, góp phần đưa PECC2 tiếp tục khẳng định vị thế hàng đầu trong lĩnh vực tư vấn năng lượng.



3. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ *(Tiếp theo)*

A. SỐ LƯỢNG VÀ CƠ CẤU NGUỒN NHÂN LỰC

Tính đến 31/12/2025,
PECC2 có tổng số

1371

Người lao động

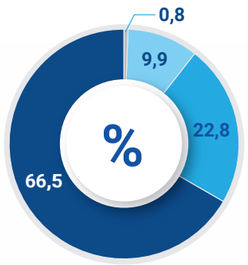
với

1157 nam | **214** nữ

bao gồm các Đơn vị Thành viên.



Cơ cấu theo Đơn vị

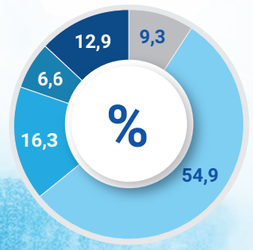


- Khối Lãnh đạo: 11
- Khối Chuyên môn – Nghiệp vụ: 137
- Khối Sản xuất: 312
- Khối Thành viên: 911

Cơ cấu theo Lao động

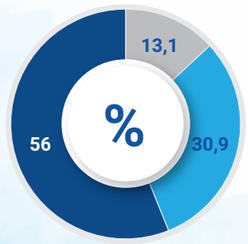
- Trực tiếp: 1.022 Người
- Gián tiếp: 349 Người

Cơ cấu theo trình độ Chuyên môn



- Cao học: 128
- Đại học: 752
- Cao đẳng: 223
- Trung cấp: 91
- Phổ thông: 177

Cơ cấu theo Kinh nghiệm



- Dưới 05 Năm: 179 Người
- Từ 05 – 10 Năm: 424 Người
- Trên 10 Năm: 768 Người

B. CÁC CHÍNH SÁCH VÀ THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

PECC2 luôn coi nguồn nhân lực là nền tảng cốt lõi, yếu tố quyết định cho sự phát triển bền vững của Công ty. Trong suốt quá trình hoạt động, PECC2 kiên định triển khai công tác quản trị nhân sự theo hướng linh hoạt và hiện đại, đồng thời xây dựng mô hình quản trị tiên tiến gắn liền với văn hóa doanh nghiệp phát triển bền vững.

Hiểu rõ rằng con người chính là nhân tố quyết định đến uy tín và năng lực cạnh tranh của Công ty, PECC2 luôn ưu tiên đầu tư vào đào tạo, nâng cao tay nghề và xác định rõ các tiêu chí tuyển dụng nhằm đảm bảo Người làm việc có đầy đủ kiến thức, kỹ năng và thái độ phù hợp với yêu cầu công việc. Song song đó, Công ty cũng không ngừng cải thiện môi trường làm việc và xây dựng chế độ đãi ngộ hấp dẫn để giữ chân nhân tài.



Chính sách Lao động tiền lương

Trên cơ sở tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về thực hiện quản lý lao động tiền lương trong doanh nghiệp nhà nước như: Nghị định 44/2025/NĐ-CP, Thông tư 003/2025/TT-BNV, Nghị định 248/2025/NĐ-CP, PECC2 thực hiện chi trả tiền lương theo nguyên tắc gắn với năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc, đảm bảo tương xứng với đóng góp của từng cá nhân. Thu nhập bình quân của người lao động được duy trì ở mức ổn định, có xu hướng tăng trưởng qua từng năm, phản ánh kết quả sản xuất kinh doanh và sự phát triển bền vững của PECC2.

Đồng thời, PECC2 cũng thực hiện tăng mức lương cơ bản phù hợp với biến động thị trường và hiệu quả kinh doanh. Hệ thống thang bảng lương minh bạch, phù hợp với đặc thù ngành nghề và năng lực của người lao động. Đảm bảo việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp được thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật.



3. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ *(Tiếp theo)*

Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe và phúc lợi xã hội của người lao động



Bên cạnh chính sách lương thưởng, PECC2 thực hiện hàng loạt cải tiến về đãi ngộ, phúc lợi và môi trường, thể hiện cam kết đồng hành lâu dài cùng Người lao động, tạo động lực để cống hiến, phung sự, bao gồm:

- Khám sức khỏe định kỳ, khám sức khỏe chuyên sâu cho NLĐ nữ.
- Ký kết hợp đồng Bảo hiểm Sức khỏe & Tai nạn cao cấp cho NLĐ và người thân.
- Hỗ trợ ăn sáng, ăn trưa tại công ty, tiếp tục duy trì các khoản phụ cấp (Đi lại, điện thoại, xăng xe, công tác phí,...).
- Hỗ trợ chi phí Vé tàu xe về quê trong các dịp Lễ, Tết.
- Cho phép bảo lưu và linh hoạt sử dụng ngày nghỉ phép năm trong vòng 03 năm.
- Xây dựng Không gian Tri thức và đưa Câu lạc bộ Sách, Tiếng Anh vào hoạt động.

Chính sách đào tạo

Các chính sách về đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ, chuyên môn cho người lao động luôn được PECC2 chú trọng và thường xuyên tổ chức, cụ thể:

1. PECC2 đẩy mạnh hình thức học trực tuyến thông qua khai thác nhiều khóa học hay trên nền tảng trực tuyến PECC2 eLearning.
2. Tiếp tục triển khai công tác đào tạo nội bộ, chia sẻ kinh nghiệm, kiến thức và chuyên môn trong thực tiễn thực hiện công việc tại PECC2.
3. Thúc đẩy công tác đào tạo văn hóa doanh nghiệp thông qua nhiều hình thức: khóa học về nhận thức, kỹ năng giao tiếp cho nhân sự, tổ chức các khóa đào tạo nội bộ, học tập trực tuyến, các buổi tọa đàm, sinh hoạt chuyên đề về chủ đề văn hóa doanh nghiệp, các cuộc thi và phong trào thi áp dụng hiệu quả văn hóa PECC2.
4. Tổ chức các khóa đào tạo về năng lực số, ứng dụng các công nghệ số, phần mềm vào công tác chuyên môn tại các đơn vị.
5. Duy trì tổ chức đào tạo, cử nhân sự tham gia đào tạo trong nước và nước ngoài các chương trình đào tạo chuyên môn và cấp chứng chỉ phục vụ chuyên môn.





4. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

4.1. Các dự án PECC2 tham gia đầu tư trong năm 2025



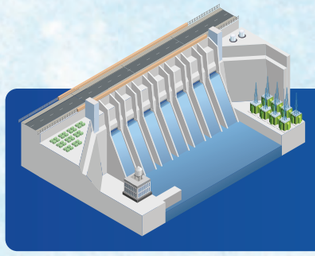
DỰ ÁN NHÀ MÁY ĐIỆN SINH KHỐI TRÀ VINH (25MW)

Phối hợp với Công ty Cổ phần Năng lượng Sinh khối Trà Vinh triển khai công tác chuẩn bị đầu tư Dự án.





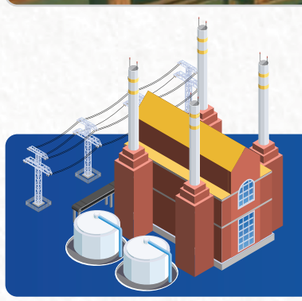




DỰ ÁN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ 2 (18,9MW)

Nhà máy Thủy điện Thác Bà 2 đã được nghiệm thu, cấp Giấy phép hoạt động điện lực và đưa 03 tổ máy vào vận hành thương mại từ ngày 03/4/2025, đáp ứng yêu cầu về chất lượng và tiến độ.





DỰ ÁN NHÀ MÁY ĐIỆN SINH KHỐI HẬU GIANG

Chính thức hòa đồng bộ thành công tổ máy số 02 vào lưới điện quốc gia. Đây là cột mốc quan trọng trong quá trình triển khai dự án, đánh dấu bước tiến mới trong việc đưa nhà máy vào vận hành thương mại từ ngày 23/04/2025 và đi vào vận hành ổn định.



4. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN *(Tiếp theo)*

4.2. Các công ty con, công ty liên kết

CÔNG TY CON

CTCP VẬN HÀNH VÀ BẢO TRÌ CẢNG PECC2

Tình hình hoạt động

- Năm 2025, dù mới đi vào hoạt động từ tháng 05/2025 nhưng Công ty đã đạt doanh thu xấp xỉ 14,7 tỷ đồng.
- Các công tác vận hành và bảo trì được triển khai đúng chuyên môn, an toàn, liên tục; không phát sinh các vi phạm về kỹ thuật, pháp lý hay hợp đồng.

Doanh thu bán hàng
14,7 tỷ đồng

Lợi nhuận trước thuế
2,5 tỷ đồng

CÔNG TY TNHH KHẢO SÁT VÀ XÂY DỰNG PECC2

Tình hình hoạt động

- Được thành lập từ 06/08/2025, Trong giai đoạn đầu chuyển đổi mô hình hoạt động, Công ty đã thực hiện các công tác kiện toàn tổ chức, hoàn thiện bộ máy quản lý, xây dựng và ban hành các quy chế nội bộ phù hợp với loại hình Công ty TNHH; đồng thời rà soát, chuyển tiếp các hợp đồng, hồ sơ pháp lý, tài chính và nhân sự.
- Năm 2025 ở cả 2 giai đoạn chi nhánh và công ty, hoạt động SXKD vẫn được triển khai một cách hiệu quả, trong nhiều lĩnh vực công tác, Công ty đạt kết quả vượt thực hiện năm 2024.

Doanh thu bán hàng
54,3 tỷ đồng
(từ 06/08-31/12/25)

Lợi nhuận trước thuế
4,4 tỷ đồng
(từ 06/08-31/12/25)

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VÀ KỸ THUẬT NĂNG LƯỢNG PECC2

Tình hình hoạt động

- O&M tiếp tục giữ vai trò là trụ cột tài chính quan trọng, đảm bảo vận hành an toàn, ổn định cho hàng chục nhà máy điện, đồng thời mở rộng thành công sang thị trường Lào.

  Dịch vụ công nghiệp từng bước mở rộng quy mô, tham gia ngày càng sâu vào các dự án bảo trì, sửa chữa, thi công và lắp đặt.
- Sản xuất cơ khí đang trong quá trình tái cấu trúc, đầu tư nâng cấp nhà máy, chuẩn bị nền tảng cho giai đoạn phát triển mạnh mẽ hơn trong thời gian tới.

Doanh thu bán hàng
161,55 tỷ đồng
(từ 01/10-31/12/2025)

Lợi nhuận trước thuế
11,8 tỷ đồng
(từ 01/10-31/12/2025)



CÔNG TY LIÊN KẾT

CTCP ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO CÀ MAU

Tình hình hoạt động

- Năm 2025, Nhà máy vận hành ổn định với sản lượng điện đạt 184,4 triệu kWh (95,9% kế hoạch), doanh thu đạt 96% kế hoạch; kết quả kinh doanh bị ảnh hưởng bởi điều kiện thời tiết biến động bất thường và một số sự cố thiết bị dẫn đến sản lượng điện giảm so với 2024.
- Công tác quản lý vận hành, an toàn, an ninh, bảo trì thiết bị đảm bảo nhà máy vận hành an toàn, liên tục. Thực hiện đầy đủ các báo cáo theo quy định.
- Công ty triển khai đồng bộ các giải pháp nâng cao độ khả dụng tuabin, tối ưu vận hành và tiếp tục thúc đẩy các dự án đầu tư điện gió mở rộng và năng lượng xanh tại Cà Mau.

Sản lượng điện thương mại
184,42 triệu kWh

Tổng doanh thu
451,83 tỷ đồng

Lợi nhuận trước thuế
34,25 tỷ đồng

CTCP NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO SƠN MỸ

Tình hình hoạt động

- Năm 2025, Nhà máy vận hành ổn định với sản lượng điện đạt 70,72 triệu kWh (99,25% kế hoạch), doanh thu đạt 102,54% kế hoạch.

Sản lượng điện thương mại
70,72 triệu kWh

Tổng doanh thu
166,88 tỷ đồng

Lợi nhuận trước thuế
44,08 tỷ đồng

CTCP ĐẦU TƯ THỦY ĐIỆN THÁC BÀ 2

Tình hình hoạt động

- Các hạng mục chính của dự án đã hoàn thành đúng tiến độ, được nghiệm thu và cấp COD vận hành phát điện từ 03/04/2025, mang lại hiệu quả tài chính tích cực.
- Công tác thi công đảm bảo an toàn lao động, không xảy ra sự cố; bộ máy tổ chức vận hành tinh gọn, hiệu quả.
- Năm 2025 thủy văn thuận lợi, sản lượng điện đạt 88,37 triệu kWh (135,57% kế hoạch).

Sản lượng điện thương mại
88,37 triệu kWh

Tổng doanh thu
101,35 tỷ đồng

Lợi nhuận trước thuế
21,80 tỷ đồng

5. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

A. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Năm 2024* (triệu đồng)	Năm 2025 (triệu đồng)	Năm 2024* (triệu USD) Tỷ giá 25.349	Năm 2025 (triệu USD) Tỷ giá 26.203	% Tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	2.196.366	2.979.872	86.645.057	113.722.542	35,7%
Tài sản ngắn hạn	1.331.537	2.110.423	52.528.185	80.541.289	58,5%
Tài sản dài hạn	864.829	869.448	34.116.872	33.181.252	0,5%
Tổng nguồn vốn	2.196.366	2.979.872	86.645.057	113.722.542	35,7%
Nợ phải trả	926.497	1.703.993	36.549.647	65.030.452	83,9%
Vốn chủ sở hữu	1.269.869	1.275.879	50.095.410	48.692.090	0,5%
Doanh thu HĐKD	1.372.013	1.334.592	54.124.946	50.932.781	-2,7%
Lợi nhuận từ HĐKD	90.797	89.883	3.581.874	3.430.246	-1,0%
Lợi nhuận khác	1.918	21.393	75.663	816.450	1015,4%
Lợi nhuận trước thuế	92.715	111.276	3.657.537	4.246.696	20,0%
Lợi nhuận sau thuế	75.529	95.611	2.979.577	3.648.871	26,6%
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	75.529	94.636	2.979.577	3.611.636	25,3%
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	-	976	-	37.235	
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	10%	Dự kiến không thấp hơn 10% mệnh giá			

**: Số liệu năm 2024 đã được trình bày lại trên cơ sở hợp nhất*

ĐÁNH GIÁ VỀ CHỈ TIÊU TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tính đến cuối năm 2025, **tổng tài sản** đạt **2.979.872 triệu đồng**, tăng **35,7%** so với năm 2024. Tài sản tăng mạnh chủ yếu do Công ty nhận được các khoản tạm ứng để thực hiện những dự án EPC trọng điểm như Nhà máy Nhiệt điện Ô Môn 4, Nhà máy Điện sinh khối Yên Bái 1 và Nhà máy Điện sinh khối Tuyên Quang. Điều này cho thấy các dự án lớn đang được đẩy mạnh triển khai, tạo tiền đề cho sự phát triển trong tương lai.

Mặc dù **Doanh thu HĐKD** hợp nhất năm 2025 giảm nhẹ **2,7%**, đạt **1.334.592 triệu đồng**, nhưng **Lợi nhuận sau thuế** của Công ty mẹ vẫn tăng **25,3%**, đạt **94.636 triệu đồng** so với năm 2024. Sự tăng trưởng của Lợi nhuận sau thuế là nhờ hoạt động hiệu quả của các công ty liên kết và các khoản thu nhập từ bồi thường của nhà cung cấp.



B. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu	Năm 2024*	Năm 2025	% Tăng giảm
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,59	1,30	-18%
Hệ số thanh toán nhanh	1,36	1,26	-7%
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/ Tổng Tài sản	0,42	0,57	36%
Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	0,73	1,34	83%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	10,31	10,68	4%
Vòng quay tổng Tài sản	0,59	0,52	-12%
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời (**)			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	5,5%	7,1%	29%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	5,8%	7,4%	28%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng Tài sản	3,2%	3,7%	13%
Hệ số Lợi nhuận từ Hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	6,6%	6,7%	2%

**: Số liệu năm 2024 đã được trình bày lại trên cơ sở hợp nhất*
***: Số liệu của Công ty mẹ*

ĐÁNH GIÁ VỀ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Trong kỳ báo cáo năm 2025, cơ cấu nguồn vốn của Công ty có sự thay đổi lớn với hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu tăng từ 0,73 lên **1,34**. Sự gia tăng này chủ yếu đến từ các khoản tạm ứng phục vụ triển khai các dự án trọng điểm. Hệ số thanh toán ngắn hạn và thanh toán nhanh tuy giảm nhẹ về mức **1,30** và **1,26**, nhưng vẫn duy trì ổn định trên ngưỡng an toàn, đảm bảo khả năng đáp ứng đầy đủ các nghĩa vụ tài chính ngắn hạn.

Do tốc độ tăng trưởng doanh thu chưa tương ứng với quy mô tài sản mở rộng, **vòng quay tổng tài sản** năm 2025 đạt **0,52** (giảm 12% so với cùng kỳ). Tuy nhiên, lợi nhuận lại ghi nhận sự tăng trưởng: Biên lợi nhuận sau thuế trên Doanh thu thuần đạt **7,1%** (tăng 29%), tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu ROE đạt **7,4%** (tăng 28%) và tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản ROA đạt **3,7%** (tăng 13%).

6. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG



CỔ PHẦN

Tổng số cổ phần

67.526.165

cổ phần

Loại cổ phần đang lưu hành

Cổ phiếu phổ thông

Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: **1.789.194** cổ phần (thời gian hạn chế chuyển nhượng từ ngày 01/7/2020 đến 01/07/2025 theo Quy chế quản lý và phân phối cổ phiếu thưởng cho người lao động Công ty ban hành kèm theo Quyết định số 684/QĐ-PECC2 ngày 16/6/2020 của Hội đồng quản trị.)

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

TIÊU CHÍ	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU	TỶ LỆ SỞ HỮU	SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG
1. Tỷ lệ sở hữu			
Cổ đông lớn	34.659.056	51,33%	1
Cổ đông khác	32.867.109	48,67%	4.341
2. Cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân			
Cổ đông tổ chức	40.855.856	60,50%	37
Cổ đông cá nhân	26.670.309	39,50%	4.305
3. Cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài			
Cổ đông trong nước	62.612.461	92,72%	4.284
Cổ đông nước ngoài	4.913.704	7,28%	58
4. Cổ đông nhà nước và cổ đông khác			
Cổ đông nhà nước	34.659.056	51,33%	1
Cổ đông khác	32.867.109	48,67%	4.341
5. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa	---	15%	---

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

ĐỢT	THỜI GIAN	VỐN ĐIỀU LỆ	TỶ LỆ TĂNG	NỘI DUNG
1	16/5/2016	50.987.640.000	15%	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2015
2	24/5/2017	58.634.700.000	15%	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2016
3	19/3/2018	117.269.400.000	100%	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2017
4	24/9/2018	123.131.590.000	05%	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2017
5	20/6/2019	147.756.670.000	20%	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2018
6	30/7/2019	240.101.180.000	62,50%	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2018
7	12/8/2020	360.149.520.000	50%	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2019
8	16/7/2021	450.181.410.000	25%	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2020
9	15/11/2022	675.261.650.000	50%	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2021 và cổ phiếu thưởng

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại: 0 cổ phiếu.

Trong năm 2025, Công ty không thực hiện giao dịch cổ phiếu quỹ

CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC

Không có



04

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

78 | Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

80 | Đánh giá tình hình tài chính

82 | Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý

84 | Kế hoạch phát triển trong tương lai

86 | Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH



Năm 2025, PECC2 tiếp tục đối mặt với nhiều thách thức từ bối cảnh kinh tế chung, song vẫn ghi nhận những kết quả khả quan trong hoạt động kinh doanh và tài chính. Khi so sánh giữa kế hoạch đề ra và thực tế thực hiện, có thể thấy công ty đã duy trì được sự ổn định và thậm chí đạt kết quả tích cực ở một số chỉ tiêu quan trọng.



TỔNG DOANH THU VÀ THU NHẬP

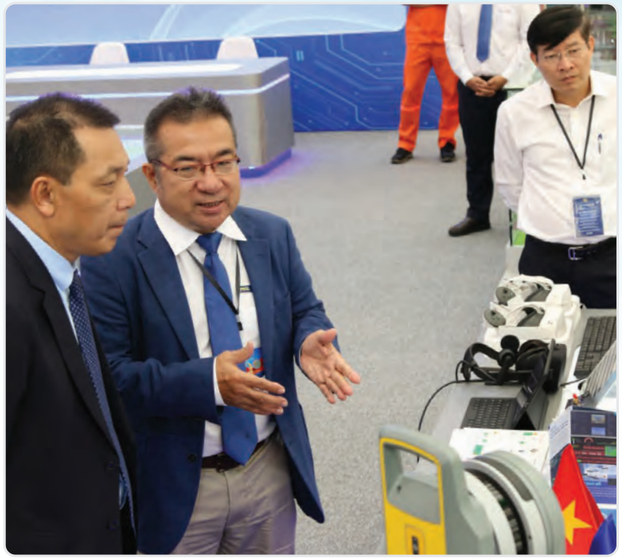
1.403,95 TỶ ĐỒNG

Năm 2025 với kết quả tổng doanh thu và thu nhập hợp nhất toàn Công ty ghi nhận là 1.403,95 tỷ đồng, tương đương 103,1% kế hoạch, cho thấy sự nỗ lực của công ty trong việc duy trì và phát triển hoạt động kinh doanh, bất chấp những biến động của thị trường. Đây cũng là dấu hiệu tích cực sau giai đoạn sụt giảm doanh thu trong những năm trước đó, phản ánh khả năng thích ứng linh hoạt của PECC2 với điều kiện thị trường.

Những kết quả đạt được trong năm 2025 cho thấy PECC2 đã có những bước tiến vững chắc trong việc thực hiện chiến lược phát triển bền vững. Việc doanh thu và lợi nhuận vượt kế hoạch phản ánh sự chủ động trong quản lý điều hành, tối ưu hóa hoạt động kinh doanh và nâng cao hiệu suất tài chính. Đây cũng là tiền đề quan trọng để công ty tiếp tục duy trì đà tăng trưởng và phát triển trong các năm tiếp theo.

NHỮNG TIẾN BỘ CÔNG TY ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

Năm 2025 đánh dấu cột mốc 40 năm hình thành và phát triển của PECC2 với những bứt phá mạnh mẽ trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Bất chấp những thách thức từ thị trường năng lượng toàn cầu, PECC2 đã khẳng định bản lĩnh của đơn vị tư vấn hàng đầu thông qua việc tinh gọn tổ chức, mở rộng thị trường và đạt được nhiều tiến bộ trên mọi lĩnh vực hoạt động.



1. Phát triển tổng thầu EPC và chế tạo thiết bị: PECC2 tiếp tục khẳng định vị thế trong vai trò tổng thầu EPC trong nhiều dự án năng lượng, phát triển mô hình EPC-F (Engineering – Procurement – Construction – Financing) được xem là giải pháp tổng thể khi tích hợp đồng bộ các khâu thiết kế, mua sắm, thi công và thu xếp tài chính, giúp chủ đầu tư giảm áp lực vốn ban đầu và nâng cao tính khả thi của dự án. Bên cạnh việc không ngừng cải tiến mô hình quản lý dự án và ứng dụng công nghệ số nhằm nâng cao hiệu quả triển khai.

2. Đa dạng hóa lĩnh vực kinh doanh: Ngoài các dự án truyền thống, PECC2 tiếp tục mở rộng hoạt động sang các mảng kinh doanh điện, đa dạng dịch vụ trong quản lý vận hành và bảo trì nhà máy điện. Việc cung cấp các dịch vụ kỹ thuật chuyên sâu không chỉ giúp công ty tối ưu hóa nguồn lực hiện có mà còn tạo ra dòng doanh thu ổn định, đảm bảo tăng trưởng bền vững.

3. Chuyển đổi số trong kinh doanh: Công ty đã đẩy mạnh ứng dụng các giải pháp số như BIM, ERP và mô hình song sinh số (Digital Twin), ra mắt ứng dụng PECC2 Mobile và triển khai hệ thống PSuite tại các nhà máy điện, giúp nâng cao năng suất, tối ưu quản lý rủi ro và gia tăng chất lượng dịch vụ. Những cải tiến này không chỉ giúp PECC2 nâng cao hiệu quả kinh doanh mà còn tạo ra lợi thế cạnh tranh trên thị trường.

4. Mở rộng hợp tác và thị trường: PECC2 tiếp tục tìm kiếm cơ hội tại các thị trường tiềm năng trong và ngoài nước, đặc biệt là khu vực ASEAN với trọng tâm là thị trường Lào, Campuchia. Việc tham gia các dự án năng lượng tại Lào, Campuchia mở ra triển vọng phát triển trung và dài hạn, đồng thời củng cố vị thế của công ty trong khu vực.

5. Tối ưu hóa mô hình kinh doanh điện: Công ty đã có những bước tiến vững chắc trong việc phát triển các giải pháp kinh doanh điện, từ tư vấn mua bán điện trực tiếp (DPPA) đến quản lý vận hành và bảo trì hệ thống. Điều này không chỉ giúp PECC2 gia tăng giá trị cho khách hàng mà còn đón đầu xu hướng thị trường năng lượng mới.

Với chiến lược kinh doanh linh hoạt và tư duy đổi mới, PECC2 đã có những bước tiến quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả hoạt động, đa dạng hóa lĩnh vực kinh doanh và mở rộng thị trường. Những nỗ lực này không chỉ giúp công ty duy trì đà tăng trưởng mà còn tạo nền tảng vững chắc để hiện thực hóa các mục tiêu dài hạn, hướng đến vị thế dẫn đầu trong ngành năng lượng.

2. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

2.1. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Trong năm 2025, về quy mô tài sản và nguồn vốn hợp nhất có sự tăng trưởng so với cùng kỳ.

Tổng Tài sản tăng 783,5 tỷ (+35,7 %) so với cùng kỳ, gồm các tài sản ngắn hạn tăng 778,9 tỷ (+58,5%), khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng tăng 119,96 tỷ (+15%) và trả trước cho người bán tăng 8,6 tỷ(+69,7%) và Dự phòng nợ phải thu khó đòi tăng 18,017 tỷ (+53,7%).

Nguồn vốn tăng 783,5 tỷ (+35,7 %) so với cùng kỳ, trong năm nợ phải trả tăng 777,4 tỷ (+ 83,9%) và vốn chủ sở hữu tăng 6,01 tỷ (0,5%) so với cùng kỳ.

Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất năm 2025, tổng doanh thu và thu nhập khác thực hiện 1403,95 tỷ, đạt 103,1% so với kế hoạch 1.362 tỷ. Công ty đã thực hiện vượt kế hoạch tổng doanh thu do Đại hội cổ đông thường niên 2025 giao.

Doanh thu hoạt động SXKD đạt 1.335 tỷ, giảm 37,42 tỷ (giảm 2,7%) so với năm 2024. Lợi nhuận trước thuế 2025 đạt 111,3 tỷ (tăng 20%) so với năm 2024, lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ 2025 đạt 94,636 tỷ (tăng 25,3%) so với năm 2024.

Về thực hiện quyền lợi với cổ đông, Công ty đã chi trả cổ tức 2024 bằng tiền mặt với tỷ lệ 10%, tổng số tiền đã chi trả là 67,526 tỷ.

Về đảm bảo dòng tiền cho hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty đã cân đối các nguồn vốn gồm vốn tự có và vốn vay, đảm bảo dòng tiền hoạt động ổn định, gia tăng giá trị và an toàn tài chính. Hệ số Nợ/ Vốn = 1,34 lần, đảm bảo < 3 lần.

ĐÁNH GIÁ VỀ CHỈ TIÊU TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đánh giá tình hình tài chính năm 2025: mặc dù còn nhiều khó khăn do biến động thế giới và tình hình năng lượng chung, Công ty đã thực hiện nhiệm vụ tài chính nhằm hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh, đảm bảo kế hoạch chi trả cổ tức năm 2024 được Đại hội cổ đông phê duyệt tại ĐHCĐ thường niên 2025.



3. NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ

Bước sang năm 2025, trong bối cảnh kinh tế trong nước và quốc tế còn nhiều biến động, yêu cầu nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả quản trị ngày càng cao, đồng thời thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy, PECC2 xác định tái cấu trúc tổ chức là nhiệm vụ trọng tâm trong lộ trình triển khai Đề án chiến lược phát triển và tái cấu trúc giai đoạn 2024 – 2025, định hướng đến năm 2030. Trên cơ sở rà soát toàn diện mô hình tổ chức và cơ chế vận hành, Công ty triển khai tái cấu trúc đồng bộ theo hướng tinh gọn, chuyên sâu và nâng cao tính tự chủ của các đơn vị.





Cùng với việc tái cấu trúc tổ chức bộ máy, Công ty đồng thời hoàn thiện hệ thống chính sách và phương pháp quản trị nhằm bảo đảm mô hình mới vận hành hiệu quả, cụ thể như sau:



- Thực hiện sắp xếp, tinh gọn đầu mối quản lý, giảm số lượng đơn vị trực thuộc từ 18 xuống còn 12 đơn vị; đồng thời cơ cấu lại chức năng, nhiệm vụ theo hướng chuyên môn hóa, phân định rõ trách nhiệm và thẩm quyền của từng cấp quản lý.
- Thành lập 02 Công ty TNHH do PECC2 sở hữu 100% Vốn điều lệ trên cơ sở tổ chức lại các đơn vị hoạt động theo lĩnh vực chuyên sâu, từng bước hoàn thiện mô hình quản trị công ty mẹ – công ty con, tăng cường tính tự chủ trong sản xuất kinh doanh và khả năng huy động nguồn lực.
- Rà soát, sửa đổi và ban hành mới hệ thống quy chế quản lý nội bộ phù hợp với mô hình tổ chức mới; đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền gắn với cơ chế kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro.
- Triển khai phương pháp quản trị theo mục tiêu và hiệu quả, gắn với đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị và trách nhiệm người đứng đầu.
- Đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số, mở rộng triển khai các phân hệ quản trị trong quản lý tài chính, nhân sự, dự án và điều hành sản xuất kinh doanh theo hướng tích hợp, minh bạch và thời gian thực.

Những cải tiến nêu trên đã từng bước định hình mô hình quản trị tinh gọn, minh bạch và hiệu quả hơn, tạo nền tảng để PECC2 nâng cao năng lực điều hành, và thích ứng linh hoạt với yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

4. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

CHỈ TIÊU VỀ DOANH THU VÀ TÀI CHÍNH



Năm 2026, bối cảnh kinh tế thế giới dự kiến vẫn còn nhiều yếu tố bất định do ảnh hưởng kéo dài của các xung đột địa chính trị, xu hướng thắt chặt chính sách tài khóa tiền tệ, áp lực lạm phát và dấu hiệu suy giảm tăng trưởng toàn cầu. Tuy nhiên, nền kinh tế Việt Nam được kỳ vọng duy trì triển vọng tăng trưởng ổn định, nhờ vào nội lực tiêu dùng trong nước, dòng vốn đầu tư công và quá trình chuyển dịch sang kinh tế số tăng trưởng xanh.

Trong nước, theo tinh thần Nghị quyết số 79-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, kinh tế nhà nước tiếp tục giữ vai trò chủ đạo; các doanh nghiệp có vốn nhà nước chi phối, như PECC2, sẽ được tạo điều kiện tiếp cận cơ chế tài chính đặc thù, bao gồm: tăng tỷ lệ lợi nhuận sau thuế để lại doanh nghiệp nhằm phục vụ tái đầu tư, và khuyến khích tối ưu hóa tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng còn khả năng sử dụng. Đây là cơ hội quan trọng để PECC2 nâng cao năng lực tài chính, củng cố vốn chủ sở hữu, gia tăng năng lực cạnh tranh và chủ động tham gia các dự án năng lượng quy mô lớn trong và ngoài nước.

Trên cơ sở phân tích kỹ bối cảnh thị trường, kết quả thực hiện năm 2025 và năng lực hiện có, PECC2 xây dựng kế hoạch doanh thu năm 2026 theo hướng tăng trưởng chọn lọc, tập trung vào các lĩnh vực có lợi thế cạnh tranh và tiềm năng phát triển.



PECC2 ĐƯA RA CHỈ TIÊU DOANH THU KẾ HOẠCH NĂM 2026 NHƯ SAU:

Chỉ tiêu doanh thu	Kế hoạch 2026 (tỷ đồng)
Tổng doanh thu hợp nhất	**2.557**

Về doanh thu tăng trưởng

Tăng trưởng 82%
so với Doanh thu năm 2025

Các chỉ tiêu tài chính tương ứng vẫn sẽ tiếp tục giữ vững nhằm đảm bảo hiệu quả hoạt động Công ty.



5. ĐÁNH GIÁ VỊ THẾ SO SÁNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

PECC2 được đánh giá là đơn vị tư vấn xây dựng điện hàng đầu tại Việt Nam so với các Đơn vị tư vấn khác như PECC1, PECC3, PECC4, Viện Năng lượng và các Công ty tư vấn tư nhân. Điều này thể hiện rõ qua kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty trong các năm qua.



6. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

6.1. ĐÁNH GIÁ TRÁCH NHIỆM LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Năm 2025, PECC2 đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển bền vững và tích hợp các tiêu chí ESG vào chiến lược kinh doanh.



Công ty đã triển khai các dự án năng lượng tái tạo với và tập trung vào các dự án điện gió và điện mặt trời, giúp giảm thiểu đáng kể tác động môi trường. Ngoài ra, các Dự án điện sinh khối và các hệ thống lưu trữ năng lượng đã góp phần quan trọng vào việc giảm phát thải carbon.



Về mặt xã hội, PECC2 đã tạo thêm hàng trăm việc làm mới trong lĩnh vực năng lượng tái tạo và triển khai nhiều chương trình đào tạo nâng cao kỹ năng cho nhân viên, với hơn 500 lượt đào tạo được thực hiện trong năm. Công ty cũng đã tích cực tham gia các hoạt động hỗ trợ cộng đồng như tài trợ học bổng và cải thiện cơ sở hạ tầng tại các khu vực có dự án. Đồng thời, PECC2 luôn tuân thủ các tiêu chuẩn đạo đức trong kinh doanh, đóng góp vào sự phát triển kinh tế bền vững, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người lao động và cộng đồng địa phương.



Về quản trị, PECC2 đã áp dụng hệ thống quản trị rủi ro tiên tiến và nâng cao tính minh bạch trong công bố thông tin tài chính định hướng theo tiêu chuẩn IFRS. Đồng thời, công ty đã đưa các tiêu chí ESG vào quy trình ra quyết định chiến lược, đảm bảo sự phát triển bền vững và khả năng cạnh tranh lâu dài trong ngành năng lượng.



PECC2 đồng hành cùng Cuba vượt qua khủng hoảng năng lượng: tầm nhìn và cơ hội hợp tác điện mặt trời.



Những hoạt động trên thể hiện cam kết mạnh mẽ của PECC2 trong việc thực hiện trách nhiệm xã hội, bảo vệ môi trường và đóng góp vào sự phát triển bền vững của cộng đồng.

6.2. ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Trong năm 2025, PECC2 ghi nhận và đánh giá cao những đóng góp quan trọng của đội ngũ cán bộ, công nhân viên đối với sự phát triển chung của Công ty. Người lao động luôn là lực lượng nòng cốt, trực tiếp tham gia và đảm bảo tiến độ, chất lượng của các dự án trọng điểm trong lĩnh vực năng lượng.

PECC2 nhận định rằng, với gần 1.000 lao động trực tiếp, có thâm niên bình quân trên 10 năm, đội ngũ nhân sự của PECC2 đã thể hiện sự chuyên nghiệp, tinh thần trách nhiệm và khả năng thích ứng nhanh với những biến động của ngành. Sự kết hợp hài hòa giữa kinh nghiệm của thế hệ đi trước và sức trẻ của thế hệ kế cận đã tạo nên nền tảng vững chắc cho hoạt động sản xuất – kinh doanh.





Tỷ lệ tăng trưởng thu nhập bình quân:
Thu nhập của người lao động tăng khoảng 10,8% so với năm 2024, phản ánh kết quả sản xuất – kinh doanh khả quan và chính sách đãi ngộ hợp lý.

Số lượng khóa đào tạo:
Trong năm, Công ty đã tổ chức 40 khóa đào tạo trực tiếp nội bộ và bên ngoài, tập trung vào kỹ năng quản lý dự án, công nghệ số và an toàn lao động.

Tỷ lệ gắn bó lâu dài:
Hơn 70% nhân sự có thâm niên trên 10 năm, cho thấy sự ổn định và cam kết đồng hành cùng Công ty.

6.2. ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG *(Tiếp theo)*





Trong năm qua, Công ty đã triển khai nhiều chính sách lao động – tiền lương theo hướng minh bạch, công bằng và gắn với hiệu quả công việc. Người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ, chính sách theo quy định Nhà nước (nghỉ phép năm, nghỉ ốm đau, thai sản, dưỡng sức, đóng BHXH, BHTN, trợ cấp thôi việc, mất việc làm, hưu trí), đồng thời chú trọng cải thiện môi trường làm việc, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động. Những chính sách này đã góp phần củng cố niềm tin, khuyến khích sự gắn bó lâu dài và phát huy tối đa năng lực của đội ngũ nhân sự.

Ban Tổng Giám đốc khẳng định, trong giai đoạn tới, PECC2 sẽ tiếp tục hoàn thiện cơ chế quản trị nhân sự theo hướng tinh gọn nhưng hiệu quả, đa nhiệm nhưng chuyên sâu, đồng thời tăng cường đào tạo, phát triển kỹ năng số và công nghệ mới. Đây là định hướng chiến lược nhằm bảo đảm người lao động luôn là trung tâm của sự phát triển bền vững, đồng hành cùng Công ty trong việc khẳng định vị thế hàng đầu trong lĩnh vực tư vấn năng lượng.





05

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

92 Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.

95 Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

96 Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

1. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY, TRONG ĐÓ CÓ ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Năm 2025, hoạt động của PECC2 diễn ra trong bối cảnh nền kinh tế và ngành năng lượng tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức; nhu cầu thị trường có sự biến động, yêu cầu về chuyển dịch năng lượng và phát triển bền vững ngày càng cao. Trong điều kiện đó, Công ty đã chủ động thích ứng, linh hoạt trong tổ chức triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh và đạt được những kết quả đáng ghi nhận.



Công ty tiếp tục khẳng định năng lực khi tham gia thực hiện nhiều dự án trọng điểm như:

- Dự án Nhà máy điện sinh khối Hậu Giang, Thủy điện Thác Bà 2; Ký kết và triển khai các dự án EPC: Nhà máy sinh khối Yên Bái 1, Nhà máy sinh khối Tuyên Quang, Nhiệt điện Ô Môn IV, điện gió Tân Thuận – Giai đoạn 3.
- Ký kết các hợp đồng tư vấn trong lĩnh vực điện khí LNG (Quảng Trạch III, Công Thanh); Thực hiện tư vấn khảo sát, thiết kế các công trình truyền tải điện chiến lược (các dự án đường dây 500kV theo chỉ đạo EVN).
- Mở rộng thị trường quốc tế trong lĩnh vực vận hành và bảo trì (O&M), tiêu biểu là Dự án điện gió Monsoon (Lào) và tiếp cận thị trường Philippines, qua đó khẳng định năng lực cạnh tranh và vị thế của Công ty trên thị trường khu vực.

HĐQT đánh giá Công ty đã duy trì ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, hoàn thành và vượt các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông giao. Năm 2025, doanh thu và thu nhập hợp nhất đạt **1.403,95** tỷ đồng, tương đương **103,1%** kế hoạch, lợi nhuận trước thuế đạt **111,276** tỷ đồng, vượt **64%** kế hoạch và tăng khoảng **20%** so với năm trước. Công tác quản trị tài chính được thực hiện chặt chẽ, đảm bảo cân đối dòng tiền, kiểm soát chi phí hiệu quả và đáp ứng nhu cầu vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Công ty tiếp tục mở rộng hoạt động đầu tư, tham gia vào các dự án năng lượng, đặc biệt là năng lượng tái tạo và các lĩnh vực năng lượng mới, phù hợp với xu hướng chuyển dịch năng lượng và định hướng phát triển của ngành. Một số dự án trọng điểm được triển khai đảm bảo tiến độ, chất lượng, từng bước đi vào vận hành, góp phần gia tăng năng lực sản xuất và tạo nguồn thu ổn định cho Công ty trong trung và dài hạn. Song song đó, Công ty đã triển khai tái cấu trúc, kiện toàn bộ máy theo hướng tinh gọn, tối ưu hóa nguồn lực; đồng thời đẩy mạnh hoàn thiện hệ thống quản trị, kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro góp phần nâng cao tính minh bạch và hiệu quả hoạt động.

1. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY, TRONG ĐÓ CÓ ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI *(Tiếp theo)*

HĐQT ghi nhận và đánh giá cao việc tích hợp các yếu tố phát triển bền vững (ESG) vào chiến lược phát triển trung và dài hạn, với trọng tâm là quản lý hiệu quả các yếu tố môi trường, tối ưu sử dụng tài nguyên, đảm bảo an toàn lao động và thực hiện đầy đủ trách nhiệm xã hội. Đồng thời duy trì chính sách đãi ngộ phù hợp, đảm bảo quyền lợi người lao động, cải thiện điều kiện làm việc và chủ động triển khai các hoạt động hướng tới cộng đồng và an sinh xã hội.

Tuy nhiên, Công ty vẫn đối mặt với một số thách thức như áp lực cạnh tranh từ doanh nghiệp nước ngoài, biến động chính sách và chi phí trong các dự án năng lượng tái tạo, cùng yêu cầu ngày càng cao về kỹ thuật, công nghệ và tiêu chuẩn môi trường.



Để duy trì đà phát triển bền vững, HĐQT yêu cầu Công ty tiếp tục nâng cao năng lực công nghệ và đẩy mạnh chuyển đổi số, trong đó chú trọng nghiên cứu, tiếp cận và từng bước làm chủ các công nghệ năng lượng tiên tiến như hệ thống lưu trữ năng lượng (BESS), truyền tải điện một chiều công suất lớn (HVDC), đồng thời tăng cường ứng dụng các giải pháp số như BIM và trí tuệ nhân tạo (AI) trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Song song đó, mở rộng thị trường, hợp tác quốc tế và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao để củng cố vị thế và tăng trưởng bền vững.



2. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trong năm 2025, Ban TGĐ đã chủ động, quyết liệt trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; đảm bảo thực hiện các hợp đồng, dự án trọng điểm đúng tiến độ, chất lượng và tuân thủ chỉ đạo của Hội đồng quản trị.

Công tác tài chính được quản lý chặt chẽ, kiểm soát hiệu quả chi phí; cơ cấu tổ chức tiếp tục được rà soát, sắp xếp theo hướng tinh gọn, tối ưu hóa nguồn lực. Hệ thống quản trị nội bộ được hoàn thiện, đồng thời duy trì và mở rộng hợp tác quốc tế trong lĩnh vực tư vấn và công nghệ năng lượng.

Hoạt động điều hành bám sát định hướng chiến lược và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị; các nhiệm vụ về sản xuất kinh doanh, đầu tư, tài chính và nhân sự được triển khai đồng bộ, gắn với tăng cường kiểm soát rủi ro, đảm bảo hoạt động an toàn, liên tục và hiệu quả.

Các dự án đầu tư được triển khai cơ bản đáp ứng yêu cầu về tiến độ, chất lượng. Công tác quản trị tiếp tục được đổi mới, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh.

HĐQT đánh giá Ban Tổng Giám đốc đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trong năm 2025.



3. CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

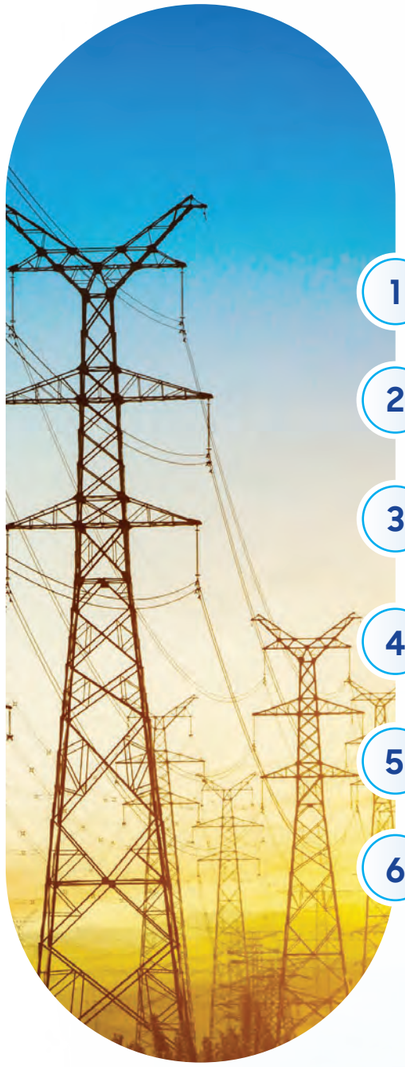
Trong giai đoạn tới, HĐQT định hướng Công ty phát triển theo mô hình doanh nghiệp công nghệ trong lĩnh vực năng lượng, gắn với chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và năng lực cạnh tranh. Công ty tiếp tục tập trung vào các lĩnh vực cốt lõi theo ba trụ cột Tư vấn – Kinh doanh – Đầu tư, đồng thời nghiên cứu, tiếp cận và từng bước làm chủ các công nghệ năng lượng tiên tiến như hệ thống lưu trữ năng lượng (BESS), truyền tải điện một chiều công suất lớn (HVDC), điện hạt nhân và thủy điện tích năng.





HĐQT định hướng hoàn thiện hệ thống quản trị theo hướng hiện đại, minh bạch; tăng cường kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro; ứng dụng các công cụ quản trị tiên tiến, từng bước tiệm cận thông lệ quốc tế OECD. Các yếu tố phát triển bền vững (ESG) tiếp tục được lồng ghép vào chiến lược và hoạt động nhằm đảm bảo hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với trách nhiệm môi trường và xã hội.

Căn cứ kết quả thực hiện năm 2025 và năng lực hiện có, Công ty xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 theo hướng tăng trưởng chọn lọc, tập trung vào các lĩnh vực có lợi thế cạnh tranh và tiềm năng phát triển. Tổng doanh thu và thu nhập hợp nhất kế hoạch đạt khoảng **2.557** tỷ đồng, tương đương mức tăng trưởng **82%** so với năm 2025, đồng thời đảm bảo duy trì các chỉ tiêu tài chính ở mức an toàn và hiệu quả.



Để thực hiện các định hướng trên, Hội đồng quản trị tập trung chỉ đạo các nhiệm vụ trọng tâm:

1. Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 đúng thời hạn quy định.
2. Định hướng Ban Tổng Giám đốc triển khai hiệu quả kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026, đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận và duy trì tăng trưởng ổn định.
3. Đẩy mạnh chuyển đổi số, triển khai các hệ thống quản trị tích hợp (KPI, ERP, BI), từng bước số hóa quy trình quản lý và hoạt động sản xuất kinh doanh.
4. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt trong các lĩnh vực công nghệ và năng lượng mới; đồng thời thúc đẩy đổi mới sáng tạo và nâng cao năng lực quản trị.
5. Mở rộng thị trường và tăng cường hợp tác trong và ngoài nước nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và tiếp cận công nghệ tiên tiến.
6. Tiếp tục rà soát, sắp xếp tổ chức theo hướng tinh gọn, nâng cao hiệu quả quản trị và tối ưu hóa nguồn lực.



06

QUẢN TRỊ CÔNG TY

100 Hội đồng quản trị

108 Ban kiểm soát

111 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban TGĐ, và BKS

113 Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty



1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1.1. THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
1	Ông Nguyễn Chơn Hùng	Chủ tịch HĐQT	0,31%
2	Ông Võ Văn Bình	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	0,04%
3	Bà Phạm Liên Hải	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	0,36%
4	Ông Nguyễn Mạnh Phát	Thành viên HĐQT không điều hành	0%
5	Ông Đinh Quang Tri	Thành viên HĐQT độc lập	0%

(Thông tin chi tiết xem thêm ở Mục Giới thiệu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát – Phần 1 Báo cáo này)



1.2. CÁC TIỂU BAN THUỘC HĐQT

Trong năm 2025, Công ty có Ban Tổng hợp trực thuộc Hội đồng Quản trị, với chức năng tham mưu, tổng hợp và hỗ trợ HĐQT trong việc xây dựng, triển khai các chương trình công tác, kế hoạch hoạt động; đồng thời rà soát, tổng hợp các nội dung trình HĐQT, tham gia ý kiến đối với các đề xuất của các đơn vị nhằm nâng cao chất lượng công tác quản trị và hiệu quả điều hành của Công ty. Ban Tổng hợp cũng thực hiện công tác báo cáo hành chính định kỳ và hỗ trợ kiểm tra, đánh giá tính đầy đủ, hiệu quả của hệ thống quản trị, quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ.

Từ tháng 8/2025, Ban Tổng hợp được sáp nhập vào Văn phòng Công ty. Các chức năng tham mưu, tổng hợp và hỗ trợ hoạt động của HĐQT do Văn phòng thực hiện. Đồng thời, tiếp tục duy trì Bộ phận Kiểm toán nội bộ thuộc HĐQT trên cơ sở tiếp nhận chức năng chức năng kiểm toán nội bộ của Ban Tổng hợp trước đây, đảm bảo tuân thủ theo Quy định của luật Kế toán và Nghị định 05/2019/NQ-CP ngày 22/01/2019 Nghị định về Kiểm toán nội bộ.

1.3. HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

Trong năm 2025, HĐQT đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy chế quản trị nội bộ của PECC2. Với chuyên môn và kinh nghiệm quản lý của các thành viên, HĐQT đã phân công nhiệm vụ phù hợp với lĩnh vực thế mạnh của từng thành viên, qua đó phát huy hiệu quả năng lực chuyên môn và tăng cường vai trò chỉ đạo, giám sát đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.



HĐQT thường xuyên theo dõi, giám sát tình hình hoạt động của Ban Điều hành, kịp thời xem xét và quyết định các vấn đề quan trọng thuộc thẩm quyền nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty được triển khai đúng định hướng chiến lược và kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.



Trong năm, HĐQT đã tổ chức 11 phiên họp định kỳ; đồng thời thực hiện lấy ý kiến bằng văn bản và tổ chức các cuộc họp bất thường để xem xét, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền. Các thành viên HĐQT đều tham dự đầy đủ, tích cực tham gia thảo luận và biểu quyết với tinh thần trách nhiệm cao, bảo đảm các quyết định được xem xét thận trọng, minh bạch và vì lợi ích chung của cổ đông cũng như sự phát triển bền vững của Công ty.





1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ *(Tiếp theo)*

Số lượng các cuộc họp của HĐQT

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự
1	Ông Nguyễn Chơn Hùng	Chủ tịch HĐQT	11/11	100%
2	Ông Võ Văn Bình	Thành viên HĐQT	11/11	100%
3	Bà Phạm Liên Hải	Thành viên HĐQT	11/11	100%
4	Ông Nguyễn Mạnh Phát	Thành viên HĐQT không điều hành	11/11	100%
5	Ông Đinh Quang Tri	Thành viên HĐQT độc lập	11/11	100%



HĐQT đã ban hành 78 Nghị quyết liên quan đến hoạt động SXKD, công tác đầu tư, tổ chức nhân sự và các nội dung khác thuộc thẩm quyền của HĐQT.

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	010601/2025/NQ-HĐQT	06/01/2025	Thông qua kết quả nhận xét đánh giá xếp loại chất lượng cán bộ năm 2024
2	012201/2025/NQ-HĐQT	22/01/2025	Công tác nhân sự tại Chi nhánh Cơ điện
3	012401/2025/NQ-HĐQT	24/01/2025	Điều chỉnh Quy chế công tác cán bộ công ty
4	021001/2025/NQ-HĐQT	10/02/2025	Bổ nhiệm lại cán bộ
5	032601/2025/NQ-HĐQT	26/03/2025	Gia hạn tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025
6	033101/2025/NQ-HĐQT	31/03/2025	Tạm giao kế hoạch SXKD năm 2025
7	040902/2025/NQ-HĐQT	09/04/2025	Góp vốn thành lập công ty cổ phần
8	040903/2025/NQ-HĐQT	09/04/2025	Cử NĐD phần vốn PECC2 tại CTCP được hợp tác thành lập giữa PECC2 và CTCP Dịch vụ - Vận tải biển Hải Vân
9	041101/2025/NQ-HĐQT	11/04/2025	Phê duyệt chỉ tiêu xét nâng ngạch Kỹ sư chính, Chuyên viên chính
10	042201/2025/NQ-HĐQT	22/04/2025	Phê duyệt Quỹ tiền lương, tiền thưởng năm 2024
11	050701/2025/NQ-HĐQT	07/05/2025	Thông qua ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền tham dự họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025
12	051201/2025/NQ-HĐQT	12/05/2025	Giao Kế hoạch tài chính toàn Công ty năm 2025
13	052701/2025/NQ-HĐQT	27/05/2025	Phê duyệt các hồ sơ phục vụ công tác chào bán cổ phần CTCP EVN Quốc tế do Tổng Công ty Điện lực miền Trung tổ chức thực hiện
14	060202/2025/NQ-HĐQT	02/06/2025	Phiên họp 1 năm 2025
15	060502/2025/NQ-HĐQT	05/06/2025	Phiên họp 2 năm 2025
16	061201/2025/NQ-HĐQT	12/06/2025	Thay đổi nhân sự tại các CTCP có vốn góp PECC2
17	061203/2025/NQ-HĐQT	12/06/2025	Phê duyệt kế hoạch đào tạo và phát triển nguồn nhân lực năm 2025
18	061601/2025/NQ-HĐQT	16/06/2025	Phân cấp thẩm quyền cho GĐ EPC và GĐ TNĐ
19	062501/2025/NQ-HĐQT	25/06/2025	Sắp xếp Cơ cấu Tổ chức nhân sự tại Chi nhánh Vận hành và Bảo trì Nhà máy điện
20	062602/2025/NQ-HĐQT	26/06/2025	Phiên họp 3 năm 2025
21	070101/2025/NQ-HĐQT	01/7/2025	Thành lập Công ty TNHH MTV do PECC2 sở hữu 100% Vốn điều lệ
22	070102/2025/NQ-HĐQT	01/7/2025	Phê duyệt dự phóng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025-2028 phục vụ định giá doanh nghiệp
23	070103/2025/NQ-HĐQT	01/7/2025	Ban hành Quy chế Quản lý Tài chính
24	070401/2025/NQ-HĐQT	04/7/2025	Thông qua chủ trương bổ sung 02 PTGĐ
25	070801/2025/NQ-HĐQT	08/7/2025	Phê duyệt nâng ngạch Kỹ sư chính, Chuyên viên chính
26	070802/2025/NQ-HĐQT	08/7/2025	Công tác cán bộ tại các đơn vị

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ *(Tiếp theo)*

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
27	071001/2025/NQ-HĐQT	10/07/2025	Phiên họp 4 năm 2025
28	071401/2025/NQ-HĐQT	14/07/2025	Phê duyệt KHLCNT Gói thầu Cung cấp dịch vụ kiểm toán và soát xét BCTC 2025
29	071402/2025/NQ-HĐQT	14/07/2025	Ban hành Quy chế về công tác đấu thầu
30	071801/2025/NQ-HĐQT	18/07/2025	Phê duyệt KQLCNT Gói thầu Cung cấp dịch vụ kiểm toán và soát xét BCTC 2025
31	080101/2025/NQ-HĐQT	01/08/2025	Bổ nhiệm lại cán bộ
32	080501/2025/NQ-HĐQT	05/08/2025	Công tác nhân sự tại Trung tâm Tư vấn Lưới điện
33	080502/2025/NQ-HĐQT	05/08/2025	Sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy công ty
34	080603/2025/NQ-HĐQT	06/08/2025	Góp vốn thành lập Công ty TNHH Khảo sát và Xây dựng PECC2
35	090901/2025/NQ-HĐQT	09/09/2025	Thành lập Công ty TNHH do PECC2 sở hữu 100% Vốn điều lệ
36	090902/2025/NQ-HĐQT	09/09/2025	Cử Người đại diện phần vốn của PECC2 tại Công ty TNHH Dịch vụ và Kỹ thuật Năng lượng PECC2
37	090903/2025/NQ-HĐQT	09/09/2025	Cử kiểm soát viên tại Công ty TNHH do PECC2 sở hữu 100% vốn điều lệ
38	091003/2025/NQ-HĐQT	10/09/2025	Phiên họp 6 năm 2025
39	091601/2025/NQ-HĐQT	16/09/2025	Phê duyệt kết quả thẩm định giá trị cổ phần Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn
40	091901/2025/NQ-HĐQT	19/09/2025	Thay đổi Người đại diện phần vốn tại PPOM
41	092401/2025/NQ-HĐQT	24/09/2025	Chuyển văn phòng đại diện nước ngoài của công ty từ Myanmar sang Lào
42	093001/2025/NQ-HĐQT	30/09/2025	Phê duyệt kế hoạch kinh doanh và cấp vốn hoạt động cho Chi nhánh Quản lý Nhà máy điện mặt trời
43	100101/2025/NQ-HĐQT	01/10/2025	Phê duyệt giá trị tài sản góp vốn, phương án góp vốn thành lập PESE và phương án xử lý tài sản còn lại của Chi nhánh POM, PEME
44	110501/2025/NQ-HĐQT	05/11/2025	Bảo lãnh cho PESE tại Ngân hàng
45	110701/2025/NQ-HĐQT	07/11/2025	Bảo lãnh cho PESE tại Ngân hàng
46	111201/2025/NQ-HĐQT	12/11/2025	Phê duyệt chủ trương bổ nhiệm lại cán bộ thuộc diện EVN quản lý
47	111402/2025/NQ-HĐQT	14/11/2025	Phiên họp 7 năm 2025
48	112801/2025/NQ-HĐQT	28/11/2025	Phê duyệt Phương án chuyển nhượng vốn của PECC2 tại BĐHC
49	120802/2025/NQ-HĐQT	08/12/2025	Giao dịch tín dụng của Công ty TNHH Khảo sát và Xây dựng PECC2
50	121101/2025/NQ-HĐQT	11/12/2025	Phê duyệt các phương thức thanh lý tài sản chung của Công ty
51	121202/2025/NQ-HĐQT	12/12/2025	Phiên họp 8 năm 2025
52	121501/2025/NQ-HĐQT	15/12/2025	Phê duyệt Kế hoạch Quỹ tiền lương, tiền thưởng năm 2025
53	121901/2025/NQ-HĐQT	19/12/2025	Điều chỉnh Hệ thống thang lương, bảng lương và Mức lương tối thiểu doanh nghiệp trong Công ty
54	122201/2025/NQ-HĐQT	22/12/2025	Bổ nhiệm lại cán bộ
55	122203/2025/NQ-HĐQT	22/12/2025	Phiên họp 9 năm 2025
56	122502/2025/NQ-HĐQT	25/12/2025	Phiên họp 10 năm 2025
57	122901/2025/NQ-HĐQT	29/12/2025	Kiện toàn nhân sự và cơ cấu tổ chức Phòng Tài chính – Kế toán
58	080601/2025/NQ-HĐQT	06/08/2025	Chỉ đạo triển khai các hợp đồng đã ký
59	082701/2025/NQ-HĐQT	27/08/2025	
60	012301/2025/NQ-HĐQT	23/01/2025	
61	012302/2025/NQ-HĐQT	23/01/2025	
62	021401/2025/NQ-HĐQT	14/02/2025	
63	031101/2025/NQ-HĐQT	11/03/2025	
64	040904/2025/NQ-HĐQT	09/04/2025	
65	042301/2025/NQ-HĐQT	23/04/2025	
66	052801/2025/NQ-HĐQT	28/05/2025	
67	061801/2025/NQ-HĐQT	18/06/2025	
68	061902/2025/NQ-HĐQT	19/06/2025	
69	062701/2025/NQ-HĐQT	27/06/2025	Chỉ đạo Người đại diện phần vốn tại các Công ty có vốn góp
70	062702/2025/NQ-HĐQT	27/06/2025	
71	062901/2025/NQ-HĐQT	29/06/2025	
72	081501/2025/NQ-HĐQT	15/08/2025	
73	091502/2025/NQ-HĐQT	15/90/2025	
74	091902/2025/NQ-HĐQT	19/09/2025	
75	102201/2025/NQ-HĐQT	22/10/2025	
76	103001/2025/NQ-HĐQT	30/10/2025	
77	112601/2025/NQ-HĐQT	26/11/2025	
78	122601/2025/NQ-HĐQT	26/12/2025	

Bên cạnh đó, trong năm 2025, HĐQT cũng đã chủ trì tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2025, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Các Thành viên HĐQT luôn phối hợp chặt chẽ, trao đổi và chia sẻ các thông tin liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công; Đồng thời HĐQT phối hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát, đảm bảo tính độc lập trong hoạt động giám sát. Ban Kiểm soát được mời tham dự các cuộc họp HĐQT và nhận đầy đủ tài liệu họp theo đúng quy định; các ý kiến của Ban Kiểm soát luôn được HĐQT lắng nghe, xem xét trong quá trình thảo luận và ra quyết định.

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ *(Tiếp theo)*

1.4. HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP

Trong năm 2025, Thành viên HĐQT độc lập đã phát huy vai trò quan trọng tư vấn chiến lược và thực hiện chức năng giám sát độc lập đối với hoạt động của HĐQT và Ban Điều hành. Thông qua việc tham gia các hoạt động quản trị, thành viên HĐQT độc lập đã góp phần đánh giá hiệu quả hoạt động của HĐQT và Ban Điều hành, đồng thời đưa ra các khuyến nghị nhằm nâng cao tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và hiệu quả quản trị của Công ty.

Bên cạnh đó, thành viên HĐQT độc lập đã đề xuất các giải pháp cải thiện công tác quản trị doanh nghiệp, bao gồm hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ, tăng cường công bố thông tin và nâng cao mức độ minh bạch, góp phần nâng cao uy tín và hình ảnh của PECC2 trên thị trường.

Trong quá trình hoạt động, thành viên HĐQT độc lập đã tham gia đầy đủ vào các hoạt động của HĐQT phù hợp với quy định pháp luật và quy định nội bộ của PECC2, bao gồm:

- Tham gia đầy đủ các phiên họp HĐQT.
- Tham gia biểu quyết ban hành các quy định nội bộ, chính sách, chiến lược liên quan đến các hoạt động của PECC2.
- Tham gia biểu quyết chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT, chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ.



1.5. HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN TRONG HĐQT



Công tác trợ lý, thư ký Hội đồng quản trị

Tổ Tổng hợp trực thuộc Văn phòng Công ty thực hiện chức năng tham mưu, tổng hợp và hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị, bao gồm rà soát hồ sơ, tài liệu trình Hội đồng, đồng thời tham gia đóng góp ý kiến trước khi trình, nhằm nâng cao chất lượng nội dung và hiệu quả trong công tác ra quyết định.



Công tác kiểm toán nội bộ

Bộ phận Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát thông qua các hoạt động thường xuyên, cũng như các báo cáo định kỳ và đột xuất từ các đơn vị và Người đại diện. Công tác này góp phần tăng cường kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro, đồng thời đảm bảo tuân thủ các quy định của Luật Kế toán và Nghị định 05/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 về kiểm toán nội bộ.



1.6. ĐÀO TẠO QUẢN TRỊ

Trong năm, các thành viên HĐQT, Ban TGĐ, BKS và các cán bộ quản lý khác tiếp tục được tham gia các chương trình đào tạo quản trị doanh nghiệp, qua đó nắm bắt các kinh nghiệm quản trị của các doanh nghiệp để áp dụng vào thực tiễn quản trị của Công ty.



2. BAN KIỂM SOÁT

2.1. DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát của công ty hiện nay gồm 03 thành viên, hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm. Các thành viên Ban Kiểm soát có kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan đến hoạt động sản suất kinh doanh chính của công ty cũng như công tác quản lý tài chính – kế toán:

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
1	Bà Nguyễn Hồng Khanh	Trưởng BKS	0%
2	Bà Trần Thị Việt Hà	Thành viên BKS	0%
3	Bà Phạm Thị Lan Anh	Thành viên BKS	0,02%

(Thông tin chi tiết xem thêm ở Mục Giới thiệu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát – Phần 1 Báo cáo này)

2.2. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Cuộc họp của BKS

Trong năm 2025, Ban kiểm soát tổ chức 04 cuộc họp để triển khai nhiệm vụ và thống nhất các nội dung kiểm soát. Các thành viên Ban Kiểm soát đều tham gia đầy đủ và tích cực đóng góp ý kiến đối với các nội dung kiểm soát:

STT	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết
1	Bà Nguyễn Hồng Khanh	4/4	100%	100%
2	Bà Trần Thị Việt Hà	4/4	100%	100%
3	Bà Phạm Thị Lan Anh	4/4	100%	100%

Các cuộc họp cụ thể như sau:

- Cuộc họp ngày 10/01/2025 về kế hoạch kiểm soát năm 2025 và phân công thẩm tra Báo cáo tài chính năm 2024.
- Cuộc họp ngày 08/04/2025 thông qua kết quả thẩm tra Báo cáo tài chính năm 2024.
- Cuộc họp ngày 29/05/2025 thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát trình ĐHĐCĐ năm 2025.
- Cuộc họp ngày 29/09/2025 thông qua báo cáo thẩm tra Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2025.



Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc

- Thường xuyên theo dõi, kiểm soát việc chấp hành chế độ, chính sách, pháp luật của Nhà nước, việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Điều lệ Công ty, quy chế nội bộ về quản trị và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty. Kết quả, Công ty chấp hành tốt chế độ, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Điều lệ, quy chế nội bộ về quản trị và các quy chế quản lý nội bộ của Tổng Công ty.
- Tham gia/có ý kiến đối với các nội dung quan trọng tại các cuộc họp HĐQT theo thư mời.
- Giám sát quá trình tái cơ cấu của Công ty năm 2025. Thường xuyên nắm bắt tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty, Công ty con và Công ty liên kết.
- Thẩm tra Báo cáo tài chính năm 2024: Ban Kiểm soát đã thực hiện thẩm tra Báo cáo tài chính của Công ty và có Báo cáo số 02/PECC2-BKS ngày 15/04/2025.
- Thẩm tra Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2025: Ban Kiểm soát đã thực hiện thẩm tra Báo cáo tài chính của Công ty và có Báo cáo số 09/PECC2-BKS ngày 30/09/2025.
- Định hướng về việc lựa chọn kiểm toán độc lập: Văn bản số 06/PECC2-BKS ngày 30/06/2025.
- Trong quá trình Kiểm toán độc lập làm việc tại công ty, Ban kiểm soát đã phối hợp với kiểm toán độc lập trong việc xác định các rủi ro trọng yếu cần tập trung và họp với Kiểm toán độc lập về kết quả kiểm toán: Cuộc họp ngày 13/08/2025 về kết quả kiểm toán báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2025 và cuộc họp ngày 23/12/2025 về các rủi ro trọng yếu kỳ kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025.
- Giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 14/06/2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024. Báo cáo ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 về kết quả hoạt động kiểm soát năm 2024, kế hoạch 2025 tại Báo cáo số 05/PECC2-BKS ngày 24/5/2025.
- Giám sát việc PECC2 triển khai thực hiện Nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/6/2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.



Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác.

- Hội đồng Quản trị PECC2 đã cung cấp kịp thời, đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT cho Ban Kiểm soát; Ban Tổng Giám đốc đã tạo điều kiện cho Ban Kiểm soát trong việc thu thập các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty khi có yêu cầu.
- Các đơn vị trực thuộc công ty, người đại diện của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết có ý thức tốt và nghiêm túc thực hiện việc cung cấp tài liệu cho Ban Kiểm soát.

Hoạt động khác của BKS: Không có.



Nhận xét chung về công tác kiểm soát năm 2025



- Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban Kiểm soát luôn nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi từ HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các Ban, các Đơn vị thành viên trong Công ty để Ban Kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông giao.
- Mặc dù các thành viên ban kiểm soát làm việc theo chế độ kiêm nhiệm nhưng do các thành viên Ban kiểm soát đều có kinh nghiệm trong lĩnh vực được phân công, các thành viên có ý thực trách nhiệm trong việc thực hiện các nhiệm vụ của Ban kiểm soát nên Ban Kiểm soát công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ kiểm soát năm 2025.

Kế hoạch của Ban Kiểm soát năm 2026



- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty một cách trung thực, thận trọng vì lợi ích của toàn Công ty và cổ đông.
- Đánh giá hiệu quả, giám sát hoạt động của các công ty con sau tái cơ cấu: (i) Công ty TNHH Khảo sát và Xây dựng PECC2; và (ii) Công ty TNHH dịch vụ và kỹ thuật năng lượng.

3. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN TGĐ VÀ BKS

3.1. LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Lương, thù lao của Hội đồng Quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương/năm (triệu đồng)	Thù lao/năm (triệu đồng)
1	Ông Nguyễn Chơn Hùng	Chủ tịch HĐQT	1.008	-
2	Ông Võ Văn Bình	Thành viên HĐQT kiêm TGĐ	780	163,2
3	Bà Phạm Liên Hải	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGĐ	660	163,2
4	Ông Nguyễn Mạnh Phát	Thành viên HĐQT	-	163,2
5	Ông Đinh Quang Tri	Thành viên HĐQT	-	163,2

Lương, thù lao của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương/năm (triệu đồng)	Thù lao/năm (triệu đồng)
1	Ông Võ Văn Bình	Thành viên HĐQT kiêm TGĐ	(*)	(*)
2	Bà Phạm Liên Hải	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGĐ	(*)	(*)
3	Ông Nguyễn Trọng Nam	Phó TGĐ	660	-
4	Ông Nguyễn Hải Phú	Phó TGĐ	660	-
5	Bà Bùi Thị Ngọc Lý	Kế toán trưởng	540	-

(*) Đã nêu tại phần Hội đồng quản trị.

Thù lao của Ban Kiểm soát:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương/năm (triệu đồng)	Thù lao/năm (triệu đồng)
1	Bà Nguyễn Hồng Khanh	Trưởng BKS	-	168
2	Bà Trần Thị Việt Hà	Kiểm soát viên	-	163,2
3	Bà Phạm Thị Lan Anh	Kiểm soát viên	-	163,2

3.2. GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Ông Nguyễn Chơn Hùng	Chủ tịch HĐQT	172.095	0,25%	211.295	0,31%	Mua
2	Bà Trần Thị Lam Phương	Vợ ông Nguyễn Chơn Hùng	610.348	0,90%	755.248	1,12%	Mua
3	Ông Nguyễn Triệu Hải	Con ông Nguyễn Chơn Hùng	7.836	0,01%	41.736	0,06%	Mua
4	Ông Võ Văn Bình	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	28.882	0,04%	30.000	0,04%	Mua
5	Bà Phạm Liên Hải	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	243.239	0,36%	243.639	0,36%	Mua
6	Ông Nguyễn Mạnh Phát	Thành viên HĐQT không điều hành	16.367	0,02%	-	0,00%	Bán
7	Bà Nguyễn Thị Thơm	Chị ruột ông Nguyễn Mạnh Phát	1.500	0,00%	9.700	0,01%	Mua
8	Ông Nguyễn Hải Phú	Phó Tổng Giám đốc	60.010	0,09%	45.110	0,07%	Bán
9	Ông Hoàng Tuấn Anh	Con rể ông Nguyễn Trọng Nam, Phó TGĐ	3.271	0,00%	71	0,00%	Bán
10	Bà Nguyễn Hồng Khanh	Trưởng Ban kiểm soát	4.000	0,01%	-	0,00%	Bán
11	Ông Đoàn Hồng Quang	Em rể bà Phạm Thị Lan Anh	7.100	0,01%	-	0,00%	Bán
12	Ông Huỳnh Văn Quang	Thư ký Công ty	9.871	0,01%	15.300	0,02%	Mua
13	Ông Huỳnh Văn Đức	Em ông Huỳnh Văn Quang	-	0,00%	8.300	0,01%	Mua
14	Công đoàn Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	Công đoàn Công ty	872.801	1,29%	896.081	1,33%	Mua

3.3. HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ: Không có.

4. ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY



PECC2 thực hiện bản tin nhà đầu tư định kỳ để cung cấp thông tin tình hình sản xuất - kinh doanh đến các nhà đầu tư và được đăng tải trên website *https://pecc2.com/vn/tin-tuc.html* và *https://pecc2.com/vn/quan-he-dau-tu.html*

Năm 2025, PECC2 tăng cường trao đổi với các công ty chứng khoán và quỹ đầu tư liên quan các vấn đề nhà đầu tư quan tâm. Bộ phận quan hệ nhà đầu tư của PECC2 cũng sẵn sàng nhận thông tin các thắc mắc cũng như ghi nhận những thông tin phản hồi từ phía cổ đông và nhà đầu tư. Trong năm, PECC2 tham gia tiếp xúc CTCP Chứng khoán VDS, Vietcap và các quỹ đầu tư.

Trong năm, PECC2 đã triển khai nhiều nội dung quản trị công ty theo quy định pháp luật và thông lệ tốt, bao gồm:

1. Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên đúng quy định.
2. Công bố thông tin định kỳ và bất thường theo yêu cầu của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn.
3. Duy trì hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban điều hành theo chức năng, nhiệm vụ.
4. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát tham gia đầy đủ các chương trình, chứng chỉ về quản trị công ty đại chúng.

4. ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY *(Tiếp theo)*

Dựa trên các tiêu chí trong ASEAN Corporate Governance Scorecard, việc thực hiện quản trị công ty của Công ty năm 2025 có thể đối chiếu như sau:

Nhóm tiêu chí ACGS	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng của PECC2	Nhận xét	Kế hoạch khắc phục/tăng cường
Quyền của cổ đông	Bảo đảm quyền tham dự, biểu quyết, nhận cổ tức, tiếp cận thông tin.	Đáp ứng tốt	ĐHĐCĐ tổ chức đúng luật, cổ tức chi trả minh bạch.	Tiếp tục duy trì, tăng cường công bố thông tin kịp thời.
Đối xử công bằng với cổ đông	Bảo vệ quyền lợi cổ đông nhỏ, minh bạch giao dịch liên quan.	Đáp ứng tốt	PECC2 cung cấp đầy đủ và công khai các thông tin theo quy định cho tất cả các cổ đông. Các cổ đông đều có quyền tham dự hoặc ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên/ bất thường của PECC2.	Hoàn thiện quy chế giao dịch nội bộ, tăng cường vai trò Kiểm soát viên.
Vai trò của các bên liên quan	Chính sách cho người lao động, khách hàng, cộng đồng.	Đáp ứng tốt	Tuân thủ quy định pháp luật. Có báo cáo CSR, chính sách lao động, an toàn và các quy định, quy trình nội bộ. Chăm lo cộng đồng bằng nhiều hoạt động an sinh xã hội.	Cần mở rộng báo cáo phát triển bền vững theo chuẩn GRI.
Công bố thông tin và minh bạch	Báo cáo tài chính, quản trị, công bố thông tin song ngữ.	Đáp ứng tốt	Duy trì hoạt động công bố thông tin đầy đủ, kịp thời, minh bạch, đúng quy định.	Thực hiện lộ trình công bố thông tin song ngữ từ 2026.
Trách nhiệm của HĐQT	Cơ cấu, vai trò, trách nhiệm của HĐQT, thành viên độc lập, đào tạo.	Đáp ứng tốt	Cơ cấu, vai trò, trách nhiệm của HĐQT được quy định rõ ràng tại Chương VIII, Điều lệ Công ty. Có thành viên độc lập, không điều hành nhằm đảm bảo tính khách quan. Chỉ đạo và tổ chức thực hiện, giải quyết các vấn đề trọng tâm thông qua các Nghị quyết/Quyết định.	Tổ chức đào tạo quản trị công ty định kỳ.

07

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

118 | Chính sách phát triển bền vững ESG của PECC2

126 | Kết quả thực hiện phát triển bên vững tại PECC2 năm 2025

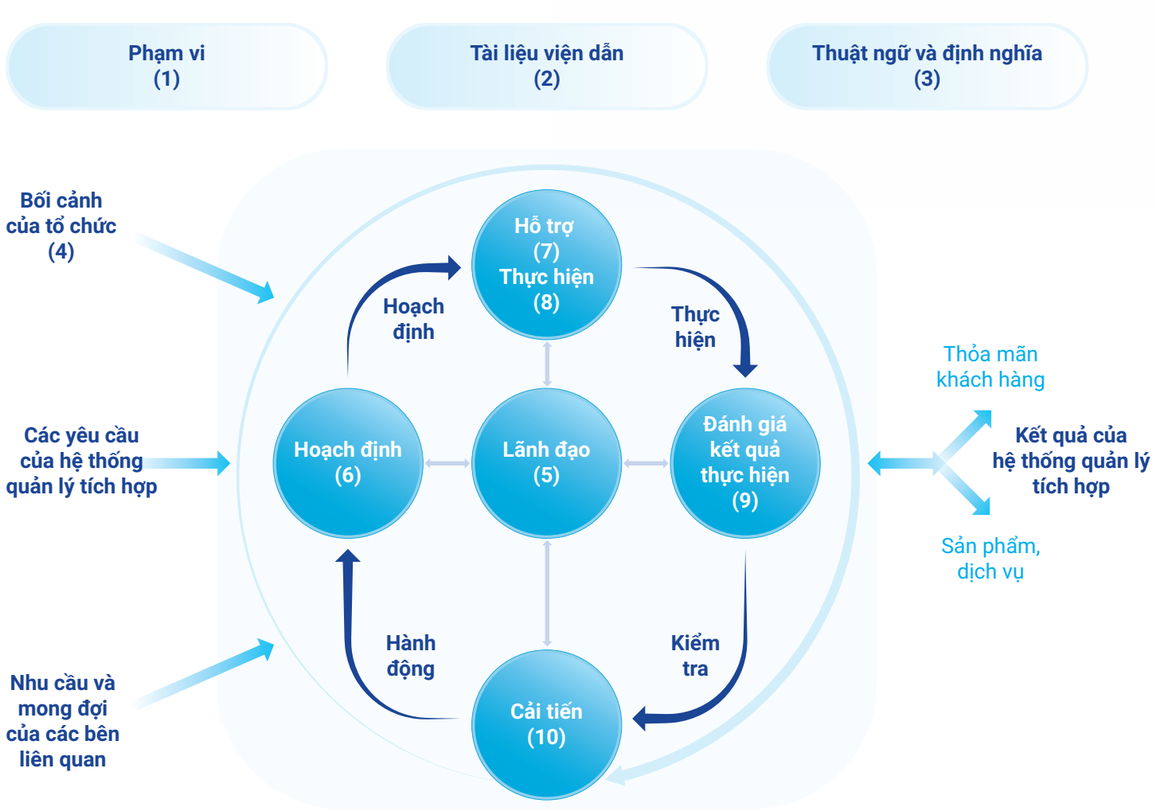
1. CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ESG CỦA PECC2

1.1. ÁP DỤNG CÁC TIÊU CHUẨN ISO LIÊN QUAN ĐẾN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

PECC2 đã đạt được và duy trì chứng nhận các hệ thống quản lý phù hợp với các tiêu chuẩn TCVN/ISO sau đây:

- **Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:** được cấp chứng nhận lần đầu vào năm 2002 và liên tục được duy trì đến nay.
- **Hệ thống quản lý môi trường phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn TCVN ISO 14001:** được cấp chứng nhận lần đầu vào năm 2014 và liên tục được duy trì đến nay.
- **Hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn TCVN ISO 45001:** được cấp chứng nhận lần đầu vào năm 2022 và liên tục được duy trì đến nay.

Cả 3 tiêu chuẩn ISO 9001, 14001, 45001 được phân thành 10 mục nội dung tương tự và áp dụng chung một nguyên lý cải tiến liên tục dựa trên Chu trình Deming: Hoạch định (Plan) – Thực hiện (Do) – Kiểm tra (Check) – Hành động (Act) (hay còn gọi là Chu trình PDCA), như minh họa tại hình sau:





Với việc áp dụng nhiều hệ thống quản lý nêu trên, PECC2 đang hướng đến ứng dụng hệ thống quản lý tích hợp.





1.2. TẦM NHÌN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ESG CỦA PECC2



PECC2 là doanh nghiệp hàng đầu cung cấp dịch vụ tư vấn, thiết kế, xây dựng, quản lý dự án, quản lý vận hành và đầu tư các công trình năng lượng sạch, năng lượng tái tạo ở Việt Nam, góp phần thúc đẩy chuyển dịch năng lượng và thực hiện cam kết của Việt Nam đạt mức phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050.

PECC2 phát triển theo hướng hiệu quả và chất lượng, đảm bảo kết hợp chặt chẽ, hợp lý và hài hòa giữa hiệu quả kinh tế với trách nhiệm xã hội, bảo vệ tài nguyên và môi trường; chủ động và tích cực tham gia các chương trình chung của Chính phủ và của các địa phương về môi trường và xã hội.

PECC2 xây dựng môi trường văn hóa làm việc tin cậy, cộng tác và thấu cảm, được kiến tạo dựa trên ba hệ giá trị cốt lõi:





Phát Triển BỀN VỮNG



1.2. TẦM NHÌN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ESG CỦA PECC2 *(Tiếp theo)*



Công ty nhận thức rằng phát triển bền vững ESG giúp Công ty hiện thực hóa các lợi ích trong dài hạn:

- Cải thiện hiệu quả hoạt động, hiệu suất làm việc của nhân viên; tiết giảm chi phí; tiết kiệm năng lượng và sử dụng hiệu quả năng lượng sạch.
- Đáp ứng hài hòa các lợi ích của các bên liên quan: nhân viên, nhà đầu tư, nhà cung cấp, khách hàng, chính quyền, cộng đồng, xã hội, môi trường tự nhiên.
- Nâng cao tính cạnh tranh, khai thác tiềm năng mở rộng thị trường nhờ tích hợp các khía cạnh ESG vào các sản phẩm, dịch vụ của Công ty.

Với tầm nhìn phát triển bền vững, Công ty đặt ra các cam kế thực hiện và các nguyên tắc thực hành cho từng khía cạnh môi trường, xã hội và quản trị, để từ đó triển khai thực hiện những hành động cụ thể hiện thực hóa các cam kết.



1.3. CÁC NGUYÊN TẮC THỰC HÀNH ESG TẠI PECC2



Chính sách ESG của PECC2 đề ra các nguyên tắc và các hướng dẫn nhằm tích hợp các khía cạnh môi trường, xã hội và quản trị vào các quá trình ra quyết định, hoạt động sản xuất kinh doanh và văn hóa Công ty:

- Công ty theo dõi sát sao các xu hướng ESG chính có tác động đến các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và chủ động chuẩn bị các kế hoạch dự phòng để ứng phó hiệu quả với các rủi ro xuất hiện, đồng thời để nắm bắt các cơ hội mới.
- Công ty sử dụng thế mạnh về nguồn lực, vị thế của mình để thực thi các ưu tiên ESG chiến lược nhằm đem lại giá trị cho Công ty và các bên liên quan.
- Công ty tuân thủ và đáp ứng các yêu cầu của quy định pháp luật và các tiêu chuẩn về ESG đối với các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Công ty thúc đẩy môi trường làm việc đa dạng, dung hợp và công bằng vì hạnh phúc và sức khỏe của người lao động và vì sự cân bằng giữa cuộc sống và công việc.
- Công ty tham gia đóng góp vào các chương trình xã hội từ thiện và các chương trình hỗ trợ phát triển cộng đồng địa phương.
- Công ty hoan nghênh sự đóng góp từ các bên liên quan khác nhau nhằm giúp Công ty có được những hiểu biết, đánh giá sâu sắc, xây dựng lòng tin, đưa ra các quyết định hợp lý có xem xét đến các mong muốn và mối quan tâm của các bên liên quan về các vấn đề môi trường, xã hội và quản trị.

1.4. CÁC CAM KẾT THỰC HIỆN ESG TẠI PECC2

Trước những thách thức ngày càng lớn của biến đổi khí hậu, là một doanh nghiệp hoạt động trong ngành năng lượng Công ty cam kết thực hiện các chính sách ESG cụ thể như sau:

Thông qua chính sách ESG, PECC2 thể hiện sự cam kết thực hành kinh doanh có trách nhiệm và bền vững

	CAM KẾT VỀ TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG	CAM KẾT VỀ TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI	CAM KẾT VỀ QUẢN TRỊ
MỤC TIÊU	Tích hợp các giải pháp bền vững vào toàn bộ quy trình vận hành, thúc đẩy đối tác, khách hàng cùng cắt giảm dấu chân carbon trong chuỗi cung ứng.	Chú trọng xây dựng các mối quan hệ bền vững với các bên liên quan, trao quyền cho người lao động, hỗ trợ các chương trình môi trường và xã hội.	Đảm bảo sự giám sát chặt chẽ, minh bạch và quản trị rủi ro trong toàn Công ty.
GIẢI PHÁP	Tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường tại địa phương, vùng, lãnh thổ, quốc gia nơi Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh.	Tạo dựng môi trường làm việc đa dạng, công bằng và dung hợp, nơi mọi người lao động được ghi nhận, đánh giá và tôn trọng.	Duy trì thực thi quản trị doanh nghiệp hiệu quả thông qua trách nhiệm giải trình của các cấp lãnh đạo, quản lý và các chiến lược quản trị rủi ro chủ động.
	Sử dụng tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, giảm tiêu thụ năng lượng, quản lý chất thải, hướng tới kinh tế tuần hoàn và giảm phát thải khí nhà kính trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.	Củng cố môi trường làm việc đảm bảo sức khỏe, an toàn vệ sinh lao động và an toàn vệ sinh thực phẩm.	Duy trì các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, củng cố văn hóa danh dự và chính trực.
	Thúc đẩy thực thi các hoạt động sản xuất kinh doanh (khảo sát, thiết kế, mua sắm, chế tạo, thi công xây lắp, quản lý vận hành) bền vững để giảm thiểu các tác động môi trường.	Đảm bảo nguồn thu nhập, chế độ phúc lợi; hỗ trợ và tạo điều kiện học hỏi, phát triển nghề nghiệp thường xuyên cho người lao động.	Củng cố các mối quan hệ với các bên liên quan thông qua truyền thông minh bạch, gắn kết chủ động và phản hồi tích cực.
	Khuyến khích các đối tác, khách hàng cùng thực thi các giải pháp bảo vệ môi trường và cắt giảm phát thải khí nhà kính trong chuỗi cung ứng.	Thúc đẩy, củng cố mối quan hệ hợp tác với các khách hàng, nhà cung cấp có cam kết thực thi ESG.	Đảm bảo hải hòa giữa lợi nhuận mong muốn và chỉ phi thực hiện ESG khi xây dựng các chiến lược kinh doanh.
		Tổ chức các chương trình, hoạt động gắn kết với các cộng đồng địa phương tại những nơi Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh.	

1.5. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN ESG

PECC2 xác định phát triển bền vững ESG là một hành trình thường xuyên và liên tục, đòi hỏi phải quản lý các rủi ro và các cơ hội, phải thường xuyên phân tích, đánh giá các giá trị mà các bên liên quan có thể bị ảnh hưởng.



Dự kiến lộ trình thực thi ESG của PECC2 theo các cấp độ như sau:

1. **1 – 2 năm đầu tiên:** Áp dụng chính sách ESG cơ bản. Trong giai đoạn 2 năm đầu triển khai thực hiện ESG, Khung tham chiếu ESG cho PECC2 (Khung ESG PECC2) được áp dụng theo khung ESG nêu tại Sổ tay hướng dẫn công cụ đánh giá mức độ thực hành kinh doanh bền vững của doanh nghiệp theo khung môi trường – xã hội – quản trị (ESG) được Cục Phát triển doanh nghiệp (thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư) phối hợp USAID ban hành.
2. **3 – 5 năm tiếp theo:** Áp dụng chính sách ESG phổ quát. Trong giai đoạn phát này, Công ty nghiên cứu áp dụng các tiêu chuẩn ESG phù hợp.
3. **Sau khoảng 5 – 7 năm thực thi ESG**, Công ty thực hiện rà soát, đánh giá kết quả để quyết định việc áp dụng chính sách ESG cao nhất.



Ngoài ra, hàng năm, PECC2 sẽ tham khảo Bộ chỉ số doanh nghiệp bền vững được Hội đồng doanh nghiệp vì sự phát triển bền vững Việt Nam (thuộc VCCI) ban hành để tự đánh giá và đăng ký doanh nghiệp phát triển bền vững.

2. KẾT QUẢ THỰC HIỆN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TẠI PECC2 NĂM 2025

Với lộ trình thực hiện ESG đã được xác định, năm 2025 là năm đầu tiên Công ty bắt đầu áp dụng chính sách ESG cơ bản và đã đạt được một số kết quả cụ thể như sau:

2.1. QUẢN TRỊ BỀN VỮNG

Năm 2025 là một cột mốc quan trọng đối với PECC2, Công ty kỷ niệm 40 năm thành lập và phát triển (1985 – 2025). Trải qua chặng đường hơn 4 thập kỷ, các thế hệ lãnh đạo và công nhân viên Công ty luôn đề cao và thực hiện các chuẩn mực đạo đức "Danh dự và chính trực, Công tâm và tôn trọng, Trách nhiệm và minh bạch", thực thi các quy tắc ứng xử chung, luôn tuân thủ Sở hữu trí tuệ, đảm bảo an toàn thông tin, lên tiếng vì lợi ích chung và cùng nhau làm việc trên cơ sở hệ giá trị cốt lõi **"Tinh thần phụng sự - Đam mê nghề nghiệp – Đổi mới sáng tạo"** như đã được đề cập trong Sổ tay Văn hóa PECC2.

Cơ cấu tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc, Ban kiểm soát, Kiểm toán nội bộ công ty luôn tuân thủ theo quy định của Pháp luật và các cơ quan quản lý. Nội dung chi tiết về hoạt động của ban quản trị Công ty, công tác kiểm toán độc lập, kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro được trình bày tại **Phần 6: Quản trị Công ty** của báo cáo này.



PECC2 cam kết thực hành các thông lệ tốt về kế toán thông qua việc áp dụng các chuẩn mực kế toán và hệ thống báo cáo tài chính, kế toán minh bạch và công khai theo yêu cầu và khuyến nghị của của các cơ quan quản lý nhà nước. Nội dung chi tiết về công tác quản lý tài chính được trình bày tại **Phần 8: Báo cáo tài chính** của báo cáo này.

Công ty xây dựng các kênh truyền thông như website song ngữ Việt - Anh, fanpage Facebook, Linkedin, bản tin PECC2 và thường xuyên cập nhật các thông tin về sản phẩm, dịch vụ, hoạt động của công ty đến với khách hàng, nhân viên và các bên liên quan khác.

PECC2 tuân thủ và thực hiện đầy đủ các cam kết, chính sách chất lượng, môi trường và an toàn và sức khỏe nghề nghiệp, phù hợp với các chứng nhận ISO 9001, ISO 14001 và ISO 45001 được cấp và duy trì hàng năm.



2. KẾT QUẢ THỰC HIỆN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TẠI PECC2 NĂM 2025 *(Tiếp theo)*

2.2. MÔI TRƯỜNG BỀN VỮNG

PECC2 thực hiện mục tiêu phát triển bền vững đi đôi với trách nhiệm bảo vệ môi trường, giảm thiểu tác động tiêu cực và tối ưu hóa việc sử dụng tài nguyên.
Các số liệu về môi trường dưới đây được thực hiện trong phạm vi cơ sở PECC2 Innovation Hub.

A. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ, GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Công ty đạt chứng nhận tiêu chuẩn quốc tế ISO 14001:2015 về quản lý môi trường và thực hiện Báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm.

Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật về môi trường tại công ty và các dự án tham gia; không ghi nhận vi phạm hay bị xử phạt liên quan đến môi trường.

B. KIỂM KÊ KHÍ NHÀ KÍNH

Phát thải khí nhà kính được ghi nhận sơ bộ trong phạm vi cơ sở PECC2 Innovation Hub (tiêu thụ điện) và hoạt động của các phương tiện thuộc sở hữu của công ty (xăng, dầu).

Tổng lượng phát thải năm 2025 là

1.053 tấn CO_2

trong đó phần lớn phát thải thuộc Phạm vi 2 (tiêu thụ điện từ lưới) tương đương với chiếm 78,5%.



Do đặc thù hoạt động của công tác tư vấn xây dựng các nhà máy điện PECC2 luôn chú trọng tư vấn cho Chủ đầu tư để đầu tư và nâng cao hiệu suất hoạt động của các nhà máy, sử dụng công nghệ tiên tiến hiện đại nhằm đảm bảo việc sử dụng tài nguyên, năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, qua đó góp phần giảm thiểu khí thải nhà kính ra môi trường. Đồng thời sử dụng công nghệ phát điện hiện đại nhất để đảm bảo giảm thiểu khí thải nguy hại ra môi trường. Tư vấn chủ đầu tư các nhà máy điện sử dụng nhiên liệu sạch, kết hợp sử dụng các vòi đốt có công nghệ tiên tiến giảm phát thải, vì vậy nồng độ các khí thải có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường như SOx, NOx, bụi chỉ ở mức thấp so với giới hạn cho phép. Khí thải sau khi qua khỏi lò thu hồi nhiệt được đưa đến ống khói cao xả ra nguồn tiếp nhận. Khí thải các NMNĐ than sau khi ra khỏi buồng đốt được dẫn qua lần lượt hệ thống SCR xử lý NOx, hệ thống FGD xử lý SOx, hệ thống ESP xử lý bụi, sau đó đưa đến ống khói cao xả ra nguồn tiếp nhận, vì vậy nồng độ các khí thải có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường ở mức thấp, trong ngưỡng giới hạn cho phép.

Công tác đầu tư các nhà máy điện: PECC2 tập trung vào đầu tư các nhà máy điện Năng lượng tái tạo, gió, điện mặt trời, sinh khối, thủy điện, thủy điện tích năng.... bảo vệ môi trường.



2.2. MÔI TRƯỜNG BỀN VỮNG *(Tiếp theo)*

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính

PECC2 đang triển khai tìm hiểu, nghiên cứu các công nghệ giảm phát thải khí nhà kính để tổ chức áp dụng đạt hiệu quả cao nhất. Công ty cũng hướng đến đầu tư năng lượng xanh, sử dụng các nguồn NLTT góp phần làm giảm hiệu ứng nhà kính, hỗ trợ Việt Nam tiến dần đến Net Zero năm 2050.

Các biện pháp giảm thiểu khí thải đang được Công ty áp dụng như sau:



- Nghiên cứu sử dụng nhiên liệu sạch hơn, giảm suất hao nhiệt để tư vấn cho chủ đầu tư khi xây dựng nhà máy điện.
- Sử dụng các tuabin khí công nghệ mới, nhằm nâng cao hiệu suất và giảm thiểu tác động đến môi trường với lượng phát thải cacbon ít hơn.
- Tăng cường ứng dụng công nghệ hiện đại, tuân thủ nghiêm ngặt lịch bảo trì, bảo dưỡng của các nhà máy trong công tác quản lý vận hành nhà máy điện.
- Đầu tư vào các dự án điện xanh: điện mặt trời, điện sinh khối, gió, thủy điện tích năng.
- Mở rộng dịch vụ kinh doanh điện mặt trời áp mái tại các nhà xưởng, khu công nghiệp...

C. TIẾT KIỆM HIỆU QUẢ NĂNG LƯỢNG, TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN

Tiết kiệm tài nguyên nước

Sử dụng nguồn nước máy với mức tiêu thụ

11.660 m³

trong năm 2025

Nhằm tiết kiệm nước, công ty đã áp dụng các biện pháp

- Lắp đặt vòi cảm ứng tự ngắt và điều chỉnh lưu lượng nước phù hợp.
- Theo dõi, quản lý chặt chẽ lượng nước sử dụng.
- Tuyên truyền nâng cao ý thức sử dụng nước tiết kiệm.
- Thường xuyên kiểm tra bảo trì hệ thống, khoá và sửa chữa ngay khi có sự cố rò rỉ nước.

Tiết kiệm hiệu quả năng lượng

Năm 2025 lượng điện tiêu thụ tại cơ sở PECC2 Innovation Hub là 1954 MWh, trong số đó hệ thống điện mặt trời đã đáp ứng 22,3% nhu cầu điện, góp phần giảm phát thải gần 300 tấn CO_2. Bên cạnh đó, hệ thống lưu trữ năng lượng (BESS) giúp tối ưu hóa việc sử dụng điện mặt trời và điều tiết phụ tải, giảm sự phụ thuộc vào điện lưới và nâng cao hiệu quả vận hành của hệ thống năng lượng tại tòa nhà.



Hệ thống điện mặt trời toà nhà PIH



Hệ thống pin tích trữ (BESS) tại toà nhà PIH



2.2. MÔI TRƯỜNG BỀN VỮNG *(Tiếp theo)*

Tiết kiệm hiệu quả năng lượng *(Tiếp theo)*

Tòa nhà PECC2 Innovation Hub đã được công nhận đạt chuẩn công trình xanh quốc tế "EDGE Advanced" vào tháng 6/2025 và đạt "Giải thưởng Hiệu quả năng lượng trong công trình xây dựng năm 2025" vào tháng 12/2025.





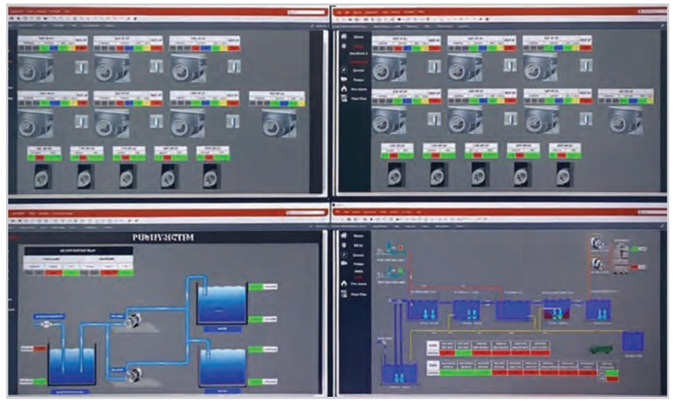
Các mức tiết kiệm cụ thể như sau: điện 43 – 50%, nước 20 – 21%, vật liệu 45 – 46% so với mức thông thường. Điều này đạt được nhờ các giải pháp tiết kiệm và sử dụng năng lượng hiệu quả như:

- Lắp đặt hệ thống điện mặt trời mái nhà kết hợp lưu trữ năng lượng, giúp tăng tỷ lệ sử dụng năng lượng tái tạo, góp phần tối ưu chi phí và giảm phát thải.
- Ứng dụng hệ thống điều hòa với công nghệ biến tần hiện đại, cho phép điều chỉnh công suất theo tải thực tế để giảm tiêu thụ điện.
- Triển khai hệ thống quản lý tòa nhà thông minh (BMS) và chiếu sáng thông minh nhằm giám sát và tối ưu vận hành các hệ thống kỹ thuật, hạn chế lãng phí năng lượng.
- Sử dụng kính nhiều lớp, có hệ số truyền nhiệt thấp và khả năng phản xạ bức xạ mặt trời cao cho toàn bộ mặt đứng công trình nhằm giảm bức xạ nhiệt và tận dụng ánh sáng tự nhiên.

Hệ thống làm mát tòa nhà tại PECC2



Màn hình hiển thị quản lý các thiết bị từ xa của hệ thống BMS



2.2. MÔI TRƯỜNG BỀN VỮNG *(Tiếp theo)*

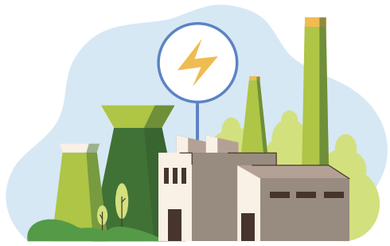
Tiết kiệm hiệu quả năng lượng *(Tiếp theo)*

Trong năm 2025, Công ty đã triển khai sáng kiến tiếp nhận ý kiến phản hồi nhanh từ người lao động thông qua mã QR được dán tại các khu vực công cộng. Giải pháp này giúp kịp thời tiếp nhận và xử lý các hư hỏng đột xuất hoặc sự cố dịch vụ, góp phần giảm lãng phí năng lượng và các nguồn lực trong vận hành hằng ngày.

Ngoài ra, các biện pháp tiết kiệm năng lượng vẫn được duy trì thường xuyên như:



1. Thiết lập lịch trình bật/tắt điều hòa theo các khu vực và khung thời gian làm việc; việc sử dụng điều hòa sau 20h và các ngày cuối tuần cần đăng ký trước.
2. Thông báo tuyên truyền trong Người lao động công ty tắt và mở đèn điện, máy lạnh ở nhiệt độ phù hợp và giờ phù hợp với giờ làm việc.
3. Sử dụng cảm biến nhằm tối ưu mức tiêu thụ điện cho hệ thống chiếu sáng.
4. Giảm thiểu tiêu thụ điện tại các khu vực không sử dụng, tăng cường tận dụng ánh sáng tự nhiên.





Quản lý nguồn nguyên liệu, vật tư



Công ty sử dụng giấy in chủ yếu cho mục đích xuất bản hồ sơ, đồng thời áp dụng các biện pháp tiết kiệm như tăng cường số hóa tài liệu, hạn chế tối đa việc in ấn và khuyến khích in hai mặt nhằm giảm lượng giấy tiêu thụ.



Trong năm 2025, Công ty đã áp dụng biện pháp hạn chế sử dụng ly giấy dùng một lần trong nội bộ, chỉ sử dụng trong trường hợp phục vụ khách đến làm việc.



2.2. MÔI TRƯỜNG BỀN VỮNG *(Tiếp theo)*

D. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

Công ty thực hiện đo lường, giám sát và báo cáo định kỳ về các loại chất thải, đảm bảo tuân thủ đầy đủ quy định về quản lý và xử lý môi trường.

Xử lý nước thải

Nước thải sinh hoạt được thu gom, xử lý tại hệ thống nội bộ trước khi xả vào hệ thống thoát nước chung của thành phố.

Lượng nước thải tại
PECC2 Innovation Hub năm 2025

29 m³ / ngày đêm

tăng 7,4% so với năm 2024

Công ty thực hiện quan trắc môi trường định kỳ 2 lần/năm. Kết quả phân tích cho thấy nồng độ các chất ô nhiễm sau hệ thống xử lý đều nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 14:2008/BTNMT.

Đối với phần nước sinh hoạt từ văn phòng làm việc được thu gom và xử lý trước khi thải ra môi trường.

Quản lý chất thải rắn thông thường

Chất thải rắn sinh hoạt được phân loại thành 3 nhóm



- Chất thải từ thực phẩm (phát sinh trong hoạt động làm việc tại văn phòng và chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong hoạt động động ăn uống, sinh hoạt thường nhật);
- Chất thải có khả năng tái chế, tái sử dụng (giấy, vật tư kém, mất phẩm chất, Công ty tái chế sử dụng lại hoặc bán cho đơn vị tái chế. Đặc biệt là phụ phẩm, phế phẩm từ sản phẩn gia công cơ khí, sắt thép dư thừa);
- Các chất thải còn lại.

Lượng rác thải phát sinh được đơn vị có chức năng thu gom hằng ngày. Tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong năm 2025 là 120 tấn.

Chất thải rắn

Chất thải rắn công nghiệp thông thường

Chất thải không nguy hại được chuyển giao cho đơn vị có chức năng để tiến hành thu gom, vận chuyển, xử lý.



Một số biện pháp quản lý rác thải tại công ty

1. Sử dụng các thùng rác có nắp đậy. Dán tem phân loại trên thùng rác theo từng loại rác thải.
2. Công ty có ký kết hợp đồng với công ty xử lý rác công cộng để thực hiện xử lý rác thải.
3. Tuyên truyền nhắc nhở hạn chế sử dụng sản phẩm dùng một lần như ly giấy uống nước.
4. Tăng cường sử dụng các sản phẩm có thể tái sử dụng.

Xử lý chất thải nguy hại



Các chất thải nguy hại (pin, mực in, bóng đèn huỳnh quang...) được phân loại, lưu trữ riêng biệt và giao cho đơn vị có chức năng xử lý với tần suất 1 lần/năm.



Phần lớn hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu là tư vấn xây dựng điện nên không phát sinh nhiều chất thải nguy hại. Các sản phẩm bản vẽ, giấy xuất bản điều được tận dụng để tái chế và sử dụng.



2.2. MÔI TRƯỜNG BỀN VỮNG *(Tiếp theo)*

Xử lý khí thải

Các nguồn ô nhiễm chủ yếu từ hoạt động giao thông, bãi xe; mùi từ nhà vệ sinh, khu vực chứa rác và khu vực xử lý nước thải, đường ống thoát nước.

Công ty đã áp dụng một số biện pháp hạn chế ô nhiễm:

- Thiết kế các hệ thống thông gió, hút khói, cấp gió tươi hợp lý
- Tổ chức tốt việc chăm sóc và trồng thêm cây xanh trong công ty
- Thường xuyên tưới nước rửa đường trong khuôn viên tòa nhà
- Thu gom chất thải rắn hàng ngày, vào các thời điểm ít người

Ngoài ra, công ty đã phát động và hưởng ứng các chương trình góp phần bảo vệ môi trường như: Giờ trái đất; Tổ chức hoạt động dọn dẹp vệ sinh khuôn viên; Phong trào 5S trong môi trường làm việc; Thiết kế và trang bị thùng đựng pin đã qua sử dụng... Công ty cũng đẩy mạnh phối hợp với các đơn vị/cá nhân để giám sát, nhắc nhở đảm bảo vệ sinh môi trường, triển khai hệ thống kiểm tra định kỳ và ghi nhận các phản hồi.

E. TUÂN THỦ VỀ MÔI TRƯỜNG

Công ty duy trì tính hiệu lực hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn TCVN ISO 14001:2015 về quản lý môi trường và thực hiện Báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm. Các quy định liên quan đến lĩnh vực môi trường đều được PECC2 tuân thủ và triển khai đồng bộ nên không có vi phạm nào liên quan đến lĩnh vực môi trường trong năm 2025.



Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: **Không**

Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: **0 đồng.**

2.3. XÃ HỘI BỀN VỮNG

Năm 2025, Công ty tiếp tục thực hiện các cam kết về trách nhiệm xã hội bền vững thông qua các chính sách cho người lao động, nâng cao phúc lợi nhân viên, đào tạo đội ngũ nhân sự, thúc đẩy bình đẳng và đa dạng, cùng với các chương trình trách nhiệm cộng đồng về giáo dục, y tế, và hỗ trợ người yếu thế.



A. TẠO DỰNG MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC ĐA DẠNG, CÔNG BẰNG VÀ DUNG HỢP

Công ty luôn tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về quyền con người và quyền lao động, bao gồm: không sử dụng lao động trẻ em, lao động cưỡng bức, đảm bảo bình đẳng, không phân biệt đối xử. Trong tổng số 1,371 nhân sự làm việc tại công ty đến 31/12/2025, Công ty luôn duy trì sự đa dạng về trình độ học vấn, thâm niên công tác, giới tính, độ tuổi.

Để đáp ứng yêu cầu quản trị doanh nghiệp trong tình hình mới, song song với việc tiếp tục thúc đẩy sự đổi mới trong hình thành và thực hiện chiến lược, Công ty tiếp tục duy trì tỷ lệ hợp lý về cơ cấu cán bộ cấp quản lý trở lên trong tổng số lượng lao động.

Cơ cấu nhân sự quản lý của công ty năm 2025

Lãnh đạo	Quản lý	Không thuộc lãnh đạo
11	202	1158

Tổng số nhân sự Công ty năm 2025

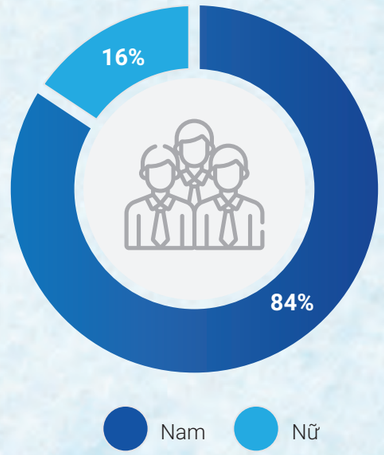
1371 Người

Tỉ lệ nam - nữ trong công ty có sự duy trì tỉ lệ lao động nữ trong cơ cấu lao động tương đương năm 2024. Cụ thể, lao động nam là 1,151 người, chiếm 84% và lao động nữ là 214 người, chiếm 16% nhân sự. Công ty tạo điều kiện để cả nam và nữ đều có cơ hội đóng góp, phát triển sự nghiệp và tham gia vào các vị trí quan trọng trong tổ chức, từ các cấp quản lý đến đội ngũ nhân viên. Công ty không ngừng nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của phụ nữ trong cả gia đình lẫn xã hội, đồng thời cũng hỗ trợ những chương trình phúc lợi cho riêng lao động nữ như: hoạt động gắn kết nội bộ nhân dịp 8/3, 20/10, các chính sách phúc lợi như thai sản và chăm sóc sức khỏe được đảm bảo và không ngừng tăng cường, thể hiện sự quan tâm tinh tế và thiết thực đối với NLĐ nữ.

Cơ cấu nguồn lực theo giới tính của Công ty năm 2025

Tổng số lao động (Người)	1.371
Nam	**1.157**
Lãnh đạo	9
Quản lý	176
Không thuộc lãnh đạo/ quản lý	972
Nữ	**214**
Lãnh đạo	2
Quản lý	26
Không thuộc lãnh đạo/ quản lý	186

Tỉ lệ lao động theo giới tính năm 2025

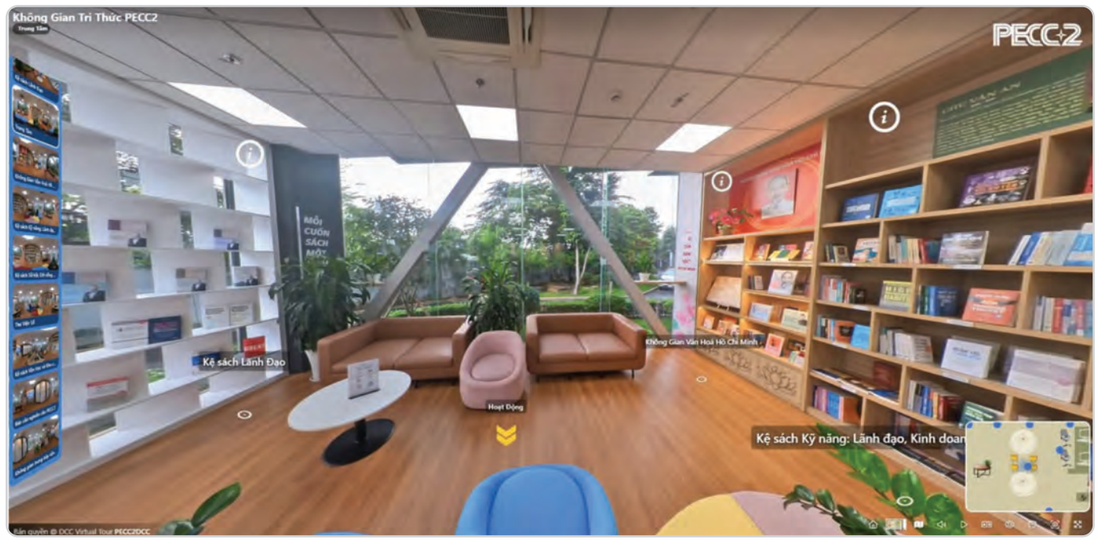




B. TẠO DỰNG MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC ĐA DẠNG, CÔNG BẰNG VÀ DUNG HỢP

Công ty tiếp tục triển khai chương trình Phát triển nghề nghiệp PECC2 CPD và ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý góp phần gia tăng hiệu quả của việc tham gia của NLĐ công ty.

Để nâng cao hiệu quả công tác đào tạo, thúc đẩy môi trường học hỏi chia sẻ tri thức, xây dựng tổ chức học tập, Công ty cũng đã thực hiện nhiều sáng kiến trong đào tạo như: Đẩy mạnh khai thác hệ thống học tập trực tuyến PECC2 E-Learning, xây dựng chatbot "Trợ lý học tập" nhằm hỗ trợ tìm kiếm các khóa học theo nhu cầu cá nhân, ứng dụng công nghệ 360 virtual tour để giới thiệu "Không gian Tri thức PECC2" để NLĐ tích cực sử dụng thư viện và thư viện số, tổ chức Câu lạc bộ Sách và Lan tỏa tri thức PECC2 và Câu lạc bộ Tiếng Anh.



Số khóa học đã được tổ chức và lượt nhân sự tham gia đào tạo qua các năm

Hình thức đào tạo	Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025	
	Số lượng khóa học	Số lượt học viên tham gia	Số lượng khóa học	Số lượt học viên tham gia	Số lượng khóa học	Số lượt học viên tham gia
Thuê ngoài	11	256	26	786	29	261
Nội bộ	28	681	29	383	11	235
eLearning	96	1.712	300	5.886	650	5.093
Dài hạn	2	2	4	9	6	9
Tổng	**137**	**2.651**	**389**	**7.064**	**696**	**5.598**

C. ĐẢM BẢO PHÚC LỢI CHO NHÂN VIÊN

Trong bối cảnh năm 2025 gặp nhiều biến động, thách thức, nhiều doanh nghiệp tái cấu trúc, thu hẹp quy mô..., Công ty vẫn tiếp tục thực hiện các chính sách chăm sóc và đảm bảo phúc lợi cho nhân viên.



Chính sách về lương, thưởng

Công ty đảm bảo mức thu nhập cạnh tranh, mức lương ổn định và cao hơn mức trung bình cùng ngành nghề tại TPHCM. Các khoản thực nhận tăng trưởng so với thị trường và xứng đáng theo năng lực, kinh nghiệm, hiệu quả công việc; các khoản thưởng Lễ – Tết – Đột xuất – Cuối năm hấp dẫn gắn với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và đóng góp của cá nhân; cơ hội gia tăng thu nhập thông qua việc tham gia các Dự án trọng điểm và đánh giá định kỳ. Công ty thực hiện mức lương khởi điểm cho NLĐ đảm bảo không thấp hơn mức lương tối thiểu vùng theo quy định pháp luật và không có sự khác biệt về mức lương theo giới tính

Thu nhập bình quân năm 2025

TĂNG

10,8%

so với năm 2024



C. ĐẢM BẢO PHÚC LỢI CHO NHÂN VIÊN *(Tiếp theo)*





Chính sách phúc lợi thiết thực và các chế độ trợ cấp toàn diện



Công ty có các chế độ đãi ngộ ngoài lương khá đa dạng với các hình thức có thể kể đến như: trang bị đồng phục, máy tính, cước phí điện thoại phục vụ công, hỗ trợ việc đi lại, ăn ở cho nhân viên như bố trí xe đưa đón nhân viên, nhà lưu trú cho CBNV trẻ, hỗ trợ ăn sáng, ăn trưa tại Công ty, hỗ trợ tiền tàu xe nghỉ phép năm, hỗ trợ công tác phí.

Chương trình chăm sóc sức khỏe và đời sống tinh thần



Công ty thực hiện đầy đủ các Chế độ theo quy định của Nhà nước; khám sức khỏe định kỳ; chăm sóc ốm đau; tiêm chủng; bảo hiểm sức khỏe và tai nạn mở rộng. Công ty tổ chức các lễ hội, sinh hoạt tập thể, dã ngoại, nghỉ mát tái tạo sức lao động, hưu trí, hiếu hỉ, sinh nhật; xây dựng sân thể thao và trang bị cơ sở vật chất đầy đủ để CBNV luyện tập, tăng cường sức khỏe; tổ chức hoạt động gắn kết như: giải chạy bộ, đạp xe thao nâng cao sức khỏe.

Xây dựng môi trường làm việc lành mạnh và cơ hội thăng tiến



Công ty đề cao việc xây dựng văn hóa doanh nghiệp, duy trì văn hóa làm việc chuyên nghiệp, lành mạnh, tạo cơ hội thăng tiến công bằng cho tất cả các nhân với lộ trình nghề nghiệp rõ ràng, cơ hội học tập và phát triển cá nhân trong và ngoài nước về chuyên môn, nghiệp vụ và kỹ năng.

Chăm sóc sức khỏe nghề nghiệp và an toàn cho người lao động



Công ty đã luôn nỗ lực tuân thủ các quy định pháp luật về công tác an toàn, trong giai đoạn 2022-2025 không để xảy ra tai nạn lao động, tai nạn giao thông và sự cố cháy nổ; Công ty thực hiện quản lý sức khỏe người lao động sau khám sức khỏe định kỳ hàng năm, thực hiện khám phát hiện bệnh nghề nghiệp.

D. THỂ HIỆN TRÁCH NHIỆM VỚI XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG



Người lao động PECC2 tham gia chương trình Hiến máu nhân đạo



Công ty luôn ý thức được vai trò và trách nhiệm đối với xã hội thông qua việc tổ chức các chương trình, hoạt động gắn kết với các cộng đồng địa phương tại những nơi Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh, cụ thể như sau:



- Chăm lo cho 05 em học sinh lớp 10 có hoàn cảnh khó khăn do dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn Tp. Hồ Chí Minh từ tháng 10/2021 cho đến khi học xong lớp 12 (năm học 2024-2025: 120 triệu đồng).
- Ủng hộ đồng bào các tỉnh Miền Bắc và Miền Trung khắc phục thiệt hại do bão, lũ năm 2025 với số tiền 100 triệu;
- Ủng hộ đồng bào Phú Yên khắc phục thiệt hại do bão, lũ năm 2025 với số tiền 100 triệu.
- Ủng hộ xây dựng 5 căn nhà:" Đại đoàn kết" trên địa bàn Huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang với số tiền 300 triệu đồng;
- Đóng góp an sinh Xã hội tại Phường Thủ Đức, TP. HCM với số tiền 20 triệu đồng;
- Thăm hỏi tặng quà Hội người mù thành phố Hồ Chí Minh và Bệnh nhi có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn tại Bệnh viện Ung bướu cơ sở II, với số tiền 73 triệu đồng.
- Chung tay cùng chính quyền địa phương hỗ trợ cho các hoạt động tại các địa phương có các dự án, nhà máy mà Công ty đang thực hiện quản lý vận hành như hỗ trợ kinh phí tham gia Hội thi nghiệp vụ chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho Đội tuyển Công an tỉnh Trà Vinh; hỗ trợ kinh phí Lễ Sene Dolta cho Đồn Biên phòng cửa khẩu cảng Trường Long Hòa; hỗ trợ chi phí mua sắm vật tư sửa chữa đường xá công cộng tại Nhà máy Điện mặt trời Thiên Tân 1.4; tài trợ 10 bộ đèn năng lượng mặt trời cho địa phương xã Tân Thành, Tây Ninh.



2.4. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH BỀN VỮNG, THAM GIA THỊ TRƯỜNG VỐN XANH



Nhằm hướng tới mục tiêu phát triển bền vững và từng bước tham gia vào thị trường vốn xanh, PECC2 đã đẩy mạnh triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh theo định hướng chuyển dịch năng lượng và đổi mới sáng tạo. Các hoạt động cụ thể trong năm 2025 như sau:

A. PHÁT TRIỂN CÁC DỰ ÁN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO

Khánh thành Nhà máy điện sinh khối Hậu Giang ngày 25/4/2025, đây là dự án điện sinh khối đầu tiên do PECC2 đảm nhận toàn bộ vai trò tổng thầu EPC.



Lễ khánh thành Nhà máy Điện sinh khối Hậu Giang

Ký kết và triển khai nhiều hợp đồng EPC lớn như: Nhà máy Nhiệt điện Ô Môn IV, các dự án điện sinh khối Yên Bái 1, Tuyên Quang và Điện gió Tân Thuận giai đoạn 3.



PECC2 và EREX Co., Ltd. (Nhật Bản) ký kết thỏa thuận hợp tác về phát triển năng lượng sinh khối bền vững tại Việt Nam



Lễ ký kết hợp đồng EPC dự án Nhà máy Nhiệt điện Ô Môn IV



Lễ ký kết Hợp đồng EPC Dự án Nhà máy Điện sinh khối Yên Bái 1 (50MW)



Lễ ký kết Hợp đồng EPC Dự án Nhà máy Điện sinh khối Tuyên Quang



Lễ ký kết Hợp đồng EPC Dự án Nhà máy điện gió Tân Thuận - Giai đoạn 3

2.4. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH BỀN VỮNG, THAM GIA THỊ TRƯỜNG VỐN XANH *(Tiếp theo)*





Ký kết thành công các hợp đồng O&M cho Dự án Điện gió Monsoon (600 MW) và Điện gió Savan 1 (300 MW) tại Lào.

Lĩnh vực đầu tư của PECC2 tiếp tục phát huy hiệu quả với 7 dự án thuộc các loại hình điện mặt trời, điện gió, thủy điện và sinh khối, nâng tổng công suất thuần của PECC2 lên 58,7 MW, thể hiện rõ định hướng phát triển năng lượng tái tạo và góp phần thúc đẩy phát triển chuỗi giá trị trong PECC2.



B. ĐỔI MỚI SÁNG TẠO, ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ TIÊN TIẾN, NÂNG CAO NĂNG LỰC

Khuyến khích các đề tài, sáng kiến có ứng dụng thực tiễn trong hoạt động sản xuất kinh doanh, tối ưu tài nguyên và giảm phát thải.



Nghiên cứu và triển khai các công nghệ mới như: Nghiên cứu công nghệ truyền tải điện một chiều cao áp, công nghệ điện gió ngoài khơi; Nâng cấp chương trình ứng dụng AI dự báo công suất điện mặt trời, điện gió.





Tổ chức các khóa đào tạo nội bộ, hội thảo, sinh hoạt chuyên đề về phát triển kinh doanh bền vững, quản lý dự án năng lượng, chuyển đổi số, lưới điện thông minh... Đặc biệt, vào tháng 11/2025 PECC2 đã tổ chức hội thảo "Phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong ngành năng lượng: Câu chuyện từ PECC2" nhằm chia sẻ về các hoạt động và kết quả của nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ mới và chuyển đổi số trong công ty.

2.4. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH BỀN VỮNG, THAM GIA THỊ TRƯỜNG VỐN XANH *(Tiếp theo)*

Củng cố và nâng cao năng lực điện hạt nhân, sẵn sàng tham gia đóng góp vào chương trình phát triển điện hạt nhân Việt Nam.

VỊ THẾ TIÊN PHONG TRONG HÀNH TRÌNH TÁI KHỞI ĐỘNG ĐIỆN HẠT NHÂN VIỆT NAM



C. ĐẨY MẠNH HỢP TÁC VỚI ĐỐI TÁC VÀ KHÁCH HÀNG

Chủ động tìm kiếm và ký kết các hợp đồng mới, đồng thời tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả các hợp đồng dịch vụ O&M đã ký kết tại thị trường trong nước.





Đẩy mạnh nghiên cứu, đánh giá và mở rộng thị trường quốc tế, từng bước đưa các dịch vụ cốt lõi của PECC2 như tư vấn, EPC, O&M và các giải pháp kỹ thuật năng lượng ra thị trường nước ngoài, đặc biệt tại khu vực Đông Nam Á:



- Tổ chức triển khai các hợp đồng O&M tại thị trường Lào, tiêu biểu như các dự án Điện gió Savan 1 và Monsoon.
- Từng bước tiếp cận và phát triển dịch vụ O&M tại thị trường Philippines.

Chủ động thúc đẩy ký kết các thỏa thuận hợp tác với các đối tác là khách hàng tiêu thụ điện quy mô lớn theo cơ chế mua bán điện trực tiếp DPPA (Direct Power Purchase Agreement), tiêu biểu như Regina Miracle, Posco, EVM, Chí Hùng, H&M, First Solar... Qua đó từng bước hình thành mạng lưới khách hàng chiến lược, tạo nền tảng cho việc triển khai các dự án năng lượng sạch và cơ chế mua bán điện trực tiếp tại Việt Nam.





08

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

156 | Thông tin chung
158 | Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
159 | Báo cáo kiểm toán độc lập
160 | Bảng cân đối kế toán hợp nhất
164 | Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
166 | Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
168 | Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất



THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 ("Công ty") là Công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0300420157 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") nay là Sở Tài chính ("STC") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29 tháng 10 năm 2007, và theo các GCNĐKDN điều chỉnh gần nhất lần thứ 22 do STC Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 8 năm 2025.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch TV2 theo Quyết định Số 134/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ban hành ngày 22 tháng 4 năm 2019.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là tư vấn nguồn điện: lưới điện, nhiệt điện, thủy điện và khảo sát; hoạt động tổng thầu (sau đây gọi tắt là "EPC") cho các dự án năng lượng, gia công chế tạo thiết bị nhà máy điện, cung cấp dịch vụ quản lý vận hành nhà máy điện (sau đây gọi tắt là "O&M"); và đầu tư vào nhà máy điện năng lượng tái tạo như điện mặt trời, điện gió, năng lượng sinh khối, thủy điện và nhà máy điện khí.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 32, Đường Ngô Thời Nhiệm, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Công ty gồm có năm (6) đơn vị trực thuộc bao gồm:

- Khối văn phòng bao gồm Văn phòng chính, Trung tâm Tư vấn Lưới điện, Trung tâm Tư vấn Nguồn điện và Trung tâm quản lý dự án EPC tọa lạc Số 45, Đường số 2, Phường Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 – Chi nhánh Quản lý Nhà máy Điện mặt trời (trước đây là Chi nhánh Khảo sát và Xây dựng) tọa lạc tại tại Số 45, Đường số 2, Phường Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 – Chi nhánh Cơ điện tọa lạc tại Số 45, Đường số 2, Phường Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 – Chi nhánh Vận hành và Bảo trì Nhà máy điện tọa lạc tại Số 45, Đường số 2, Phường Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 tại Lào tọa lạc tại Bản Thongtoum, Quận Chanthabouly, Vientiane, Lào (bắt đầu hoạt động từ ngày 15 tháng 1 năm 2026); và
- Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 tại Myanmar tọa lạc tại số 9FL, 192 Kabar Aye Pagoda Road, Bahan Township, Yangon, Myanmar (đã chấm dứt hoạt động vào ngày 6 tháng 2 năm 2026).

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Chơn Hùng	Chủ tịch
Ông Võ Văn Bình	Thành viên
Bà Phạm Liên Hải	Thành viên
Ông Nguyễn Mạnh Phát	Thành viên
Ông Đinh Quang Tri	Thành viên độc lập

THÔNG TIN CHUNG *(Tiếp theo)*

BỘ PHẬN KIỂM TOÁN NỘI BỘ TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên Bộ phận Kiểm toán nội bộ trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Vũ Cao Nguyên	Người phụ trách	bổ nhiệm ngày 8 tháng 8 năm 2025
Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	Người phụ trách	miễn nhiệm ngày 7 tháng 8 năm 2025

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau

Ông Võ Văn Bình	Tổng Giám Đốc	
Ông Nguyễn Trọng Nam	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Hải Phú	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Phạm Liên Hải	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Hương Giang	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 20 tháng 3 năm 2026

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Hồng Khanh	Trưởng Ban
Bà Trần Thị Việt Hà	Thành viên
Bà Phạm Thị Lan Anh	Thành viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là:

Ông Nguyễn Chơn Hùng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Võ Văn Bình	Tổng Giám Đốc

Bà Phạm Liên Hải, Phó Tổng Giám đốc Công ty, được Ông Nguyễn Chơn Hùng, Chủ tịch Hội đồng Quản trị, ủy quyền để ký báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 theo Giấy Ủy quyền có hiệu lực từ ngày 13 tháng 8 năm 2020.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty ") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Phạm Liên Hải
Phó Tổng Giám Đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 28 tháng 03 năm 2026

Số tham chiếu: 12856147/E-68610031-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 ("Công ty") và các công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") được lập ngày 28 tháng 3 năm 2026 và được trình bày từ trang 6 đến trang 63, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Nhóm Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Như đã trình bày ở Thuyết minh số 2.6, báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 chưa được kiểm toán.

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam



Trần Nam Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 3021-2024-004-1

Phan Thị Hằng
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 5997-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 28 tháng 03 năm 2026

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu số B 01 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm *(chưa kiểm toán)*
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**2.110.423.406.327**	**1.331.536.969.066**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	***110***	***5***	***928.279.824.651***	***199.941.912.365***
1. Tiền	111		324.832.270.173	77.041.912.365
2. Các khoản tương đương tiền	112		603.447.554.478	122.900.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	***120***	***6***	***182.500.000.000***	***103.000.000.000***
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		182.500.000.000	103.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	***130***		***935.302.369.888***	***839.478.222.076***
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	919.936.202.384	799.975.381.730
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	21.087.376.038	12.423.496.420
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	45.849.287.024	60.632.683.833
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7, 8	(51.570.495.558)	(33.553.339.907)
IV. Hàng tồn kho	***140***	***10***	***56.727.051.969***	***155.964.470.035***
1. Hàng tồn kho	141		57.494.381.586	155.964.470.035
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(767.329.617)	
V. Tài sản ngắn hạn khác	***150***		***7.614.214.819***	***33.152.364.590***
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	7.084.432.728	7.273.128.469
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	18	529.782.091	25.586.204.459
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	18	-	293.031.662

Mẫu số B 01 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm *(chưa kiểm toán)*
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**869.448.357.761**	**864.828.593.292**
I. Khoản phải thu dài hạn	***210***		***519.309.122***	***2.297.171.065***
1. Phải thu dài hạn khác	216	9	519.309.122	2.297.171.065
II. Tài sản cố định	***220***		***396.594.405.763***	***428.444.362.593***
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	261.874.484.271	290.977.761.410
- Nguyên giá	222		551.670.727.979	543.818.259.662
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(289.796.243.708)	(252.840.498.252)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	134.719.921.492	137.466.601.183
- Nguyên giá	228		214.842.873.391	212.603.701.470
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	229		(80.122.951.899)	(75.137.100.287)
III. Tài sản dở dang dài hạn	***240***		***5.246.125.668***	***5.080.712.032***
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	5.246.125.668	5.080.712.032
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	***250***	***15***	***449.111.344.362***	***421.869.103.380***
1. Đầu tư góp vốn công ty liên kết	252		401.904.436.940	374.632.102.780
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		47.237.000.600	47.237.000.600
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(30.093.178)	-
V. Tài sản dài hạn khác	***260***		***17.977.172.846***	***7.137.244.222***
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	8.675.712.606	6.146.993.538
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	32.3	9.301.460.240	990.250.684
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**2.979.871.764.088**	**2.196.365.562.358**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT *(Tiếp theo)*

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu số B 01 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm *(chưa kiểm toán)*
C – NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**1.703.992.925.383**	**926.497.005.420**
I. Nợ ngắn hạn	***310***		***1.618.082.620.900***	***838.784.426.938***
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	197.406.197.949	363.280.167.041
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	984.346.947.269	21.395.630.576
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	27.448.399.969	5.927.699.475
4. Phải trả người lao động	314		215.537.704.333	122.588.639.869
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	36.699.696.097	46.931.800.042
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	24	3.152.887.321	2.953.850.505
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	7.542.961.167	55.372.475.795
8. Vay ngắn hạn	320	21	81.229.042.287	141.024.677.085
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	22	21.859.186.988	22.806.723.632
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	23	42.386.077.976	56.502.762.918
II. Nợ dài hạn	***330***		***85.910.304.483***	***87.712.578.482***
1. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	17	2.241.081.250	2.241.081.250
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	24	60.834.854.106	60.408.087.975
3. Phải trả dài hạn khác	337	20	1.738.574.028	1.558.376.028
4. Dự phòng phải trả dài hạn	342	22	21.095.795.099	23.505.033.229

Mẫu số B 01 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm *(chưa kiểm toán)*
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**1.275.878.838.705**	**1.269.868.556.938**
I. Vốn chủ sở hữu	***410***		***1.275.828.313.308***	***1.269.818.031.541***
1. Vốn cổ phần	411	25.1	675.261.650.000	675.261.650.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*675.261.650.000*	*675.261.650.000*
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	25.1	4.922.641.050	4.922.641.050
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414	25.1	12.641.457.169	12.641.457.169
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		(1.722.825)	-
5. Quỹ đầu tư phát triển	418	25.1	403.756.948.209	390.822.867.041
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	25.1	176.284.976.380	186.162.728.081
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	*421a*		*81.649.276.913*	*110.633.437.919*
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong năm	*421b*		*94.635.699.467*	*75.529.290.162*
7. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422	25.1	6.688.200	6.688.200
8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	25.6	2.955.675.125	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	***430***		***50.525.397***	***50.525.397***
1. Nguồn kinh phí	431		50.525.397	50.525.397
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**2.979.871.764.088**	**2.196.365.562.358**

Hoàng Thụy Hoài Yến
Người lập biểu

Bùi Thị Ngọc Lý
Kế Toán Trưởng

Phạm Liên Hải
Phó Tổng Giám Đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 28 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu số B 02 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước *(chưa kiểm toán)*
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	26.1	1.334.591.656.147	1.334.591.656.147
2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	27	(1.135.766.350.258)	(1.177.687.040.962)
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		198.825.305.889	194.326.223.499
4. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26.2	17.450.976.699	18.859.526.345
5. Chi phí tài chính	22	28	(6.452.443.699)	(8.905.584.710)
Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*(5.110.254.283)*	*(8.064.985.949)*
6. Phần lãi trong các công ty liên kết	24		27.272.334.160	4.428.813.472
7. Chi phí bán hàng	25	29	(3.154.253.049)	(5.521.830.170)
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	(144.059.192.443)	(112.390.220.463)
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		89.882.727.557	90.796.927.973
10. Thu nhập khác	31	30	24.634.084.036	4.958.494.599
11. Chi phí khác	32	30	(3.240.648.679)	(3.040.508.923)
12. Lợi nhuận khác	40		21.393.435.357	1.917.985.676
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		111.276.162.914	92.714.913.649
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32.1	(23.975.997.878)	(14.964.439.993)
15. Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại	52	32.3	8.311.209.556	(2.221.183.494)
16. Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN	60		95.611.374.592	75.529.290.162
17. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		94.635.699.467	75.529.290.162
18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	25.6	975.675.125	-
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25.5	1.401	762
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	25.5	1.401	762

Nguyễn Thụy Mỹ Duyên	**Bùi Thị Ngọc Lý**	**Phạm Liên Hải**
Người lập biểu	*Kế Toán Trưởng*	*Phó Tổng Giám Đốc*

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 28 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu số B 03 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước *(chưa kiểm toán)*
I.LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	**01**		**111.276.162.914**	**92.714.913.649**
Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình	02	31	45.849.666.697	48.085.020.293
Dự phòng (hoàn nhập dự phòng)	03		21.662.772.603	(20.670.845.319)
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		291.841.362	291.841.362
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(44.190.200.962)	(21.114.228.550)
Chi phí lãi vay	06	28	5.110.254.283	5.110.254.283
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	**08**		**140.000.496.897**	**107.500.003.304**
(Tăng) giảm các khoản phải thu	09		(81.128.281.572)	416.020.319.753
Giảm (tăng) hàng tồn kho	10		98.470.088.449	(83.577.504.585)
Tăng (giảm) các khoản phải trả	11		828.468.967.602	(203.895.920.991)
Tăng chi phí trả trước	12		(2.340.023.327)	(632.343.932)
Tiền lãi vay đã trả	14		(5.171.561.044)	(8.202.526.131)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	18	(6.967.253.900)	(17.548.149.883)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(38.109.636.994)	(16.601.988.216)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**933.222.796.111**	**193.061.889.319**
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21		(13.722.749.793)	(21.303.642.681)
Tiền thu do thanh lý TSCĐ	22		175.430.000	51.150.000
Tiền chi tiền gửi có kỳ hạn	23		(206.500.000.000)	(75.000.000.000)
Tiền thu hồi từ tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	24		127.000.000.000	117.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(22.853.400.000)
Tiền lãi và cổ tức nhận được	27		12.163.736.291	13.147.357.528
Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư	**30**		**(80.883.583.502)**	**11.041.464.847**

Mẫu số B 03 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước *(chưa kiểm toán)*
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Nhận góp vốn của cổ đông không kiểm soát	31	25.6	1.980.000.000	-
Tiền thu từ đi vay	33	21	239.406.016.965	313.249.256.615
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	21	(299.201.651.763)	(378.955.229.124)
Cổ tức đã trả	36	25.3	(67.656.616.000)	(67.791.659.000)
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính	**40**		**(125.472.250.798)**	**(133.497.631.509)**
Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm	**50**		**726.866.961.811**	**70.605.722.657**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**		**199.941.912.365**	**127.329.031.923**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.470.895.475	2.007.157.785
Tiền và tương đương tiền cuối năm	**70**	**5**	**928.279.769.651**	**199.941.912.365**

Phạm Linh Chi
Người lập biểu

Bùi Thị Ngọc Lý
Kế Toán Trưởng

Phạm Liên Hải
Phó Tổng Giám Đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 28 tháng 03 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 ("Công ty") là Công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0300420157 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") nay là Sở Tài chính (""STC") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29 tháng 10 năm 2007, và theo GCNĐKDN điều chỉnh gần nhất lần thứ 22 do STC Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 8 năm 2025.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch TV2 theo Quyết định Số 134/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ban hành ngày 22 tháng 4 năm 2019.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là tư vấn nguồn điện: lưới điện, nhiệt điện, thủy điện và khảo sát; hoạt động tổng thầu (sau đây gọi tắt là "EPC") cho các dự án năng lượng, gia công chế tạo thiết bị nhà máy điện, cung cấp dịch vụ quản lý vận hành nhà máy điện (sau đây gọi tắt là "O&M"); và đầu tư vào nhà máy điện năng lượng tái tạo như điện mặt trời, điện gió, thủy điện, năng lượng sinh khối và nhà máy điện khí.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 32, Đường Ngô Thời Nhiệm, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Công ty gồm có sáu (6) đơn vị trực thuộc bao gồm:

- Khối văn phòng bao gồm bao gồm Văn phòng chính, Trung tâm Tư vấn Lưới điện, Trung tâm Tư vấn Nguồn điện và Trung tâm quản lý dự án EPC tọa lạc Số 45, Đường số 2, Phường Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 – Chi nhánh Quản lý Nhà máy Điện mặt trời (trước đây là Chi nhánh Khảo sát và Xây dựng) tọa lạc tại tại Số 45, Đường số 2, Phường Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 – Chi nhánh Cơ điện tọa lạc tại Số 45, Đường số 2, Phường Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 – Chi nhánh Vận hành và Bảo trì Nhà máy điện tọa lạc tại Số 45, Đường số 2, Phường Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 tại Lào tọa lạc tại Bản Thongtoum, Quận Chanthabouly, Vientiane, Lào (bắt đầu hoạt động vào ngày 15 tháng 1 năm 2026); và
- Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 tại Myanmar tọa lạc tại số 9FL, 192 Kabar Aye Pagoda Road, Bahan Township, Yangon, Myanmar (đã chấm dứt hoạt động vào ngày 6 tháng 2 năm 2026).

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 1.371 (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 1.309).

1. THÔNG TIN CÔNG TY *(Tiếp theo)*

CƠ CẤU TỔ CHỨC

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Nhóm Công ty có 4 công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2024 - chưa kiểm toán: 0), trong đó:

Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	Ngày 31 tháng 12 năm 2025		Ngày 31 tháng 12 năm 2024 (chưa kiểm toán)	
			Tỷ lệ lợi ích của Nhóm Công ty	*Quyền biểu quyết của Nhóm Công ty*	*Tỷ lệ lợi ích của Nhóm Công ty*	*Quyền biểu quyết của Nhóm Công ty*
Các công ty con trực tiếp:						
Công ty Cổ phần Vận hành và Bảo trì Cảng PECC2	Số 2 Đường Mỹ Phú 2B, Khu phố 6, Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh	Quản lý, vận hành các hạng mục nhà máy chính, công trình phụ trợ, cảng và thiết bị khác cho nhà máy điện.	50,5%	50,5%	-	-
Công ty TNHH Khảo sát và Xây dựng PECC2	Số 45 Đường số 2, Phường Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	Dịch vụ khảo sát, xây dựng, tư vấn kỹ thuật, thí nghiệm và thi công công trình	100%	100%	-	-
Công ty TNHH Dịch vụ và Kỹ thuật Năng lượng PECC2	Số 45 Đường số 2, Phường Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	Dịch vụ quản lý, vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng, đại tu, cải tạo, nâng cấp cho nhà máy điện, đường dây và trạm biến áp	100%	100%	-	-
Công ty con gián tiếp:						
Công ty TNHH MTV PESE (Lào) (*)	Bản Thatluang, Quận Saysettha, Vientiane, Lào	Tư vấn các công trình điện lực; dịch vụ khảo sát thiết kế các công trình điện lực; dịch vụ lắp đặt và vận hành nhà máy	100%	100%	-	-

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, Nhóm Công ty chưa hoàn tất việc góp vốn vào Công ty TNHH MTV PESE (Lào).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày thành lập, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.
Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cùng một năm tài chính và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí khác, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY *(Tiếp theo)*

2.6 Thông tin so sánh

Như trình bày tại Thuyết minh số 4, Nhóm Công ty đã thực hiện góp vốn thành lập các công ty con trong năm 2025. Do đó, năm 2025 là năm đầu tiên Nhóm Công ty lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Cho mục đích so sánh, Nhóm Công ty đã lập và trình bày bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Các báo cáo này chưa được kiểm toán.

2.7 Quy định kế toán mới đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 99"), thay thế Thông tư số 200/2014/TT BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và một số quy định khác có liên quan. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho các doanh nghiệp có năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Nhóm Công ty đang trong quá trình đánh giá tác động của Thông tư 99 đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và sẽ áp dụng Thông tư 99 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU *(Tiếp theo)*

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng hóa	-	chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Chi phí sản xuất dở dang	-	giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được tập hợp theo từng công trình.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản, nếu có.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.
Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU *(Tiếp theo)*

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị tài sản cho thuê và phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo thời hạn của hợp đồng thuê.

Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình trên bảng cân đối kế toán hợp nhất khi Nhóm Công ty nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và không được khấu hao do thời gian sử dụng là lâu dài.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Quyền sử dụng đất	39 - 50 năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	6 - 35 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Phần mềm máy tính	3 năm
Tài sản khác	5 năm

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU *(Tiếp theo)*

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm mới tài sản chưa được lắp đặt xong hoặc chi phí xây dựng cơ bản chưa được hoàn thành. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí vay đủ điều kiện được vốn hóa. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang tài khoản tài sản cố định thích hợp khi các tài sản này được lắp đặt xong hoặc dự án xây dựng được hoàn thành và khấu hao của các tài sản này sẽ được bắt đầu trích khi các tài sản này đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang ghi nhận vào chi phí trong năm trong trường hợp chi phí xây dựng cơ bản dở dang không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định.

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

- Công cụ, dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- Chi phí sữa chữa và cải tạo văn phòng;
- Chi phí bảo hiểm; và
- Chi phí trả trước khác.

3.11 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Phần sở hữu của Nhóm Công ty trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Ngoài ra, khi có sự thay đổi được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu của công ty liên kết, Nhóm Công ty sẽ ghi nhận phần chia sẻ của mình tương ứng với các thay đổi đó trong vốn chủ sở hữu . Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được/Lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được cấn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU *(Tiếp theo)*

3.11 Các khoản đầu tư (Tiếp theo)

Đầu tư vào các công ty liên kết (Tiếp theo)

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Dự phòng

Nhóm Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Nhóm Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Dự phòng chi phí bảo hành

Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng là dự phòng chi phí cho những sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng đã bán, đã cung cấp hoặc đã bàn giao cho người mua nhưng còn trong thời hạn bảo hành và Nhóm Công ty vẫn có nghĩa vụ phải tiếp tục sửa chữa, hoàn thiện theo hợp đồng hoặc theo cam kết với khách hàng.

Việc trích lập dự phòng bảo hành công trình xây dựng được thực hiện cho từng công trình, hạng mục công trình hoàn thành, bàn giao trong năm. Khoản dự phòng phải trả về chi phí dự phòng bảo hành công trình xây dựng được ghi nhận vào chi phí sản xuất chung. Trường hợp số dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp đã lập lớn hơn chi phí thực tế phát sinh thì số chênh lệch được hoàn nhập ghi vào thu nhập khác.

Dự phòng phải trả về bảo hành sản phẩm, hàng hoá được ghi nhận vào chi phí bán hàng. Trường hợp hoàn nhập chi phí bảo hành được ghi nhận giảm vào chi phí bán hàng.

Khoản dự phòng bảo hành được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ và công trình xây dựng tương tự. Trong đó, dự phòng bảo hành về công trình xây dựng được ước tính với tỷ lệ từ 0,5% đến 1% doanh thu phát sinh trong năm.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU *(Tiếp theo)*

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.15 Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng thuế. Các chi phí này được ghi nhận là một khoản khấu trừ từ thặng dư vốn cổ phần.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh.

3.16 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Nhóm Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và được các cổ đông phê duyệt tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông Thường niên:

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được ghi nhận như là một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.17 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU *(Tiếp theo)*

3.17 Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện và có xác nhận của khách hàng.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành và được khách hàng xác nhận vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức

Thu nhập cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

3.18 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Nhóm Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU *(Tiếp theo)*

3.18 Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (Tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và

- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc

- Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.19 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU *(Tiếp theo)*

3.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. SỰ KIỆN QUAN TRỌNG PHÁT SINH TRONG NĂM

4.1 Góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Vận hành và Bảo trì Cảng PECC2 ("PPOM")

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 040902/2025/NQ-HĐQT ngày 9 tháng 4 năm 2025 về việc thành lập PPOM, PPOM đã nhận được GCNĐKDN số 0318926353 do STC Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 4 năm 2025 với vốn điều lệ là VND 4.000.000.000. Nhóm Công ty đã hoàn tất việc góp vốn bằng tiền vào PPOM với tổng giá trị 2.020.000.000 VND, tương ứng với 50,5% sở hữu vào PPOM vào ngày 26 tháng 5 năm 2025.

4.2 Góp vốn thành lập Công ty TNHH Khảo sát và Xây dựng ("PSC")

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 070101/2025/NQ-HĐQT ngày 1 tháng 7 năm 2025 về việc thành lập PSC, PSC đã nhận được GCNĐKDN số 0319091058 do STC Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 6 tháng 8 năm 2025 với vốn điều lệ là VND 20.620.000.000. Công ty đã hoàn tất việc góp vốn thành lập PSC bằng tài sản với giá trị được đánh giá lại là VND 16.993.493.101 và bằng tiền với giá trị là VND 3.626.506.899, tương ứng 100% sở hữu tại PSC vào ngày 18 tháng 8 năm 2025.

4.3 Góp vốn thành lập Công ty TNHH Dịch vụ và Kỹ thuật Năng lượng PECC2 ("PESE")

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 090901/2025/NQ-HĐQT ngày 9 tháng 9 năm 2025 về việc thành lập PESE, PESE đã nhận được GCNĐKDN số 0319188606 do STC Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30 tháng 9 năm 2025 với vốn điều lệ là 69.000.000.000. Công ty đã hoàn tất góp vốp thành lập PESE bằng tài sản với giá trị được đánh giá lại là VND 49.346.468.500 và bằng tiền với giá trị là VND 19.653.531.500, tương ứng 100% sở hữu tại PESE vào ngày 1 tháng 10 năm 2025.

4.4 Thành lập Công ty TNHH MTV PESE (Lào) ("PESE Lào")

Theo Quyết định số 0178/QĐ-PESE ngày 16 tháng 10 năm 2025 về việc thành lập PESE Lào, PESE Lào đã nhận được Giấy Đăng ký Doanh nghiệp số 033093/ĐKDN cấp ngày 27 tháng 10 năm 2025 bởi Cục Đăng ký Doanh nghiệp nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Nhóm Công ty chưa hoàn tất việc góp vốn vào Công ty TNHH MTV PESE (Lào).

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm (chưa kiểm toán)
Tiền mặt	2.416.907.439	2.881.792.836
Tiền gửi ngân hàng	322.415.307.734	74.160.119.529
Các khoản tương đương tiền *(*)*	603.447.554.478	122.900.000.000
TỔNG CỘNG	**928.279.769.651**	**199.941.912.365**

(*) Đây là các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc một (1) tháng và hưởng lãi suất từ 3,0% đến 4,75%/năm (31 tháng 12 năm 2024: từ 2,1% đến 3,9%/năm).

Như đã được trình bày tại *Thuyết minh ("TM") số 21*, Nhóm Công ty đã sử dụng các khoản tiền gửi có kỳ hạn với số tiền là 2.000.000.000 VND để bảo đảm cho các khoản vay ngân hàng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam vào ngày 31 tháng 12 năm 2025.

6. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đây là các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc trên ba (3) tháng và kỳ hạn còn lại dưới mười hai (12) tháng và hưởng lãi suất từ 3,4%/năm đến 6,1%/năm (31 tháng 12 năm 2024: từ 3,4%/năm đến 4,7%/năm).

Như đã được trình bày tại TM số 21, Nhóm Công ty đã sử dụng các khoản tiền gửi có kỳ hạn với số tiền là 10.000.000.000 VND để bảo đảm cho các khoản vay ngân hàng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam vào ngày 31 tháng 12 năm 2025.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm (chưa kiểm toán)
Phải thu từ các bên liên quan *(TM số 33)*	563.068.623.727	534.850.802.606
Phải thu từ các bên khác	356.867.578.657	265.124.579.124
TỔNG CỘNG	**919.936.202.384**	**799.975.381.730**
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(51.035.301.454)	(33.128.687.657)
GIÁ TRỊ THUẦN	**868.900.900.930**	**766.846.694.073**

Như được trình bày tại *TM số 21*, một số khoản phải thu của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã được thế chấp cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam vào ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong năm:

VND

	Năm nay	Năm trước (chưa kiểm toán)
Số đầu năm (chưa kiểm toán)	33.128.687.657	49.864.971.133
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	20.723.289.327	9.319.179.643
Trừ: Sử dụng dự phòng trong năm	(12.000.000)	(1.841.936.492)
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(2.804.675.530)	(24.213.526.627)
Số cuối năm	**51.035.301.454**	**33.128.687.657**

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG *(Tiếp theo)*

Chi tiết các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi vào ngày 31 tháng 12 năm 2025:

VND

	Số đầu năm (chưa kiểm toán)			Số cuối năm		
	Nợ gốc	Dự phòng	Giá trị thuần	Nợ gốc	Dự phòng	Giá trị thuần
Công ty TNHH KC Cottrell Việt Nam	17.124.148.800	10.022.852.300	7.101.296.500	17.124.148.800	10.022.852.300	7.101.296.500
Công ty TNHH Hamon Việt Nam	5.391.339.686	5.391.339.686	-	5.391.339.686	5.391.339.686	-
Các bên khác	40.535.316.137	35.621.109.468	4.914.206.669	35.189.576.387	27.737.347.971	7.452.228.416
TỔNG CỘNG	**63.050.804.623**	**51.035.301.454**	**12.015.503.169**	**40.580.916.073**	**33.128.687.657**	**7.452.228.416**

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm (chưa kiểm toán)
Trả trước cho các nhà cung cấp	21.087.376.038	12.215.545.520
Công ty Cổ phần Đầu tư, Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh	*8.448.835.900*	-
Nhà cung cấp khác	*12.638.540.138*	*12.215.545.520*
Trả trước cho các bên liên quan *(TM số 33)*	-	207.950.900
TỔNG CỘNG	**21.087.376.038**	**12.423.496.420**
Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn khó đòi	(535.194.104)	(424.652.250)
GIÁ TRỊ THUẦN	**20.552.181.934**	**11.998.844.170**

9. PHẢI THU KHÁC

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm (chưa kiểm toán)
Ngắn hạn	**45.849.287.024**	**60.632.683.833**
Thu hộ	18.530.346.891	40.359.998.211
Tạm ứng cho nhân viên	16.270.558.684	10.433.096.615
Lãi phải thu	3.424.373.956	405.396.163
Phải thu cổ tức	1.671.304.500	99.411.600
Lãi trả chậm thu hộ	712.316.417	5.125.400.761
Khác	5.240.386.576	4.209.380.483
Dài hạn	**519.309.122**	**2.297.171.065**
Ký quỹ, ký cược	519.309.122	2.297.171.065
TỔNG CỘNG	**46.368.596.146**	**62.929.854.898**
Trong đó:		
Phải thu các bên khác	*44.697.291.646*	*57.705.042.537*
Phải thu ngắn hạn các bên liên quan (TM số 33)	*1.671.304.500*	*5.224.812.361*

10. HÀNG TỒN KHO

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm (chưa kiểm toán)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	42.672.459.867	140.974.342.286
Dự án Nhà máy Nhiệt điện Ô Môn IV	*10.332.124.740*	-
Các công trình lưới điện	*6.607.442.925*	*3.777.168.438*
Dự án nhà máy điện sinh khối Hậu Giang	-	*85.285.059.057*
Các công trình khác	*25.732.892.202*	*51.912.114.791*
Nguyên vật liệu	12.902.321.118	12.271.000.120
Công cụ, dụng cụ	1.789.243.601	445.775.964
Hàng hóa	130.357.000	1.505.252.658
Hàng đang đi trên đường	-	768.099.007
TỔNG CỘNG	**57.494.381.586**	**155.964.470.035**
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(767.329.617)	-
GIÁ TRỊ THUẦN	**56.727.051.969**	**155.964.470.035**

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm (chưa kiểm toán)
Ngắn hạn		
Phần mềm	3.494.136.938	2.595.824.218
Công cụ, dụng cụ	2.013.143.119	2.674.737.345
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.577.152.671	2.002.566.906
TỔNG CỘNG	**7.084.432.728**	**7.273.128.469**
Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ	3.918.145.747	1.191.786.385
Chi phí trả trước dài hạn khác	4.757.566.859	4.955.207.153
TỔNG CỘNG	**8.675.712.606**	**6.146.993.538**

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

VND

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá:					
Số đầu năm (chưa kiểm toán)	243.578.184.258	210.938.896.341	45.508.561.780	43.792.617.283	543.818.259.662
Mua mới trong năm	127.000.000	4.166.625.270	6.808.456.254	337.946.364	11.440.027.888
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	879.745.947	804.677.978	-	-	1.684.423.925
Thanh lý trong năm	(4.250.000)	(1.240.570.362)	(1.161.663.122)	(452.250.582)	(2.858.734.066)
Khác	-	175.499.533	(2.101.283.873)	(487.465.090)	(2.413.249.430)
Số cuối năm	**244.580.680.205**	**214.845.128.760**	**49.054.071.039**	**43.190.847.975**	**551.670.727.979**
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	*20.318.854.077*	*27.459.796.395*	*31.168.727.473*	*11.219.284.987*	*90.166.662.932*
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm (chưa kiểm toán)	(67.200.009.274)	(115.053.792.336)	(39.430.821.113)	(31.155.875.529)	(252.840.498.252)
Khấu hao trong năm	(11.768.337.068)	(19.314.280.418)	(1.876.957.734)	(7.185.172.829)	(40.144.748.049)
Thanh lý trong năm	2.479.167	1.240.570.362	1.131.924.300	452.250.582	2.827.224.411
Khác	-	259.444.444	4.555.556	97.778.182	361.778.182
Số cuối năm	**(78.965.867.175)**	**(132.868.057.948)**	**(40.171.298.991)**	**(37.791.019.594)**	**(289.796.243.708)**
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm (chưa kiểm toán)	176.378.174.984	95.885.104.005	6.077.740.667	12.636.741.754	290.977.761.410
Số cuối năm	**165.614.813.030**	**81.977.070.812**	**8.882.772.048**	**5.399.828.381**	**261.874.484.271**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, một số tài sản cố định của Nhóm Công ty đã được thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam như được trình bày tại TM số 21.

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

VND

	Quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số đầu năm (chưa kiểm toán)	157.748.193.775	54.855.507.695	212.603.701.470
Mua mới trong năm	-	3.248.927.500	3.248.927.500
Khác	-	(1.009.755.579)	(1.009.755.579)
Số cuối năm	**157.748.193.775**	**57.094.679.616**	**214.842.873.391**
Trong đó:			
Đã khấu hao hết	-	*47.631.012.995*	*47.631.012.995*
Giá trị khấu hao lũy kế:			
Số đầu năm (chưa kiểm toán)	(24.363.938.965)	(50.773.161.322)	(75.137.100.287)
Hao mòn trong năm	(3.088.858.632)	(2.676.312.964)	(5.765.171.596)
Khác	-	779.319.984	779.319.984
Số cuối năm	**(27.452.797.597)**	**(52.670.154.302)**	**(80.122.951.899)**
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm (chưa kiểm toán)	133.384.254.810	4.082.346.373	137.466.601.183
Số cuối năm	**130.295.396.178**	**4.424.525.314**	**134.719.921.492**

(*) Số dư này bao gồm quyền sử dụng đất với giá trị 147.704.992.000 VND tại Số 32 Đường Ngô Thời Nhiệm, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, nhận chuyển nhượng từ Công ty TNHH MTV Quản lý Kinh doanh nhà Thành phố theo Hợp đồng Số 02/HĐMBN-QLKQN ký ngày 16 tháng 1 năm 2017. Nhóm Công ty đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính liên quan và đang thực hiện các thủ tục để xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm (chưa kiểm toán)
Tòa nhà văn phòng PECC2 Tower - Số 32, Đường Ngô Thời Nhiệm	4.540.001.285	4.540.001.285
Các công trình khác	706.124.383	540.710.747
TỔNG CỘNG	**5.246.125.668**	**5.080.712.032**

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm (chưa kiểm toán)
Đầu tư vào các công ty liên kết (TM số 15.1)	401.904.436.940	374.632.102.780
Đầu tư vào các đơn vị khác (TM số 15.2)	47.237.000.600	47.237.000.600
TỔNG CỘNG	**7.084.432.728**	**7.273.128.469**
Dự phòng giảm giá trị đầu tư tài chính dài hạn	(30.093.178)	-
GIÁ TRỊ THUẦN	**449.111.344.362**	**421.869.103.380**

15.1 Đầu tư vào các công ty liên kết

Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích của Nhóm Công ty		Quyền biểu quyết của Nhóm Công ty	
			Số cuối năm	*Số đầu năm (chưa kiểm toán)*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm (chưa kiểm toán)*
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Tái tạo Cà Mau ("CMC") *(*)*	Phường An Xuyên, Tỉnh Cà Mau	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện; đầu tư xây dựng các dự án nguồn điện, sản xuất và kinh doanh điện năng	25,11%	25,11%	25,11%	25,11%
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2 ("TBC2")	Xã Thác Bà, Tỉnh Lào Cai		45,00%	45,00%	45,00%	45,00%
Công ty Cổ phần Năng lượng Tái tạo Sơn Mỹ ("SSC")	Xã Sơn Mỹ, Tỉnh Lâm Đồng		25,00%	25,00%	25,00%	25,00%

(*) Nhóm Công ty đã sử dụng 6.585.000 cổ phần sở hữu, tương ứng với 7,22 % sở hữu tại CMC làm tài sản bảo đảm cho hợp đồng vay của CMC tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội.

15.1 Đầu tư vào các công ty liên kết (Tiếp theo)

Chi tiết giá trị khoản đầu tư vào các công ty liên kết này trong năm hiện tại như sau:

VND

	Giá trị đầu tư vào			
	CMC	*TBC2*	*SSC*	*Tổng cộng*
Giá trị đầu tư:				
Số đầu năm *(chưa kiểm toán)* và số cuối năm	228.885.000.000	95.382.900.000	87.410.250.000	411.678.150.000
Phần lũy kế lợi nhuận (lỗ) sau khi đầu tư vào các công ty liên kết:				
Số đầu năm *(chưa kiểm toán)*	(60.383.493.179)	(3.655.654.159)	26.993.100.118	(37.046.047.220)
Phần lợi nhuận từ công ty liên kết	6.977.881.683	9.819.589.649	10.474.862.828	27.272.334.160
Số cuối năm	**(53.405.611.496)**	**6.163.935.490**	**37.467.962.946**	**(9.773.713.060)**
Giá trị còn lại				
Số đầu năm *(chưa kiểm toán)*	168.501.506.821	91.727.245.841	114.403.350.118	374.632.102.780
Số cuối năm	**175.479.388.504**	**101.546.835.490**	**124.878.212.946**	**401.904.436.940**

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN *(Tiếp theo)*

15.2 Đầu tư vào các đơn vị khác

Công ty	Số cuối năm				Số đầu năm (chưa kiểm toán)			
	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết	Giá trị gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết	Giá trị gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	%	VND	VND	VND	%	VND	VND	VND
Các công ty niêm yết		**18.406.850.600**	**77.902.958.185**	**-**		**18.406.850.600**	**78.758.049.202**	**-**
Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn	5	16.750.000.000	74.215.947.627	-	5	16.750.000.000	74.540.180.700	-
Công ty Cổ phần EVN Quốc tế	0,45	1.656.850.600	3.687.010.558	-	0,45	1.656.850.600	4.217.868.502	-
Các công ty khác		**28.830.150.000**	**(*)**	**-**		**28.830.150.000**	**(*)**	**(30.093.178)**
Công ty Cổ phần Năng lượng Sinh khối Hậu Giang ("HBE")	10	23.296.300.000	(*)	-	10	23.296.300.000	(*)	-
Công ty Cổ phần Năng lượng Sinh khối Trà Vinh ("TVBE") (**)	10	5.533.850.000	(*)	-	10	5.533.850.000	(*)	(30.093.178)
TỔNG CỘNG		**47.237.000.600**		**-**		**47.237.000.600**		**(30.093.178)**

(*) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này chưa được Ban Tổng Giám đốc Nhóm Công ty đánh giá một cách chính thức. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Nhóm Công ty tin tưởng rằng các khoản đầu tư này không bị tổn thất dựa trên kế hoạch phát triển và tiến độ thực hiện dự án của các công ty này.

(**) Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, một số cổ đông sáng lập của TVBE vẫn chưa thực hiện góp vốn đầy đủ vào TVBE theo các cam kết góp vốn ban đầu. Theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ Đông ngày 30 tháng 12 năm 2025, các cổ đông của TVBE đã thống nhất thông qua thời hạn góp vốn trước ngày 31 tháng 12 năm 2026. Do đó, Nhóm Công ty vẫn giữ 10% quyền biểu quyết và tỷ lệ sở hữu trong TVBE tại ngày 31 tháng 12 năm 2025.

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm		Số đầu năm (chưa kiểm toán)	
	Giá trị	*Số có khả năng trả nợ*	*Giá trị*	*Số có khả năng trả nợ*
Phải trả cho các bên khác	195.306.638.853	195.306.638.853	361.872.092.973	361.872.092.973
Phải trả cho các bên liên quan *(TM số 33)*	1.837.713.343	1.837.713.343	1.408.074.068	1.408.074.068
TỔNG CỘNG	**197.144.352.196**	**197.144.352.196**	**363.280.167.041**	**363.280.167.041**

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm (chưa kiểm toán)
Ngắn hạn	**984.346.947.269**	**21.395.630.576**
Các bên khác trả tiền trước	975.507.715.332	18.535.991.724
Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam - Ban quản lý dự án chuyên ngành Điện	*470.055.897.006*	-
Công ty TNHH Điện sinh khối Erex Tuyên Quang	*215.265.951.083*	-
Công ty TNHH Điện sinh khối Erex Yên Bái	*212.141.650.000*	-
Khách hàng khác	*78.044.217.243*	*18.535.991.724*
Các bên liên quan trả tiền trước *(TM số 33)*	8.839.231.937	2.859.638.852
Dài hạn	**2.241.081.250**	**2.241.081.250**
Công ty Cổ phần Thủy điện Mỹ Lý - Nậm Mô	2.241.081.250	2.241.081.250
TỔNG CỘNG	**986.588.028.519**	**23.636.711.826**

18. THUẾ

VND

	Số đầu năm (chưa kiểm toán)	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Phải nộp				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	23.975.997.878	(7.260.285.563)	16.715.712.315
Thuế giá trị gia tăng	3.055.306.293	95.179.016.063	(90.997.037.967)	7.237.284.389
Thuế thu nhập cá nhân	2.867.990.643	22.871.863.484	(23.667.135.914)	2.072.718.213
Khác	4.402.539	8.093.079.952	(5.959.870.142)	2.072.718.213
TỔNG CỘNG	**5.927.699.475**	**150.119.957.377**	**(127.884.329.586)**	**28.163.327.266**
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	5.927.699.475	52.704.665.428	(77.761.087.796)	529.782.091
Thuế thu nhập doanh nghiệp	293.031.662	-	(293.031.662)	-
TỔNG CỘNG	**25.879.236.121**	**52.704.665.428**	**(78.054.119.458)**	**529.782.091**

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm (chưa kiểm toán)
Trích trước chi phí dự án	25.479.243.166	8.939.674.924
Dự án Nhà máy điện sinh khối Hậu Giang	*10.297.152.761*	*2.506.901.136*
Dự án Nhà máy điện khí LNG Công Thanh	*6.512.100.000*	-
Dự án tuyến cáp ngầm Côn Đảo (Gói 12TV)	*2.707.770.501*	-
Các dự án khác	*5.962.219.904*	*6.432.773.788*
Chi phí dịch vụ bảo trì	4.771.715.392	32.332.110.220
Lãi vay	129.755.201	191.061.962
Chi phí khác	6.111.420.338	5.468.952.936
TỔNG CỘNG	**6.432.773.788**	**46.931.800.042**
Trong đó:		
Phải trả các bên khác	*34.277.839.924*	*44.534.135.099*
Phải trả khác các bên liên quan ngắn hạn (TM số 33)	*2.214.294.173*	*2.397.664.943*

20. PHẢI TRẢ KHÁC

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm (chưa kiểm toán)
Ngắn hạn	**7.770.961.167**	**55.372.475.795**
Phải trả liên quan dự án	1.310.362.956	1.310.362.956
Kinh phí công đoàn và bảo hiểm	1.152.817.984	1.420.974.972
Phải trả cổ tức	476.833.618	598.833.312
Lãi trả chậm thu hộ phải trả	109.969.716	5.127.444.797
Thu hộ phải trả	-	40.359.998.211
Khác	4.720.976.893	6.554.861.547
Dài hạn	**1.738.574.028**	**1.558.376.028**
Ký quỹ, ký cược	1.738.574.028	1.558.376.028
TỔNG CỘNG	**9.509.535.195**	**56.930.851.823**
Trong đó:		
Phải trả các bên khác	*9.399.565.479*	*16.570.853.612*
Phải trả các bên liên quan ngắn hạn (TM số 33)	*109.969.716*	*40.359.998.211*

21. VAY NGẮN HẠN

VND

	Số đầu năm (chưa kiểm toán)	Vay trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Vay ngân hàng (TM số 21.1)	133.450.227.085	238.506.016.965	(291.627.201.763)	80.329.042.287
Vay nhân viên (TM số 21.2)	7.574.450.000	900.000.000	(7.574.450.000)	900.000.000
TỔNG CỘNG	**141.024.677.085**	**239.406.016.965**	**(299.201.651.763)**	**81.229.042.287**

21.1 Vay ngân hàng ngắn hạn

Chi tiết các khoản vay ngân hàng ngắn hạn nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả nợ gốc	Lãi suất (%/ năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Chợ Lớn	25.413.549.730			
Khoản vay 1	18.750.925.175	Từ ngày 16 tháng 2 năm 2026 đến 17 tháng 3 năm 2026	*4,6*	*Tín chấp*
Khoản vay 2	6.662.624.555	Từ ngày 29 tháng 3 năm 2026 đến 1 tháng 6 năm 2026	*6,10 – 7,11*	*Tín chấp*
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thủ Thiêm	24.004.257.437	Từ ngày 12 tháng 1 năm 2026 đến 26 tháng 6 năm 2026	4,6 – 6,5	Tín chấp
Ngân hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	16.734.698.406	Từ ngày 16 tháng 1 năm 2026 đến 20 tháng 5 năm 2026	4,5 – 5,0	Tín chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	14.176.536.714	Từ ngày 23 tháng 1 năm 2026 đến 26 tháng 3 năm 2026	6,0 – 6,5	Tài sản cố định (TM số 12); Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (TM số 5 và 6); và Một số khoản phải thu (TM số 7)
TỔNG CỘNG	**80.329.042.287**			

21.2 Vay nhân viên ngắn hạn

Đây là các khoản vay tín chấp từ người lao động nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động với lãi suất 5,7%/ năm và đến hạn từ ngày 20 đến ngày 30 tháng 3 năm 2026.

22. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm (chưa kiểm toán)
Ngắn hạn	**21.859.186.988**	**22.806.723.632**
Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 mở rộng	20.576.843.244	20.601.843.244
Khác	1.282.343.744	2.204.880.388
Dài hạn	**21.095.795.099**	**23.505.033.229**
Dự án Nhà máy Điện gió Tân Thuận	10.389.868.860	10.846.849.547
Dự án Nhà máy điện sinh khối Hậu Giang	5.521.127.798	7.818.048.627
Dự án Nhà máy Điện than Vân Phong 1	2.883.328.251	4.154.704.519
Khác	2.301.470.190	685.430.536
TỔNG CỘNG	**42.954.982.087**	**46.311.756.861**

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải trả trong năm:

VND

	Năm nay	Năm trước (chưa kiểm toán)
Số đầu năm (chưa kiểm toán)	46.311.756.861	63.836.702.804
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	5.670.483.584	16.780.744.131
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(2.834.289.427)	(4.590.945.370)
Trừ: Sử dụng dự phòng trong năm	(6.192.968.931)	(29.714.744.704)
Số cuối năm	**42.954.982.087**	**46.311.756.861**

23. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

VND

	Năm nay	Năm trước (chưa kiểm toán)
Số đầu năm (chưa kiểm toán)	56.502.762.918	53.420.298.853
Cộng: Trích quỹ từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối *(TM số 25.1)*	24.053.205.000	21.863.247.000
Trừ: Khấu hao tài sản hình thành từ quỹ phúc lợi	(60.252.948)	(29.722.951)
Trừ: Sử dụng quỹ	(38.109.636.994)	(18.751.059.984)
Số cuối năm	**42.386.077.976**	**56.502.762.918**

24. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm (chưa kiểm toán)
Ngắn hạn	**3.152.887.321**	**2.953.850.505**
Lợi nhuận chưa thực hiện *(*)*	2.794.532.535	2.595.495.719
Khác	358.354.786	358.354.786
Dài hạn	**60.834.854.106**	**60.408.087.975**
Lợi nhuận chưa thực hiện *(*)*	60.834.854.106	60.408.087.975
TỔNG CỘNG	**63.987.741.427**	**63.361.938.480**

(*) Đây là số dư phản ánh phần lợi nhuận chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch giữa Nhóm Công ty và các công ty liên kết, liên quan đến hàng hóa và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp và được ghi nhận trong giá trị tài sản của các công ty liên kết.

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU

25.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

VND

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Tổng
Năm trước *(chưa kiểm toán)*								
Số đầu năm	675.261.650.000	4.922.641.050	12.641.457.169	380.193.662.909	210.652.054.051	-	6.688.200	1.283.678.153.379
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	75.529.290.162	-	-	75.529.290.162
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(67.526.165.000)	-	-	(67.526.165.000)
Trích quỹ đầu tư và phát triển	-	-	-	10.629.204.132	(10.629.204.132)	-	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(21.863.247.000)	-	-	(21.863.247.000)
Số cuối năm	**675.261.650.000**	**4.922.641.050**	**12.641.457.169**	**390.822.867.041**	**186.162.728.081**	**-**	**6.688.200**	**1.269.818.031.541**
Năm nay								
Số đầu năm (chưa kiểm toán)	675.261.650.000	4.922.641.050	12.641.457.169	390.822.867.041	186.162.728.081	-	6.688.200	1.269.818.031.541
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	94.635.699.467	-	-	94.635.699.467
Cổ tức công bố *(*)*	-	-	-	-	(67.526.165.000)	-	-	(67.526.165.000)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-		-	(1.722.825)	-	(1.722.825)
Trích quỹ đầu tư và phát triển *(*)*	-	-	-	12.934.081.168	(12.934.081.168)	-	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi *(*)*	-	-	-	-	(24.053.205.000)	-	-	(24.053.205.000)
Số cuối năm	**675.261.650.000**	**4.922.641.050**	**12.641.457.169**	**403.756.948.209**	**176.284.976.380**	**(1.722.825)**	**6.688.200**	**1.272.872.638.183**

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU *(Tiếp theo)*

25.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

(*) Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 6 năm 2025, Đại hội đồng cổ đông ("ĐHĐCĐ") của Công ty đã phê duyệt:

- chi trả cổ tức năm 2024 bằng tiền mặt với tỷ lệ 10% vốn điều lệ với tổng giá trị là 67.526.165.000 VND; và
- trích lập quỹ đầu tư phát triển và quỹ khen thưởng, phúc lợi với giá trị lần lượt là 12.934.081.168 VND và 24.053.205.000 VND

25.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm và số đầu năm (chưa kiểm toán)		
	Số có khả năng trả nợ	*Giá trị VND*	*%*
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	34.659.056	346.590.560.000	51,33
Các cổ đông khác	32.867.109	328.671.090.000	48,67
TỔNG CỘNG	**67.526.165**	**675.261.650.000**	**100**

25.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

VND

	Năm nay	Năm trước (chưa kiểm toán)
Vốn đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu năm *(chưa kiểm toán)* và số cuối năm	675.261.650.000	675.261.650.000
Cổ tức đã chia		
Cổ tức đã công bố	67.526.165.000	67.526.165.000
Cổ tức đã trả bằng tiền	67.656.616.000	67.791.659.000

25.4 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối năm	*Số đầu năm (chưa kiểm toán)*
Cổ phiếu đăng ký phát hành	67.526.165	67.526.165
Cổ phiếu đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	*67.526.165*	*67.526.165*
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	*67.526.165*	*67.526.165*

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (31 tháng 12 năm 2024: 10.000 VND/cổ phiếu). Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU *(Tiếp theo)*

25.5 Lãi trên cổ phiếu

Lợi nhuận và số cổ phiếu được sử dụng trong tính toán lãi cơ bản và suy giảm trên mỗi cổ phiếu được trình bày như sau:

VND

	Năm nay	Năm trước (chưa kiểm toán)	Năm trước (đã trình bày trước đây)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông *(VND)*	94.635.699.467	75.529.290.162	75.529.514.446
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi *(VND) (i)*	-	(24.053.205.000)	-
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông *(VND)*	**94.635.699.467**	**51.476.085.162**	**75.529.514.446**
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông *(cổ phiếu)*	67.526.165	67.526.165	67.526.165
Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu *(VND/ cổ phiếu)*	**1.401**	**762**	**1.119**

(i) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2025 do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho năm hiện tại.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây trong báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn này để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 6 năm 2025.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

25.6 Lợi ích cổ đông không kiểm soát

VND

	Lợi ích cổ đông không kiểm soát *PPOM*
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025	
Vốn điều lệ đã góp	1.980.000.000
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	
Phần lợi nhuận sau khi thành lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	975.675.125
	2.955.675.125

26. DOANH THU

26.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

VND

	Năm nay	Năm trước (chưa kiểm toán)
Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.264.622.237.840	1.252.747.473.084
Doanh thu hoạt động gia công cơ khí	49.319.225.074	99.864.310.590
Doanh thu bán điện	20.565.472.880	19.161.907.222
Doanh thu khác	84.720.353	239.573.565
TỔNG CỘNG	**1.334.591.656.147**	**1.334.591.656.147**
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên khác	*809.706.517.936*	*550.532.051.298*
Doanh thu đối với bên liên quan (TM số 33)	*524.885.138.211*	*821.481.213.163*

26.2 Doanh thu hoạt động tài chính

VND

	Năm nay	Năm trước (chưa kiểm toán)
Lãi tiền gửi	8.637.722.264	4.156.414.177
Cổ tức được chia	5.013.913.500	3.723.686.800
Lãi cho các khoản thanh toán trả chậm	3.105.750.398	8.747.340.557
Lãi từ chênh lệch tỷ giá	693.590.537	2.232.084.811
TỔNG CỘNG	**17.450.976.699**	**18.859.526.345**

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

VND

	Năm nay	Năm trước (chưa kiểm toán)
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	1.078.006.719.364	1.073.959.524.573
Giá vốn hoạt động gia công cơ khí	42.924.992.099	90.305.641.487
Giá vốn bán điện	14.834.638.795	13.421.874.902
TỔNG CỘNG	**1.135.766.350.258**	**1.177.687.040.962**

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

VND

	Năm nay	Năm trước (chưa kiểm toán)
Chi phí lãi vay	5.110.254.283	8.064.985.949
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.303.245.299	840.598.761
Dự phòng giảm giá trị khoản đầu tư tài chính	30.093.178	-
Khác	8.850.939	-
TỔNG CỘNG	**6.452.443.699**	**8.905.584.710**

29. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

VND

	Năm nay	Năm trước (chưa kiểm toán)
Chi phí bán hàng	**3.154.253.049**	**5.521.830.170**
Chi phí dự phòng bảo hành	2.049.858.755	4.230.642.037
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.104.394.294	1.291.188.133
Chi phí quản lý doanh nghiệp	**144.059.192.443**	**112.390.220.463**
Chi phí nhân viên	44.227.922.021	49.459.560.998
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.120.962.069	21.093.357.652
Dự phòng (hoàn nhập dự phòng) nợ phải thu khó đòi	18.029.166.651	(14.894.346.984)
Chi phí khấu hao và hao mòn	7.491.144.968	8.544.462.288
Chi phí công cu, dụng cụ	5.226.003.503	5.012.187.438
Chi phí khác	48.963.993.231	43.174.999.071
TỔNG CỘNG	**147.213.445.492**	**117.912.050.633**

30. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

VND

	Năm nay	Năm trước (chưa kiểm toán)
Thu nhập khác	**24.634.084.036**	**4.958.494.599**
Thu nhập từ bồi thường của nhà cung cấp	23.104.174.622	9.551.050
Hoàn nhập dự phòng bảo hành	-	4.022.030.176
Khác	1.529.909.414	926.913.373
Chi phí khác	**24.634.084.036**	**(3.040.508.923)**
Các khoản phạt	23.104.174.622	(3.008.838.587)
Chi phí khác	1.529.909.414	(31.670.336)
LỢI NHUẬN KHÁC THUẦN	**21.393.435.357**	**1.917.985.676**

31. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

VND

	Năm nay	Năm trước (chưa kiểm toán)
Chi phí nhân viên	485.142.081.917	357.973.088.033
Chi phí dịch vụ mua ngoài	395.018.861.031	706.022.470.003
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	80.029.765.077	111.287.972.156
Chi phí khấu hao và hao mòn	45.849.666.697	48.085.020.293
Chi phí dự phòng	21.738.732.631	2.495.813.861
Chi phí khác	156.898.805.978	119.648.367.848
TỔNG CỘNG	**1.184.677.913.331**	**1.345.512.732.194**

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Nhóm Công ty như sau:

- Mức thuế suất 10% thu nhập chịu thuế áp dụng cho hoạt động kinh doanh bán điện từ các Dự án Nhà máy điện mặt trời ("các dự án") và chi nhánh Cơ điện trong mười lăm (15) năm kể từ năm đầu tiên có doanh thu và thuế suất phổ thông tương ứng cho các năm tiếp theo. Các dự án và và chi nhánh Cơ điện được miễn thuế TNDN trong bốn (4) năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có lợi nhuận chịu thuế (năm 2019 và năm 2020) và được giảm 50% đối với thuế suất TNDN trong chín (9) năm tiếp theo; và
- Mức thuế suất 20% thu nhập chịu thuế áp dụng cho các hoạt động kinh doanh khác.

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

32.1 Chi phí thuế TNDN

VND

	Năm nay	Năm trước (chưa kiểm toán)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	23.975.997.878	11.026.678.053
Điều chỉnh thuế TNDN các năm trước	-	3.937.761.940
Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại	(8.311.209.556)	2.221.239.565
TỔNG CỘNG	**15.664.788.322**	**8.905.584.710**

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP *(Tiếp theo)*

32.1 Chi phí thuế TNDN (Tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

VND

	Năm nay	Năm trước (chưa kiểm toán)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**111.276.162.914**	**92.714.913.649**
Thuế TNDN áp dụng cho Nhóm Công ty	22.255.232.583	18.542.982.730
Các khoản điều chỉnh:		
Chi phí thuế không được trừ	398.386.689	483.240.975
Điều chỉnh thuế TNDN các năm trước	-	3.937.761.940
Phần lãi trong các công ty liên kết	(5.454.466.832)	(4.428.813.472)
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(1.002.782.700)	(919.557.860)
Khác	(531.581.418)	(429.990.826)
Chi phí thuế TNDN	**15.664.788.322**	**17.185.623.487**

32.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với lợi nhuận kế toán được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP *(Tiếp theo)*

32.3 *Thuế TNDN hoãn lại*

Nhóm Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả thuần với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

VND

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	Số cuối năm	*Số đầu năm (chưa kiểm toán)*	*Năm nay*	*Năm trước (chưa kiểm toán)*
Lợi nhuận chưa thực hiện	17.822.888.740	12.600.716.739	5.222.172.001	(467.004.927)
Chi phí phải trả	1.682.626.400	380.206.400	1.302.420.000	-
Người mua trả tiền trước	727.109.004	727.109.004	-	727.109.004
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	72.000.000	84.930.450	(12.930.450)	84.930.450
Dự phòng bảo hành	-	-	-	(481.166.338)
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(322.041.605)	(726.013.273)	403.971.668	(726.013.273)
Dự phòng đầu tư vào công ty liên kết	(10.681.122.299)	(12.076.698.636)	1.395.576.337	(1.359.038.410)
Tài sản thuế TNDN hoãn lại thuần	***9.301.460.240***	***990.250.684***		
Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh hợp nhất			***8.311.209.556***	***(2.221.183.494)***

33. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan có giao dịch với Công ty trong năm hiện hành và năm trước bao gồm:

VND

Bên liên quan	**Nội dung nghiệp vụ**	**Năm nay**	**Năm trước (chưa kiểm toán)**
Công ty mẹ:			
Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("EVN")	Cung cấp dịch vụ	103.372.500	-
Công ty liên kết:			
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Tái tạo Cà Mau ("CMC")	Cung cấp dịch vụ Chi hộ Thu nhập tiền lãi Thu hộ phạt vi phạm hợp đồng	112.199.387.262 6.593.873.061 2.876.450.994 -	46.284.525.964 63.879.432.795 8.157.673.066 40.359.998.211
Công ty Cổ phần Năng lượng Tái tạo Sơn Mỹ ("SSC")	Cung cấp dịch vụ Nhận cổ tức	6.912.918.273 -	6.694.630.220 874.102.500
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2 ("TBC2")	Cung cấp dịch vụ Góp vốn	3.257.412.372 -	6.444.393.846 17.640.450.000
Đầu tư khác:			
Công ty Cổ phần Năng lượng Sinh khối Hậu Giang ("HBE")	Cung cấp dịch vụ Góp vốn Thu nhập tiền lãi	160.350.934.650 - -	538.021.147.527 1.679.100.000 589.667.491
Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn	Nhận cổ tức	5.013.913.500	3.342.609.000
Công ty Cổ phần Năng lượng Sinh khối Trà Vinh ("TVBE")	Góp vốn Cung cấp dịch vụ	- -	3.533.850.000 -
Công ty Cổ phần EVN Quốc tế	Nhận cổ tức	-	381.077.800
Công ty cùng Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("Tập đoàn" hoặc "EVN"):			
Ban Quản lý Dự án ("QLDA") các công trình điện Miền Bắc	Cung cấp dịch vụ	34.344.906.243	17.403.136.152
Ban QLDA Điện 3	Cung cấp dịch vụ	33.868.436.684	65.571.233.924
Ban QLDA các công trình điện Miền Nam	Cung cấp dịch vụ	26.681.766.427	1.998.398.892
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Tái tạo An Đông	Cung cấp dịch vụ	26.550.000.000	-
Ban QLDA các công trình điện Miền Trung	Cung cấp dịch vụ	21.890.041.842	76.514.866.482
Công ty Mua bán điện	Bán điện	18.171.658.334	16.736.090.737
Chi nhánh ("CN") Tổng Công ty ("TCT") Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh (TP.HCM) TNHH - Ban QLDA Lưới điện TP.HCM	Cung cấp dịch vụ	11.190.537.707	2.132.569.022
Ban QLDA Truyền tải điện	Cung cấp dịch vụ	9.666.732.409	1.374.627.857

33. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN *(Tiếp theo)*

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan có giao dịch với Công ty trong năm hiện hành và năm trước bao gồm: (tiếp theo)

VND

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước (chưa kiểm toán)
Công ty cùng Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("Tập đoàn" hoặc "EVN"): (tiếp theo)			
Ban QLDA Điện 2	Cung cấp dịch vụ	9.213.412.290	12.815.915.973
Công ty Thủy điện Tuyên Quang	Cung cấp dịch vụ	4.684.038.138	82.344.111
Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	Cung cấp dịch vụ	4.661.156.563	3.565.688.502
Công ty Thủy điện Ialy - EVN	Cung cấp dịch vụ	3.804.192.010	-
Công ty Điện lực Thủ Đức	Mua dịch vụ	3.299.029.988	3.164.352.197
Công ty Thí nghiệm Điện Miền Nam	Mua dịch vụ	3.017.419.240	1.563.115.000
Công ty Thủy điện Đồng Nai - CN TCT Phát điện 1	Cung cấp dịch vụ Điều chỉnh giảm doanh thu cung cấp dịch vụ	2.923.372.786 -	5.449.338.721 (50.221.593)
Công ty Cổ phần Thủy điện Đại Ninh - CN TCT Phát điện 1	Cung cấp dịch vụ	2.765.785.798	-
Công ty Thủy điện Huội Quảng - Bản Chát – Chi nhánh EVN	Cung cấp dịch vụ	2.535.370.368	819.728.106
Ban QLDA Điện 1	Cung cấp dịch vụ	2.265.609.992	-
Ban QLDA EVNGENCO1 – CN TCT Phát điện 1	Cung cấp dịch vụ	1.697.307.668	-
Ban QLDA Nhiệt Điện 3	Cung cấp dịch vụ	1.450.947.399	3.991.324.541
Công ty Thủy điện Bản Vẽ - CN TCT Phát điện 1	Cung cấp dịch vụ	1.368.763.636	-
Ban QLDA Điện lực Miền Nam	Cung cấp dịch vụ Điều chỉnh giảm doanh thu cung cấp dịch vụ	1.355.526.269 -	178.855.049 (209.473.733)
Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai	Bán điện Mua dịch vụ	1.282.787.914 463.634.558	2.425.816.485 1.518.906.152
Công ty Thủy điện Buôn Kuốp	Cung cấp dịch vụ	1.229.178.035	-
Công ty Điện lực Đồng Nai – CN TCT Điện lực Miền Nam TNHH	Cung cấp dịch vụ	1.111.026.632	-
Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân - CN TCT Phát điện 3 - CTCP	Cung cấp dịch vụ	1.079.625.645	-
Ban QLDA Điện hạt nhân Ninh Thuận	Cung cấp dịch vụ	932.472.683	-
Công ty Thủy điện Trị An - CN EVN	Cung cấp dịch vụ	835.866.812	178.325.000
Công ty Phát triển Thủy điện Sê San - CN EVN	Cung cấp dịch vụ	801.782.518	591.669.891
Công ty Thủy điện Sơn La	Cung cấp dịch vụ	670.610.961	1.465.600.348

33. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN *(Tiếp theo)*

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan có giao dịch với Công ty trong năm hiện hành và năm trước bao gồm: (tiếp theo)

VND

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước (chưa kiểm toán)
Công ty cùng Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("Tập đoàn" hoặc "EVN"): (tiếp theo)			
Công ty TNHH MTV Thí nghiệm Điện Miền Trung	Mua dịch vụ	610.366.041	171.454.840
Công ty Truyền tải Điện 1	Cung cấp dịch vụ	604.155.046	252.814.000
Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam	Cung cấp dịch vụ	601.249.715	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà	Cung cấp dịch vụ Mua dịch vụ	524.594.700 -	494.181.818 1.833.333
Công ty Truyền tải Điện 2	Mua dịch vụ Cung cấp dịch vụ	585.669.612 -	439.252.209 71.530.606
Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ Thông tin - EVN	Mua dịch vụ	469.798.090	483.668.141
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ	Cung cấp dịch vụ	425.812.783	406.481.481
Ban QLDA Lưới điện Miền Trung	Cung cấp dịch vụ	419.638.636	277.273.350
Công ty Thủy điện A Vương	Cung cấp dịch vụ	403.117.380	-
CN TCT Điện lực TP.HCM TNHH - Công ty Lưới điện cao thế TP.HCM	Cung cấp dịch vụ	367.632.954	-
Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ	Cung cấp dịch vụ	341.558.648	
Công ty Điện lực Sài Gòn	Mua dịch vụ	230.180.831	211.220.347
Ban QLDA Lưới điện Miền Nam	Cung cấp dịch vụ	137.702.500	-
Công ty Điện lực Phú Thọ	Mua dịch vụ	121.005.448	477.547.212
Công ty TNHH MTV Khách sạn - Du lịch và Dịch vụ Thương mại Điện lực	Mua dịch vụ	97.314.815	127.986.097
Công ty Điện lực Lâm Đồng	Mua dịch vụ	80.308.723	97.661.917
Công ty Truyền tải điện 4	Cung cấp dịch vụ	24.435.364	798.459.873
Công ty Điện lực Thành phố Cần Thơ	Mua dịch vụ	18.697.678	15.940.118
Công ty Truyền tải Điện 3	Cung cấp dịch vụ	-	5.116.409.764
Ban QLDA Điện Nông thôn Miền Trung	Cung cấp dịch vụ	-	3.217.326.167
Công ty Nhiệt điện Mông Dương	Cung cấp dịch vụ	-	366.204.080
Công ty Điện lực Trà Vinh	Mua dịch vụ	-	160.607.976
Công ty Điện lực Cà Mau	Mua dịch vụ	-	102.574.467
Công ty Điện lực Đắk Lắk - Điện Lực Phú Hòa	Mua dịch vụ	-	28.499.706

33. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN *(Tiếp theo)*

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan có giao dịch với Công ty trong năm hiện hành và năm trước bao gồm: (tiếp theo)

VND

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước (chưa kiểm toán)
Công ty cùng Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("Tập đoàn" hoặc "EVN"): (tiếp theo)			
Công ty Dịch vụ Điện lực Miền Trung - CN TCT Điện lực Miền Trung	Mua dịch vụ	-	10.793.519
CN TCT Điện lực Miền Nam TNHH - Công ty Điện lực Ninh Thuận	Mua dịch vụ	-	806.620
Cổ đông lớn của Công ty con:			
Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Biển Hải Vân	Cung cấp dịch vụ Góp vốn vào PPOM Mua dịch vụ	9.178.301.665 1.960.000.000 50.183.526	- - -

33. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN *(Tiếp theo)*

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

VND

Bên liên quan	Số cuối năm	Số đầu năm (chưa kiểm toán)
Phải thu ngắn hạn của khách hàng về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Công ty liên kết:		
CMC	208.060.426.144	279.207.752.961
TBC2	200.000.000	1.719.686.700
SSC	9.848.539.676	6.539.988.372
Đầu tư khác:		
HBE	71.372.437.720	42.222.447.546
TVBE	2.960.542.857	2.960.542.857
Cổ đông lớn của Công ty con:		
Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Biển Hải Vân	2.943.324.547	-
Công ty cùng Tập đoàn EVN:		
Ban QLDA Nhiệt điện Vĩnh Tân - CN TCT Phát điện 3	54.050.434.910	54.050.434.910
Ban QLDA các công trình điện Miền Nam	40.873.721.702	12.141.504.983
Ban QLDA Điện 3	34.741.120.899	36.167.547.272
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Tái tạo An Đông	28.674.000.000	-
Ban QLDA các công trình điện Miền Trung	26.244.564.671	40.612.377.428
Ban QLDA các công trình điện Miền Bắc	23.974.355.961	17.158.721.583
Công ty Mua bán Điện	9.257.090.604	7.279.609.780
CN TCT Điện lực TP.HCM TNHH - Ban QLDA Lưới điện TP.HCM	7.915.377.004	1.345.852.498
Ban QLDA Điện 2	7.034.035.178	7.233.097.992
Ban QLDA Điện 1	4.754.386.933	2.528.662.232
Ban QLDA Truyền tải điện	4.174.843.383	2.760.915.840
Ban QLDA Lưới điện Miền Trung	4.166.583.885	3.759.801.365
Công ty Thủy điên Ialy - CN EVN	4.148.342.569	552.351.048
Công ty Thủy điện Tuyên Quang	3.482.872.238	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Đại Ninh - CN TCT Phát điện 1	2.659.613.751	-

VND

Bên liên quan	Số cuối năm	Số đầu năm (chưa kiểm toán)
Phải thu ngắn hạn của khách hàng về bán hàng và cung cấp dịch vụ (tiếp theo)		
Công ty cùng Tập đoàn EVN: (tiếp theo)		
Công ty Thủy điện Huội Quảng - Bản Chát - EVN	1.696.713.831	885.306.354
Công ty Thủy điện Bản Vẽ - CN TCT Phát Điện 1	1.478.264.727	-
Ban QLDA Nhiệt Điện 3	1.283.403.624	2.594.345.172
Công ty Thủy điện Buôn Kuốp	1.121.952.600	-
Công ty Thủy điện Đồng Nai - CN TCT Phát điện 1	1.000.000.000	4.390.142.600
Ban QLDA Điện hạt nhân Ninh Thuận	780.525.747	-
Ban QLDA Điện Nông thôn Miền Trung	671.664.206	671.664.206
Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam	649.349.692	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ	598.850.179	577.972.372
Công ty Truyền tải điện 1	405.866.448	422.274.318
Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	404.319.282	2.561.844.320
CN TCT Điện lực TP.HCM TNHH - Công ty Lưới điện cao thế TP.HCM	397.043.590	-
Ban QLDA Thủy điện 6	317.460.939	317.460.939
Ban QLDA EVNGENCO1 – CN TCT Phát điện 1	216.083.376	-
Ban QLDA Lưới điện Miền Nam	148.718.700	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1	140.125.556	311.508.995
Công ty Phát triển Thủy điện Sê San - CN EVN	108.755.937	593.211.482
Ban QLDA Thủy điện Sông Bung 2	90.501.000	90.501.000
TCT Phát điện 1	22.409.661	22.409.661
Công ty Thủy điện Sơn La	-	864.007.129
Công ty Truyền tải điện 4	-	714.043.559
TCT Điện Lực Thành Phố Hà Nội	-	691.815.311
Công ty Truyền tải điện 3	-	491.221.066
Công ty Nhiệt Điện Mông Dương	-	395.500.406

VND

Bên liên quan	Số cuối năm	Số đầu năm (chưa kiểm toán)
Phải thu ngắn hạn của khách hàng về bán hàng và cung cấp dịch vụ (tiếp theo)		
Công ty cùng Tập đoàn EVN: (tiếp theo)		
Công ty Điện lực Kiên Giang	-	14.036.017
Công ty Truyền tải điện 2	-	219.621
Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai	-	22.711
TỔNG CỘNG	**563.068.623.727**	**534.850.802.606**
Phải thu ngắn hạn khác về chi hộ		
Công ty liên kết:		
CMC	-	5.125.400.761
Phải thu ngắn hạn khác về nhận cổ tức		
Đầu tư khác:		
Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn	1.671.304.500	-
Công ty Cổ phần EVN Quốc tế	-	99.411.600
TỔNG CỘNG	**1.671.304.500**	**5.224.812.361**
Trả trước cho người bán ngắn hạn về mua dịch vụ		
Công ty trong cùng Tập đoàn EVN:		
CN Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3 - Xí nghiệp Khảo sát và Xây dựng Điện	-	157.950.900
CN TCT Điện lực Miền Nam TNHH - Công ty Thí nghiệm Điện miền Nam	-	50.000.000
TỔNG CỘNG	**-**	**207.950.900**

33. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN *(Tiếp theo)*

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

VND

Bên liên quan	Số cuối năm	Số đầu năm (chưa kiểm toán)
Phải trả người bán ngắn hạn về mua dịch vụ		
Công ty liên kết:		
CMC	116.640.000	-
Công ty trong cùng Tập đoàn EVN:		
Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện Miền Trung	402.733.070	92.836.260
CN Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3 - Xí nghiệp Khảo sát và Xây dựng Điện	350.292.780	-
CN TCT Điện lực Miền Nam TNHH - Công ty Thí nghiệm Điện Miền Nam	290.879.165	826.610.840
Công ty Viễn thông và Công nghệ Thông tin - EVN	258.388.950	258.388.950
Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện Miền Bắc	203.040.000	-
Công ty Truyền Tải Điện 2	158.130.795	158.130.795
Công ty Điện lực Cà Mau	39.044.328	32.139.945
Công ty Điện lực Lâm Đồng	10.689.255	11.445.533
Công ty TNHH MTV Khách sạn - Du lịch và Dịch vụ Thương mại Điện lực	7.875.000	11.300.000
Công ty Điện lực Thành phố Cần Thơ	-	17.215.327
Công ty Điện lực Sài Gòn	-	6.418
TỔNG CỘNG	**1.837.713.343**	**1.408.074.068**

33. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN *(Tiếp theo)*

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

VND

Bên liên quan	Số cuối năm	Số đầu năm (chưa kiểm toán)
Người mua trả tiền trước ngắn hạn về cung cấp dịch vụ		
Công ty mẹ:		
EVN	161.572.159	223.595.659
Công ty trong cùng Tập đoàn EVN:		
Tổng Công ty phát điện 3 - CTCP	5.000.554.365	-
Ban QLDA Điện lực Miền Nam	1.327.404.300	2.633.053.430
Công ty Truyền tải điện 3	908.801.034	-
Công ty Truyền tải điện 2	872.143.148	-
Công ty Truyền tải điện 4	565.767.168	-
Công ty Điện lực Bình Dương	2.989.763	2.989.763
TỔNG CỘNG	**8.839.231.937**	**2.859.638.852**

33. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN *(Tiếp theo)*

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

VND

Bên liên quan	Số cuối năm	Số đầu năm (chưa kiểm toán)
Trích trước chi phí ngắn hạn về mua dịch vụ		
Công ty trong cùng Tập đoàn EVN:		
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1	1.901.032.000	1.901.032.000
Công ty Điện lực Thủ Đức	119.900.801	89.695.030
Công ty Điện lực Đồng Nai – CN TCT Điện lực Miền Nam TNHH	86.316.773	-
Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ Thông tin – CN EVN	83.434.088	200.241.810
Công ty Điện lực Sài Gòn	23.610.511	16.120.061
Công ty Truyền tải Điện 2	-	146.417.402
Công ty Điện lực Lâm Đồng	-	22.427.046
Công ty Điện lực Cà Mau	-	19.280.614
Công ty Điện lực Đắk Lắk	-	2.450.980
TỔNG CỘNG	**2.214.294.173**	**2.397.664.943**
Phải trả ngắn hạn khác về thu hộ		
Công ty liên kết:		
CMC	109.969.716	40.359.998.211

33. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN *(Tiếp theo)*

Danh mục và tiền lương. thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT"). Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm theo phê duyệt của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 6 năm 2025 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 14 tháng 6 năm 2024 như sau:

VND

Tên	Chức vụ	Thu nhập	
		Năm nay	*Năm trước (chưa kiểm toán)*
Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc			
Ông Nguyễn Chơn Hùng	Chủ tịch HĐQT	1.008.000.000	507.960.000
Ông Võ Văn Bình	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	943.200.000	489.144.000
Bà Phạm Liên Hải	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	823.200.000	432.708.000
Ông Nguyễn Trọng Nam	Phó Tổng Giám đốc	660.000.000	432.708.000
Ông Nguyễn Hải Phú	Phó Tổng Giám đốc	660.000.000	432.708.000
Thù lao của Hội đồng Quản trị			
Ông Nguyễn Mạnh Phát	Thành viên HĐQT	163.200.000	82.800.000
Ông Đinh Quang Tri	Thành viên HĐQT	163.200.000	82.800.000
Thu nhập của Kế toán trưởng			
Bà Bùi Thị Ngọc Lý	Kế toán trưởng	540.000.000	395.076.000
Thù lao của thành viên Ban Kiểm soát			
Bà Nguyễn Hồng Khanh	Trưởng Ban Kiểm soát	168.000.000	86.400.000
Bà Trần Thị Việt Hà	Thành viên Ban kiểm soát	163.200.000	82.800.000
Bà Phạm Thị Lan Anh	Thành viên Ban kiểm soát	163.200.000	82.800.000
TỔNG CỘNG		**5.455.200.000**	**3.107.904.000**

34. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính của Nhóm Công ty là cung cấp dịch vụ tư vấn khảo sát, máy móc thiết bị và dịch vụ xây lắp, vận hành nhà máy điện, bán điện. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Nhóm Công ty sản xuất ra hoặc do Nhóm Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Nhóm Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Nhóm Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

35. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động – Nhóm Công ty là bên đi thuê

Nhóm Công ty hiện đang thuê đất, thuê văn phòng và các dịch vụ theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm (chưa kiểm toán)
Dưới 1 năm	5.328.997.503	5.328.997.503
Từ 1 đến 5 năm	21.195.730.013	20.466.712.310
Trên 5 năm	148.357.624.736	148.049.109.367
TỔNG CỘNG	**174.882.352.252**	**173.709.587.254**

Cam kết cho thuê hoạt động – Nhóm Công ty là bên cho thuê

Nhóm Công ty hiện đang cho thuê văn phòng theo các hợp đồng cho thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải thu tối thiểu trong tương lai theo các hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm (chưa kiểm toán)
Dưới 1 năm	7.193.228.308	8.505.034.168
Từ 1 đến 5 năm	3.791.952.000	6.195.388.540
TỔNG CỘNG	**10.985.180.308**	**14.700.422.708**

36. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm (chưa kiểm toán)
Ngoại tệ - Đô la Mỹ *(USD)*	11.168.789,21	1.935.187,44
Ngoại tệ - Rúp Nga *(RUB)*	237.520	7.520
Ngoại tệ - Yên Nhật *(JPY)*	352.000	352.000

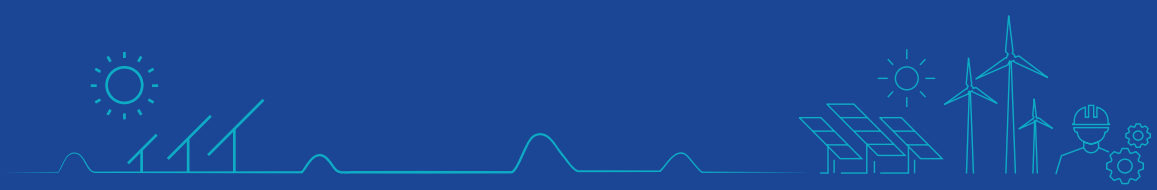
37. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2026

Hoàng Thụy Hoài Yến	**Bùi Thị Ngọc Lý**	**Phạm Liên Hải**
Người lập biểu	*Kế Toán Trưởng*	*Phó Tổng Giám Đốc*



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2

TRỤ SỞ CHÍNH
32 Ngô Thời Nhiệm, P. Xuân Hòa, TP. HCM, Việt Nam
T | (028) 2221 6468 F | (028) 222 10 408 E | info@pecc2.com

PECC2 INNOVATION HUB
Số 45, Đường Số 2, P. Thủ Đức, TP. HCM, Việt Nam
T | (028) 2221 6468 F | (028) 222 10 408 E | info@pecc2.com

www.pecc2.com